

Sống Theo Thánh Kinh

*Hướng dẫn người hành hương tìm giải đáp
cho các vấn đề sâu sắc nhất của đời sống*



Tác giả

Tổng Giám Mục J. Hickey

(Bản Việt Ngữ: Vũ Văn An, Sydney)

NỘI DUNG

Lời dịch giả	Trang 4
Lời giới thiệu	Trang 5
Lời cảm ơn	Trang 6
Lời tác giả	Trang 7
Nhập đề	Trang 8
Chương 1: Thách đố trước mắt chúng ta	Trang 10
Chương 2: Chúa Giêsu - Người Do Thái trung thành	Trang 12
Chương 3: Chúa Giêsu - Cuộc chạm trán cuối cùng	Trang 16
Chương 4: Chúa Giêsu - Sự nên trọn của Sách Thánh	Trang 19
Chương 5: Sống theo Thánh Kinh - Sáu bước:	Trang 26
1. <i>Biết rõ nhu cầu được cứu độ của chính bạn</i>	Trang 28
2. <i>Hãy lắng nghe!</i>	Trang 29
3. <i>Đích thân biết Chúa Giêsu</i>	Trang 31
4. <i>Là phần tử của Cộng Đồng Giáo Hội</i>	Trang 32
5. <i>Để Chúa Giêsu biến đổi bạn</i>	Trang 32
6. <i>Đích thân sống cuộc sống chính trực</i>	Trang 33
Chương 6: Sống Luật Yêu Thương - Hôn nhân Kitô Giáo	Trang 36
Chương 7: Sống trong Chúa Thánh Thần	Trang 42

Chương 8: Các nguồn gốc của Thánh Thể trong Thánh Kinh	Trang 46
Chương 9: Mở Thánh Kinh	Trang 59
Chương 10: Các Thánh Vịnh và Thánh Ca	Trang 65
Các phụ lục	
<i>I.Đền Thờ Giêrusalem</i>	Trang 70
<i>II.Lược Sử Giêrusalem</i>	Trang 72

LỜI DỊCH GIẢ

Ý tưởng chuyển cuốn “Living Biblically” của Đức Tổng Giám Mục Barry J. Hickey từ Anh ngữ qua Việt ngữ là của sơ Lê Linh, một nữ tu Việt Nam từng du học và làm việc lâu năm ở Sydney, NSW và mấy năm nay đang phục vụ tại Perth, Western Australia. Ý tưởng này được ngỏ với tôi và vốn không được tôi nồng hậu tiếp nhận, bởi lẽ sách của một vị Tổng Giám Mục hẳn rất cao siêu, vượt quá khả năng hiểu biết của một giáo dân như tôi. Nhưng nhớ lại hồi mới nhận phụ trách lớp Giáo Lý Dự Bị Hôn Nhân cho Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam ở Sydney cuối thập niên 1980, tôi đã từng biết vị Tổng Giám Mục này, lúc ấy là Giám Mục Geraldton, và là tác giả cuốn *Preparing Couples for Marriage* với một giọng văn hết sức trong sáng và tha thiết, nên tôi nói với sơ Lê Linh gửi tác phẩm mới của ngài cho tôi đọc thử xem sao. Hoá ra vẫn một giọng văn trong sáng và tha thiết như ngày nào. Tôi bèn thừa với sơ Lê Linh để tôi chuyển ngữ thử. Đó là nguyên lai của bản “Sống Theo Thánh Kinh” này.

Các trích dẫn trong sách này được lấy từ Kinh Thánh Trọn Bộ Cựu Và Tân Ước của Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, với một vài thay đổi nhỏ nhỏ trong cách trình bày và một số rất ít ngoại lệ trong lối dịch để tôn trọng mạch văn của tác giả.

Hy vọng bản dịch này mang lại chút đỉnh ích lợi nào đó cho bạn đọc Việt Nam và đóng góp phần nhỏ bé vào chương trình giúp các linh mục và tu sĩ Việt Nam sang Úc du học của Đức Tổng Giám Mục Barry J. Hickey, Tổng Giáo Phận Perth.

Sydney, Tháng Mân Côi 2009
Vũ Văn An

Lời Giới Thiệu

Thiên Niên Kỷ thứ ba đã đến, mới đó đã mười năm rồi, mang theo rất nhiều biến cố và giao động. Nhóm Hồi Giáo quá khích đánh sập hai tòa nhà chọc trời Trung Tâm Thương Mại Thế Giới tại New York gây ra cái chết của hàng ngàn nạn nhân với những tai họa kinh tế khôn lường. Chiến tranh ở các nước Trung Cận Đông ngày càng leo thang, khiến một số cường quốc phải lâm cảnh sa lầy như ở chiến trường Việt Nam 40 năm trước. Khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã góp phần lay động nền tảng các quốc gia và vào tận các gia đình. Bom có thể nổ ở bất kỳ nơi nào, vào bất kỳ lúc nào, rồi nạn bất cóc con tin, nạn không

tặc, nạn xả súng loạn xạ vào đám đông vô tội... Tất cả đã gieo vào tâm hồn nhân loại một mối lo âu không lời giải đáp. Viễn tượng an cư lạc nghiệp và một nền hoà bình ổn định dường như chỉ còn trong giấc mơ mà thôi. Chẳng còn ai hình dung được tương lai của một thế giới trong an bình và huynh đệ ra sao, có còn thực hiện được không. Chẳng còn ai thấy mình thực sự an toàn trên mặt địa cầu này.

Thêm vào đó, nhân loại đang lo âu cho những giá trị đạo đức càng ngày càng bị thoái hoá trầm trọng. Nền tảng gia đình bị tan vỡ từng mảnh. Con người, dưới lớp vỏ tự do chủ nghĩa và cá nhân chủ nghĩa, lại trở thành một thứ robot lệ thuộc vào đủ mệnh lệnh và nhu cầu vật chất. Hơn bao giờ hết, đời sống đức tin của các Kitô hữu đang gặp rất nhiều thách đố. Chủ Nghĩa Vật Chất Hóa được hỗ trợ bởi nền Văn Minh Hưởng Thụ, bày ra mọi phương tiện để thỏa mãn các nhu cầu chính đáng lẫn không chính đáng, đã vô hình đẩy nhân loại vào Chủ Nghĩa Trần Tục Hoá: Thiên Chúa đã bị đặt thành vấn đề và đức tin tôn giáo trở nên một nghi vấn. Đức tin là chuyện thần thoại và hoang đường chẳng? Tôn giáo là một thứ thuốc phiện ru ngủ con người chẳng?

Kế đó là những tổ giác liên tiếp về sự lạm dụng tình dục trong hàng giáo sĩ, nghiêm trọng đến nỗi trở thành niềm đau chung cho cả Giáo Hội. Vào đầu Thiên Niên Kỷ thứ ba này, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô Đệ Nhị đã công khai nhân danh Giáo Hội Toàn Cầu thông hối và xin tha thứ những lỗi lầm của Giáo Hội qua hai ngàn năm lịch sử. Có cái gì đè nặng lên tâm hồn các tín hữu. Sự thất vọng, lo âu và một nỗi buồn mênh mang đang xâm chiếm tâm hồn nhiều môn đệ của Chúa Kitô. Tìm đâu ra điểm tựa vững chắc để phục hồi niềm tin?

Cuốn sách "**Living Biblically**" của Đức Tổng Giám Mục Barry James Hickey loan báo một sứ điệp rất hợp thời cho tất cả những vấn nạn nêu trên. Rất hợp thời vì bắt nguồn từ Sứ Điệp ngàn đời của Lời Chúa hay của Tin Mừng vĩ đại nhất. Vâng, câu trả lời cho tất cả những băn khoăn trắc trở nêu trên đều nằm trong việc khám phá lại Sứ Điệp của Tin Mừng chất chứa trong Thánh Kinh. Không những đọc Thánh Kinh mà còn phải sống từng lời mời gọi của Thánh Kinh một cách triệt để. Đi sâu vào Thánh Kinh để vun đắp lại niềm tin vào Chúa Kitô là Thiên Chúa hằng sống, để đặt trọn niềm hy vọng nơi Chúa Thánh Thần, Đấng không ngừng tác động và canh tân địa cầu. **Sống Theo Thánh Kinh** để giải quyết những vết thương nhức nhối của Giáo Hội và tất cả những vấn đề nhân sinh như hận thù, chiến tranh, bệnh tật, bất công, nghèo đói...

Bác Vũ Văn An (Sydney) đã hy sinh công sức và thời gian để chuyển ngữ quyển sách quý báu này một cách khéo léo, khéo léo ở chỗ giữ được giọng văn trong sáng và tha thiết nhưng nhấn mạnh của Đức Tổng Giám Mục Barry J. Hickey, đồng thời chuyển ý sao cho thuận tai người đọc mà vẫn tôn trọng mạch văn của tác giả. Hy vọng Thiên Chúa sẽ đền đáp công ơn của bác qua việc đọc, học hỏi, suy niệm và **Sống Theo Thánh Kinh** mà các cộng đoàn sẽ phát động khi quyển sách này được mọi người nhiệt tình đón nhận.

Trong niềm hy vọng đó, tôi có vinh dự được viết *Lời Giới Thiệu* quyển sách này như một đóng góp nhỏ nhoi, thấp lên một que diêm giữa chập chùng đen tối, và như một quyết tâm tìm về với cội nguồn của Thánh Kinh là kho tàng của Lời Hằng Sống và là Tin Mừng vĩ đại nhất của toàn thể nhân loại.

Viết tại Perth, Chúa Nhật ngày 01/08/2010
Linh mục Micae Phạm Quang Hồng

LỜI CẢM ƠN CỦA TÁC GIẢ

Tôi xin chân thành biết ơn quý cộng tác viên đã giúp tôi trong việc nghiên cứu các tài liệu và góp ý cho nội dung của cuốn sách này.

Tôi rất quý trọng lòng tốt của cha Rosario Pierri OFM, thư ký Học Viện Thánh Kinh của Dòng Phanxicô tại Giêrusalem. Cha đã mở cửa thư viện của Dòng trong kỳ nghỉ để tôi có cơ hội tìm tòi những tài liệu nghiên cứu tuyệt vời. Cũng xin ghi ân sự tiếp đón nồng hậu của cha Fergus Clark, OFM, tại đan viện ở Ain Karem. Chính tại nơi đây, tôi đã có những giờ phút yên tĩnh và thanh thản để soạn thảo nhiều phần của cuốn sách này.

Tôi cũng mang ơn các cộng đoàn Domus Betania và Domus Mamre đã quan tâm, nâng đỡ và gọi cho tôi nhiều ý tưởng hữu ích.

Tôi đặc biệt cảm ơn ông Hugh Ryan là người đã góp nhiều công sức trong việc hoàn thành tác phẩm này.

LỜI TÁC GIẢ

Lễ Phục Sinh và Hiện Xuống đã thay đổi thế giới. Chúa Kitô đã sống lại từ cõi chết để thế giới có thể thoát khỏi sự ác bằng cuộc sống được Chúa Thánh Thần biến đổi. Nếu cõi lòng chúng ta đã ra nguội lạnh và rã rời trong thời đại thế tục này, nếu muối đã mất đi vị mặn của nó, thì cuốn sách này là lời mời gọi chúng ta cảm nghiệm lại sự diệu kỳ của kế hoạch Thiên Chúa dành cho nhân loại, hầu tìm lại cho chính mình niềm vui và hy vọng.

Hiện nay không gì là không thể thực hiện được vì Chúa Kitô đã sống lại và Thánh Thần của Người đã được tuôn đổ trên chúng ta.

Tuy nhiên, theo đường lối của những thách thức khác, chủ nghĩa thế tục cũng sẽ gây đe dọa cho quyền tối thượng của Thiên Chúa và Tin Mừng cứu rỗi.

Đây là lời mời gọi sống theo Thánh Kinh! Đây là lời mời gọi cộng tác vào kế hoạch vĩ đại của Thiên Chúa dành cho loài người, thông dự vào nhiệm kịch cứu rỗi vĩ đại vốn khởi đầu từ Ápraham và Môsê, rồi đạt tới tột đỉnh nhờ việc Chúa Kitô đến và bây giờ vẫn tiếp diễn trong quyền lực Chúa Thánh Thần.

Đây là lời mời gọi sống như Đức Maria, nữ tỳ của Thiên Chúa, Đấng tràn đầy Chúa Thánh Thần và là công cụ mềm dẻo trong bàn tay Thiên Chúa. Một lời mời gọi trở nên giống các Kitô hữu sơ khai là những người đã sống trong tác động trực tiếp của biến cố Phục Sinh và Hiện Xuống. Một lời mời gọi lắng nghe Lời Thiên Chúa. Một lời mời gọi sống trong Chúa Thánh Thần. Một lối sống mới cùng với Đức Giêsu là Chúa.

Cuốn sách này cũng là lời mời gọi rao giảng Phúc Âm. Xin nhớ rằng việc loan truyền Tin Mừng không hẳn là một kế hoạch hay một chương trình, nhưng là một khát vọng nóng bỏng muốn loan truyền cho thế giới những điều kỳ diệu Thiên Chúa đã thực hiện trong cuộc sống chúng ta.

NHẬP ĐỀ

Cuốn sách nhỏ này được viết ra tại Thành thánh Giêrusalem. Cảnh hoang tàn của Đền Thờ vĩ đại này và con người Chúa Giê-su đã là nguồn hứng cảm cho tôi, vì chính Người đã tới đó tham dự các đại lễ Do Thái và giảng dạy tại tiền đình của Đền Thờ.

Tôi đã cố gắng tìm cách hiểu khác hơn về ý nghĩa quan trọng trong việc Chúa Giê-su công bố Vương Quốc của Người, một Vương Quốc được thiết lập trên hậu cảnh Luật Mô-sê và niềm mong đợi Đấng Được Xức Dầu.

Tác giả cuốn sách này đã viết bằng con tim của Giáo hội. Đây là người đang tìm cách theo chân Chúa Kitô và tuyên xưng Người. Cuốn sách này viết cho những tín hữu Công giáo trung thành đang còn giữ đạo, cho những ai đang hoạt động nhưng dần dà mệt mỏi, những ai xa lạc nẻo chính, những Kitô hữu là những người có nhiều quan điểm chung với chúng ta, cho giới trẻ đang đi tìm chân lý, những người tình cờ lục lọi và rất có thể họ sẽ gặp được trong những trang sách này một lời nào đó có thể sẽ khuyến khích họ muốn tìm hiểu thêm.

Còn về tựa sách thì sao?

Trong nhiều hội nghị và trong nhiều buổi gặp gỡ khác, tôi thường hay thúc giục người ta sống theo Thánh Kinh và họ luôn luôn yêu cầu tôi giải thích kiểu nói này, bởi vì khi mới nghe họ thấy nó có vẻ mới và khá khác lạ.

Thực ra, kiểu nói này vốn không phải của tôi. Các đây mấy năm, tôi chợt chú ý tới điều này khi đọc một bài trên tờ *The Tablet* của Anh, một ấn phẩm độc lập của Công giáo chuyên bàn về các sự việc trong Giáo hội. Bài báo này thuật lại kinh nghiệm của một nữ ký giả. Ban đầu cô tham dự miễn cưỡng các sinh hoạt của một nhóm đặc sủng Công giáo. Cô chỉ muốn quan sát thôi, và nghĩ rằng chẳng bao giờ mình lại bị lôi kéo vào một điều mà thoát tiên cô coi như một phong cách thờ phượng đầy kỳ dị và không giống kiểu Anh chút nào, vì đặc điểm của họ là vỗ tay khá nhiều, ca hát say sưa và nói tiếng lạ. Đây không phải là cách thờ phượng của cô.

Cho đến một ngày kia ... Cô kể lại kinh nghiệm hoàn toàn bất ngờ của mình khi bị choáng ngợp bởi tác động của Chúa Thánh Thần, lòng cô tràn đầy niềm vui và bình an. Một cảm nghiệm “tái sinh”, hay nói theo ngôn từ Công giáo, đó là một ơn trở lại đầy cảm kích nhờ ơn huệ dồi dào của Chúa Thánh Thần.

Sau khi đọc lại Sách Tông Đồ Công Vụ, cô chỉ biết diễn tả cảm nghiệm của mình là “sống theo Thánh Kinh” giống như các Kitô hữu lúc ban đầu. Các Kitô hữu ấy nhận thức được sự hiện hữu của Thiên Chúa và họ luôn mở rộng lòng đón nhận sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần. Từ đó được tràn đầy niềm tin cậy, yêu thương và bình an lớn lao. Cứ thế, từ đây kiểu nói “sống theo Thánh Kinh” hằn sâu vào tâm trí tôi. Tôi nhận thấy có một cái gì tươi mới trong kiểu nói này. Nó đưa tôi đi ngược lại thời khởi nguyên của Thánh Kinh để hiểu theo cách mới ý nghĩa của Phép Rửa và Phép Thêm Sức, cũng như các chiều kích đức tin đã bị lãng quên.

Đối với tôi, từ ngữ “Sống theo Thánh Kinh” bây giờ mang ý nghĩa rộng rãi, hơn là chỉ mở lòng ra cho Chúa Thánh Thần. Đây là cách biểu lộ điều mà tôi tin là thiết yếu đối với xã hội thế tục của chúng ta,

một ý thức là ta đang sống trong thời đại của Chúa Phục Sinh, thời đại của Chúa Thánh Thần. Nhận thức mới này có thể đem lại sức sống cho đức tin của ta và một năng lực mới cho việc ta công bố Chúa Kitô.

Để hiểu ý nghĩa của điều trên, ta cần trở lại với Thánh Kinh. Cần xem lại nhiệm kịch vĩ đại về cuộc đời và cái chết của Chúa Giêsu dựa vào bối cảnh bao nhiêu ngàn năm đằng đẵng trông đợi Đấng Được Xức Dầu đến. Ta cần thấy rằng Chúa Giêsu là tột đỉnh hành động cứu độ của Thiên Chúa mà Cựu Ước đã mô tả.

Muốn hiểu được tính năng động của thời đại Thiên Sai, không có cách nào khác hơn là tái khám phá các trang Thánh Kinh để thấy lại tầm quan trọng lớn lao của những gì Chúa Giêsu đã làm, và rồi để đáp ứng, ta phải sống theo Thánh Kinh. Tôi hy vọng các suy tư này sẽ đem ánh sáng và can đảm tới cho những ai đã ra ngội lạnh, đem các chiên lạc trở về, tìm hướng đi cho tinh thần truyền giáo của rất nhiều trái tim quảng đại, và soi sáng cũng như lôi cuốn người trẻ vào việc phục vụ Chúa Kitô và Giáo hội của Người.

+ Tổng Giám Mục Barry J. Hickey, 2008

CHƯƠNG 1: *Thách đố trước mắt chúng ta*

Ở các xứ có truyền thống theo Kitô giáo tại Tây Phương, trong đó có Úc, Kitô giáo đang nhanh chóng mất đi địa vị ưu đãi của mình, nếu không phải là đã mất rồi. Vì chủ nghĩa thế tục và tình trạng duy tục bành trướng, vì sự tư hữu hóa tôn giáo, và vì ảnh hưởng tôn giáo trên pháp chế xã hội sa sút, nên Kitô giáo bị thách thức về nhiều mặt. Trừ một số nhỏ ngoại lệ, phần lớn các giáo hội truyền thống mất đi con số tín hữu vì số người tham dự các buổi phụng vụ xuống dốc nhanh chóng.

Điều ấy đã xảy ra cho Giáo hội Công giáo song song với nhiều Giáo hội Kitô khác. Nếu xét tới niềm hy vọng và sức sống do Công Đồng Vatican II mang lại thì sự giảm sút nhanh chóng của số người Công giáo tham dự Thánh Lễ, trong một ý nghĩa nào đó, là điều đáng ngạc nhiên. Công Đồng kết thúc năm 1965 này đã cố gắng chuẩn bị Giáo hội để đương đầu với thế giới hiện đại và để Phúc Âm hóa thế giới. Nó trân quý các chiều hướng tốt đẹp của một thế giới đang thay đổi nhanh chóng, chẳng hạn việc cương quyết bảo vệ nhân quyền và loại bỏ nghèo đói, như những dấu chỉ Thiên Chúa đang hiện diện trong thế giới. Hy vọng Giáo hội sẽ coi trọng “Những Dấu Chỉ Thời Đại” lạc quan này và làm chúng chứa đựng một tầm nhìn trọn vẹn hơn về phẩm giá con người mà Chúa Kitô đã đem lại.

Cho đến nay, điều ấy vẫn chưa xảy ra. Thế giới vẫn đi theo con đường riêng của nó. Giáo hội vẫn tiếp tục bị làm ngơ và song song với sự lớn mạnh về nhân quyền trong một số lãnh vực, thì đời sống con người bị tấn công trong một số lãnh vực khác, bởi bạo lực và chiến tranh và bởi sự nghèo đói gia tăng ngay tại các quốc gia giàu có.

Các quốc gia vẫn không chịu tiếp nhận lời chỉ dẫn của Giáo hội. Họ tiếp tục đi theo đường riêng của họ, để rồi đi tới kết quả thảm khốc.

Câu hỏi nêu ra là liệu những lực lượng này có mạnh đến độ chúng ta không thay đổi kịp hay không. Việc thử nghiệm sống không cần Thiên Chúa hiện nay rõ ràng rất thịnh hành, khiến những người tin vào Người trở thành một thiểu số đứng bên lề và không có tiếng nói. Một số ít người khác dường như đã bại trận và tiêu tan hy vọng.

Một trong các mục tiêu của cuốn sách nhỏ này là gọi niềm hy vọng và khích lệ cho những ai cảm thấy thua cuộc, hay những ai nghĩ rằng các lực lượng chống điểm tôn giáo này mạnh đến nỗi Kitô hữu không còn chọn lựa nào khác, ngoài việc tìm một chỗ trú ẩn an toàn chờ thời kỳ tốt đẹp hơn xảy tới. Cuốn sách này cũng viết cho những ai sẵn sàng đứng dậy tiếp nhận thách đố. Hiện có nhiều người Công giáo và Kitô hữu khác đang đi tìm sự lãnh đạo, sự khích lệ và phương cách tiến tới. Không có con đường nào khác ngoài con đường của Chúa Kitô. Giáo hội chỉ cho ta rõ Người là đường, là sự thật và là sự sống, và yêu cầu ta suy niệm về cuộc đời, cái chết và sự sống lại của Người để tìm ra con đường trước mặt.

Hiện đang có nhiều dấu chỉ hy vọng. Đức tin đang tái sinh tại nhiều quốc gia Tây Phương. Nhiều phong trào đang mọc lên và hàng trăm ngàn người trẻ khắp thế giới đang sẵn sàng tiếp nhận sự thách đố đưa ra cho họ tại nhiều Đại Hội Giới Trẻ Thế Giới.

Có nhiều lý do vững chắc để tin rằng Kitô hữu có khả năng đương đầu với thách đố này. Muốn hiểu các đề nghị đưa ra ở đây, người ta cần suy nghĩ theo Thánh Kinh, nghĩa là trở về với Sách Thánh để tìm sự linh hứng và nguồn sức mạnh cho mình.

Ở đây, ta sẽ đọc được các lời Thiên Chúa hứa cách nay hai nghìn năm.

Ta đọc thấy rằng khi chọn dân Do Thái, Thiên Chúa muốn chuẩn bị để thế giới đón nhận một Đấng Cứu Thế, là Đấng sẽ chiến thắng mọi quyền lực xấu xa và thay đổi bộ mặt trần gian.

Đấng Cứu Thế ấy chính là Con Thiên Chúa, là Chúa Giêsu Kitô, là Chúa Giêsu Cứu Thế. Người chiến thắng được sự ác và sự chết nhờ cái chết và sự sống lại của chính mình. Chúa Thánh Thần tuôn đổ xuống trong ngày lễ Ngũ Tuần chính là sức mạnh thần linh làm việc qua con người để có thể thay đổi bộ mặt thế gian.

Một nhóm nhỏ đã từng mục kích việc Chúa Kitô sống lại từ cõi chết và được tràn đầy Chúa Thánh Thần, họ đã mạnh mẽ, tin tưởng ra đi truyền bá nước Thiên Chúa, đến hy sinh cả mạng sống mình trong cơn bách hại. Chỉ với vũ khí tin yêu, họ đã đương đầu với Đế Quốc Rôma hùng mạnh. Cũng với những vũ khí tinh thần này, họ đã sống sót và lớn mạnh, trong khi Đế Quốc đó với Đoàn quân La Mã bất khuất của họ đã bị tàn lụi và biến mất.

Mục tiêu của những Kitô hữu ấy không phải là thay đổi chính trị nhưng là thay đổi cõi lòng. Chắc chắn cũng đã có những thay đổi hiển nhiên về xã hội thời đó.

Ngày nay, một sức mạnh tương tự cũng có thể phát sinh với hai lý do. Thứ nhất vì Chúa Kitô đã sống lại từ cõi chết, và thứ hai vì ta đang sống trong thời đại của Chúa Thánh Thần. Hãy can đảm lên vì Đức Kitô đã Phục Sinh và Chúa Thánh Thần đã hiện xuống. Hành động vâng phục thánh ý Chúa Cha của Chúa Giêsu đã hàn gắn những thiệt hại do sự bất phục của Adong và Evà tạo nên, và một tinh thần mới đang hoạt động giữa chúng ta.

Nếu chúng ta rút tĩa một lần nữa kho tàng vô giá của Sách Thánh và sống theo Thánh Kinh, không những chính ta được biến đổi, mà ta còn biến đổi được cả thế giới chung quanh ta nữa.

Trong các trang sách này ta đi ngược trở lại câu chuyện vĩ đại từng được viết ra trong Thánh Kinh. Ta sẽ thấy kế hoạch của Thiên Chúa diễn tiến qua lịch sử dân Người chọn, tức Dân Do Thái, và được nên trọn trong con người của Chúa Giêsu Kitô.

Trong cuốn sách này, ta bắt đầu từ thời Chúa Giêsu và đi ngược trở lại. Ta thấy Người là một người Do Thái trung thành, chấp nhận mạc khải của Thiên Chúa trong suốt hơn hai thiên niên kỷ, nhưng ta cũng thấy Người đang kéo nó về một mối, và hoàn thành nó trong chính bản thân Người. Ta thấy rằng quá khứ trông chờ Người như Đấng được hứa ban, tức Đấng Được Xức Dầu, Đấng từng được mong đợi cả nghìn năm từ lúc Môsê chuyển giao Mười Giới Răn được Thiên Chúa trao ban trên Núi Xinaï (cũng gọi là Núi Hô-rép). Ta thấy dân chúng đã phải đấu tranh để chấp nhận Chúa Giêsu. Nhiều người đã thất bại không làm được, khiến Người phát khóc trong cơn buồn sâu vì Giêrusalem đã không nhìn nhận Người. Nhưng những người khác đã chấp nhận Chúa Giêsu là Đấng Được Xức Dầu, và họ đáp ứng lời mời gọi của Chúa Thánh Thần để sẵn sàng thay đổi bộ mặt thế giới.

Nào ta hãy bắt đầu.

CHƯƠNG 2: *Chúa Giêsu - người Do Thái trung thành*

Chúa Giêsu được các soạn giả Phúc Âm trình bày là một người Do Thái trung thành, được giao phó sứ mệnh cách mạng. Người không làm cách mạng theo nghĩa xã hội, nhưng theo nghĩa thiêng liêng sâu sắc. Người đến với tư cách Đấng Được Xức Dầu, Đấng mà người Do Thái và cả thế giới mong đợi. Những điều này đã tác động mạnh mẽ lên lịch sử thế giới theo sau nó, đến độ chúng tiếp tục vang dội tới ngày nay, và còn tiếp diễn cho tới ngày tận cùng thế giới.

Phản động chúng ta có lẽ đã quen thuộc với những nét chính trong cuộc đời của Chúa Giêsu. Hiện nay, đáng tiếc thay, việc ấy không luôn luôn được coi là chuyện đương nhiên. Dưới đây là phần tóm lược cuộc đời của Người.

Chúa Giêsu sinh tại Bêlem, sinh quán của Vua Đavít. Người sinh ra dưới thời Hêrôđê Đại Vương, cách nay hơn hai nghìn năm. Đúng ra, năm sinh của Người phải là năm số không, vì mọi niên biểu sau năm Người sinh ra đều được ghi chú là AD hay “Anno Domini”, Năm của Chúa. Những năm trước đó được ghi chú là BC, “Before Christ”, nghĩa là Trước Chúa Kitô. Nhiều người ngày nay thích dùng kiểu ghi chú khác là C.E. nghĩa là “Common Era” (Công Nguyên), trong khi các năm trước Chúa Kitô được ghi chú là BCE “Before the Common Era” (Trước Công Nguyên). Các tính toán sơ khởi dựa vào năm sinh của Chúa Kitô, chẳng may, đã không chính xác. Thực ra, Chúa Giêsu sinh khoảng năm thứ 6 hay năm thứ 7 BC, tức Trước Chúa Kitô.

Mẹ của Người là Bà Maria, đã đính ước với Ông Giuse là một thợ mộc tại Nadarét thuộc nhà Đavít.

Trước khi họ về chung sống với nhau như vợ chồng, ông Giuse hết sức bối rối khi thấy bà Maria đã có thai. Vì xấu hổ, ông muốn lìa bỏ bà cách kín đáo, nhưng trong một giấc mơ, ông được truyền phải nhận Maria làm vợ, vì con trẻ do bà sinh ra được thụ thai bởi Chúa Thánh Thần.

Thiên thần Gabriel đã hiện ra với bà Maria và nói với bà rằng bà sẽ được Chúa Thánh Thần che chở, bà sẽ sinh một con trai với tên là Giêsu, nghĩa là “Đấng Cứu Thế”. Rõ ràng là con trai bà sẽ là Đấng Được Xức Dầu mà người ta hằng mong đợi. Đây là lời của thiên thần, lời chứa đầy ý nghĩa cứu độ:

*“Người sẽ nên cao cả, và sẽ được gọi là Con Đấng Tối Cao.
Chúa là Thiên Chúa sẽ ban cho Người ngai vàng vua Đavít, tổ tiên Người.
Người sẽ trị vì nhà Giacóp đến muôn đời,
và triều đại của Người sẽ vô cùng vô tận”.* (Lc 1:32)

Bà Maria đã nhận lời:

“Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói”. (Lc 1:38)

Chúa Giêsu sinh tại Bêlem, vì lúc đó có cuộc kiểm tra dân số buộc ông Giuse, vốn thuộc nhà Đavít, phải về đó đăng ký. Chúa Giêsu sinh ra tại một chuồng thú vật vì không có phòng tại quán trọ.

Ở đây, ta đã thấy có tới bốn lời tiên tri ám chỉ việc này trong Sách Thánh Do Thái:

- Một trinh nữ sẽ thụ thai và sinh một con trai đặt tên là Emmanuel, nghĩa là Thiên Chúa ở cùng chúng ta. (Is 7:14)
- Một ánh sáng vĩ đại sẽ xuất hiện, một con trẻ thuộc nhà Đavít sẽ được biết dưới danh hiệu Cố Vấn Kỳ Diệu, Thiên Chúa Quyền Năng, Cha Trường Cửu, Hoàng Tử Hòa Bình. (Is 9:2-7)
- Đấng Được Xức Dầu sẽ sinh ra tại thành Đavít, tức Bêlem. (Mk 5:2)
- Ngôi báu Đavít sẽ được tái lập. (Gr 23:5)

Ta sẽ thấy rằng trong suốt cuộc đời của Chúa Giêsu, Người vẫn cho rằng các lời tiên tri về Đấng Được Xức Dầu là nói về chính Người.

Gioan Tẩy Giả là người anh em họ của Chúa Giêsu đã rửa tội cho Người tại Sông Giođan. Chính tại Sông Giođan, Người được công bố là Con Thiên Chúa, khi một chim bồ câu xuất hiện trên đầu Người, và một giọng nói từ trời phán xuống:

“Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người”. (Mt 3:17)

Trong thời gian 40 ngày ăn chay trong hoang địa, sau khi bị ma quỷ cám dỗ từ bỏ sứ mệnh của mình để đòi lấy vinh quang thế tục, Chúa Giêsu đã từ khước Xatan và bắt đầu sứ vụ công khai của mình. Người kêu gọi các môn đệ thân cận nhất của mình, phần lớn từ miền Galilê, rồi bắt đầu dạy dỗ và huấn luyện họ cho tương lai. Người đi hết thị trấn này tới thị trấn kia để rao giảng và chữa lành cũng như làm nhiều phép lạ. Sức mạnh từ nhân cách Người và sự tươi mới trong lời Người rao giảng lôi cuốn nhiều đám đông tới với Người.

Chúa Giêsu cũng rao giảng tại Giêrusalem, nơi Người thường tới để tham dự các đại lễ quan trọng của người Do Thái.

Những lời Người tự nhận là Đấng được các tiên tri nói tới và việc Người nghiêm nghị quở mắng các nhà lãnh đạo tôn giáo về tội giả hình đã khiến nhiều người trong số lãnh tụ ấy nổi giận. Họ hỏi cho rõ Người có tự nhận mình là Đấng Được Xức Dầu hay không. Chúa Giêsu đã chọn cách khẳng định rằng Người là Đấng Được Xức Dầu qua những hành động của Người. Nhưng khi Người minh nhiên tuyên bố mình là Đấng Được Xức Dầu, và còn cho rằng mình ngang hàng với Thiên Chúa là Cha của Người, Người liền bị tố cáo với nhà cầm quyền Rôma là kẻ gây rối và phạm thượng. Sau một phiên xử không thấy Người có tội, Người bị đánh đập và xử tử trên thập giá bởi Tổng Trấn Rôma là Philatô và binh lính Rôma. Người chết giữa hai tên trộm cùng bị đóng đinh bên cạnh Người.

Đến ngày thứ ba sau khi chết, Người đã sống lại và hiện ra với nhiều người.

Người hứa sai Chúa Thánh Thần xuống để soi sáng các môn đệ, là những người đang tan nát cõi lòng vì cái chết của Người. Vào Lễ Ngũ Tuần của người Do Thái, tức 50 ngày sau khi Người sống lại, và 9 ngày sau khi về với Chúa Cha, Chúa Thánh Thần đã hiện xuống trên các Tông đồ và Mẹ Maria, tại một căn phòng trên lầu ở Giêrusalem, dưới hình thức một cơn gió lớn và những lưỡi lửa trên đầu họ. Được tràn đầy Chúa Thánh Thần, các vị ra đi và nói với dân chúng rằng Đấng họ giết quả là Đấng Được Xức Dầu, và nay họ cần theo Người để nhận được sự sống mới mà Người đã hứa ban. Đó chính là Tin Mừng, không chỉ dành cho người Do Thái mà nay còn dành cho cả thế giới. Tin Mừng ấy được ủy thác cho các môn đệ của Người, cho Giáo hội mà Người vốn là Đầu.

Trên đây chỉ là mấy dòng vắn tắt về cuộc đời của Chúa Giêsu. Để nghe lời giảng dạy của Người, để thấy các phép lạ của Người và đích thân gặp gỡ Người như Chúa phục sinh, điều quan trọng là phải đọc bốn sách Phúc Âm một cách chậm rãi và chú tâm. Người sẽ xuất hiện một cách sống động trong các trang sách ấy. Bạn sẽ bắt đầu gặp gỡ Người, và cuộc gặp gỡ này sẽ thay đổi đời bạn.

Giờ đây, điều cần thiết là phải đi sâu hơn nữa vào toàn bộ mục tiêu đời sống của Người, một mục tiêu nhằm loan báo một khởi đầu mới, ngay cả một thời đại mới.

Chúa Giêsu không chỉ đơn thuần muốn thuyết phục các thánh giả của Người sống những cuộc đời tốt đẹp hơn, Người còn muốn mở ra một mối liên hệ mới với Thiên Chúa là Cha Người, một mối liên hệ sẽ làm cho điều không thể thực hiện được dưới luật cũ của Môsê, nay có thể thực hiện được. Người kêu gọi người ta bắt đầu một hành trình. Cuộc hành trình đó phải là cuộc hành trình từ bóng tối qua ánh sáng, từ nô lệ của tội lỗi qua tự do của tha thứ, từ ngã lòng, nản chí và tuyệt vọng qua sự sống trong vương quốc của Người, là vương quốc của bình an, hoan lạc và yêu thương. Tóm lại, đó là cuộc hành trình xuyên qua sự chết mà đến với sự sống.

Câu chuyện vĩ đại về tình yêu của Thiên Chúa dành cho Dân Do Thái chính là cuộc hành trình từ nô lệ tại Ai Cập (qua Biển Đỏ) tới tự do tại Đất Hứa.

Giống như Môsê, Chúa Giêsu cũng đã đưa dân của Người vào một hành trình khác từ nô lệ của tội lỗi tới tự do của tha thứ, và tị trung, qua cái chết mà bước vào sự sống đời đời.

Bạn sẽ nhớ phép lạ đầu tiên của Người, hay “dầu lạ” như thánh Gioan đã gọi. Người biến nước thành rượu trong tiệc cưới tại Cana, miền Galilê. (x. Ga 2:11) Việc ấy mang ý nghĩa gì? Nếu chỉ là một hành vi từ thiện cần đến quyền lực siêu nhiên thì việc đó không có ý nghĩa bao nhiêu. Ý nghĩa thực sự của tiệc

cưới Cana là tính biểu tượng của nó. Khi biến nước thành rượu, Chúa Giêsu muốn ám chỉ rằng Người đến để thực hiện những thay đổi rất quan trọng và phi thường.

Chính tiệc cưới này nhắc người ta nhớ tới các hình ảnh trong Thánh Kinh của thời đại xức dầu (thiên sai), lúc Thiên Chúa chuẩn bị “tiệc thịnh bèo, tiệc rượu ngon, thịt béo ngậy, rượu ngon tinh chế” (Is 25:6), hay lúc Thiên Chúa gọi Israel là “nàng dâu của Người”. (Gr 2:2) Các độc giả người Do Thái của thánh Gioan biết rất rõ những điều ấy.

Sáu cái chum đá đựng nước để tẩy uế ám chỉ các tập tục của Luật Do Thái mà Chúa Giêsu sẽ đích thân làm cho hoàn hảo. Nước của Luật Cũ sẽ biến thành rượu của Luật Mới, và là thứ rượu ngon nhất.

Đức Maria lên tiếng: “Họ hết rượu rồi”. (Ga 2:3) Mặc dù nói rằng “giờ” của Người chưa đến khi Người sẽ tỏ bày trọn sứ mệnh của Người, Chúa Giêsu vẫn nhân dịp này hiến tặng họ rượu mới, một thứ rượu nói lên tình yêu, sự bằng an và tha thứ của Người, nói tắt, là chính bản thân Người.

Ôi, ngày nay, ước chi chúng ta biết nhìn tới người chung quanh đang bất mãn và trống rỗng, và nói “họ hết rượu rồi”. Họ đang cần Chúa Giêsu. Chỉ rượu của Người thôi mới có thể nuôi dưỡng được họ.

Chúa Giêsu rao giảng ra sao?

Người thường tới các hội đường, nơi người ta đọc Kinh Thánh trong những sách cuộn viết tay xinh đẹp. Vào một dịp nổi tiếng trong hội đường ở Nadarét Người đã làm thế khi Người đứng lên, mở sách cuộn và đọc lời tiên tri Isaia nói về Đấng Được Xức Dầu, là Đấng đem tin mừng cho người nghèo, ban tự do cho người bị cầm tù, làm người mù trông thấy, đem tự do cho người bị áp bức. Rồi Người đặt sách cuộn xuống và nói: "Hôm nay đã ứng nghiệm lời Kinh Thánh quý vị vừa nghe". (Lc 4:21) Điều này thật gần như phạm thượng! Dân chúng nổi giận, toan tính xô Người xuống vực thẳm để giết Người nhưng Người thoát được. Chúa Giêsu quả đã công bố một điều gây choáng váng cho mọi người! Người cũng đàm đạo với những đám đông tụ tập quanh đó, thường bên bờ Hồ Galilê, nơi Người rất thích tới.

Trong lúc ở Giêrusalem, Chúa Giêsu có thói quen ngủ và vật qua đêm với các Tông đồ của Người trong những hang núi hay chỗ trú ẩn trên Núi Cây Dầu. Trên cao từ Núi Cây Dầu ấy, ta có thể nhìn thấy rất rõ Đền Thờ màu trắng kiêu sa của thành thánh Giêrusalem.

Người có thể từ núi Cây Dầu đi bộ xuống và băng qua Thung Lũng Kít-rôn để lên tiền đình Đền Thờ, nơi Người thường rao giảng và dạy dỗ tại hành lang Salômôn là một phần của hàng cột do Đại Vương Hê-rô-đê xây dựng.

Thời Chúa Giêsu, có nhiều quan điểm và mức độ tuân giữ Luật Do Thái khác nhau. Trong Phúc Âm, chúng ta đọc về nhóm Biệt Phái và ký lục, hay luật sĩ, phái Xa-đốc và phái Nhiệt Thành cũng như nhiều nhóm khác, như nhóm tân tông chẳng hạn. Phái Ê-t-xen cũng là nhóm gây ảnh hưởng lớn vào thời đó, nhưng họ không được nhắc tới trong các Phúc Âm. Ta biết đến họ là nhờ các nguồn tài liệu khác, như nhà sử học La Mã tên Flaviô, và các Cuộn Da Biển Chết được khám phá ra tại Qumran năm 1947.

Nhóm Ê-t-xen có một bộ luật tuân giữ nghi lễ rất khắt khe và một thời khóa biểu khác của các ngày lễ trong luật Đền Thờ mà họ coi là không nhiệm nhặt đủ. Vì thế họ phải bỏ Giêrusalem và thiết lập cộng

đồng nhiệm nhặt riêng của họ tại vùng đồi núi Giudêa. Một số người cho rằng thánh Gioan Tẩy Giả đã theo họ trong một thời gian.

Cuộc đời công khai của Chúa Giêsu kéo dài ba năm. Người chuẩn bị cho cuộc sống đó bằng bốn mươi ngày ăn chay tại hoang địa. Người biết rõ sứ điệp rất quan trọng của Người và điều Cha của Người muốn Người thực hiện.

Thoạt đầu, xem ra có vẻ lạ khi Chúa Giêsu không rao giảng cho Dân Ngoại, mà chỉ cho người Do Thái. Người còn khuyên các Tông đồ đừng tới với ai khác ngoài con cái Israel. Tại sao thế?

Lý do là vì Thiên Chúa muốn chuẩn bị người Do Thái cho việc xuất hiện của Đấng Được Xức Dầu. Dân Ngoại không được chuẩn bị và do đó họ khó có thể hiểu được sứ mệnh của Người. Đàng khác, Sách Thánh nói rằng ơn cứu độ sẽ đến từ người Do Thái.

Người Do Thái học biết Thánh Kinh. Dân Do Thái biết rằng họ được Thiên Chúa chọn để tiếp nhận sự mạc khải của Người, và sau cùng đem sự mạc khải ấy đến muôn dân. (St 22:18) Họ hiểu biết các lời tiên tri và trông đợi các lời tiên tri được ứng nghiệm khi ngày đó tới. Đàng khác, họ biết rằng rất nhiều điều lệ và phương sách của Luật Môsê chứa trong sách thánh Tôra không bao giờ được viết ra với ý định để nó trở thành một hệ thống tự bao hàm mọi điều. Chúng luôn mang ý nghĩa dở dang và bỏ ngỏ, trông mong Đấng Được Xức Dầu xuất hiện.

Người sẽ làm các lời tiên tri nên trọn, sẽ khôi phục ngôi báu Đavít, làm Israel nên vĩ đại một lần nữa, mở ra một thời đại mới trong đó phúc lành của Israel sẽ lan rộng khắp mọi dân tộc. Chính trong bối cảnh đó, Chúa Giêsu tự tỏ mình ra là Đấng đã được Sách Thánh nói đến. Chắc chắn Người sẽ làm các lời tiên tri nên trọn, nhưng bằng một phương thức hoàn toàn bất ngờ.

Không ai đã có thể tiên đoán rằng Đấng Được Xức Dầu sẽ chết trên thập giá, và qua cái chết đó Người sẽ hoàn thành việc cứu chuộc nhân loại.⁽¹⁾

Đó là lý do tại sao Chúa Giêsu, một người Do Thái trung thành, lại nói về việc công bố sứ mệnh cứu tinh của Người trước hết cho người Do Thái. Người chỉ có ba năm ngắn ngủi để loan báo điều này.

Đâu là tinh hoa của lời Người giáo huấn?

Chúa Giêsu đến để loan báo Nước Thiên Chúa. Người đến để công bố sự tha tội. Người đến để ban điều răn mới của yêu thương, và yêu thương cả kẻ thù. Người đến để trở thành Ánh Sáng cho trần gian và nên Bánh Sự Sống.

Quan trọng hơn cả, Người đến để làm Lễ Luật và các lời tiên tri nên trọn trong Giao Ước Mới, một Giao Ước sẽ làm hoàn hảo Giao Ước vĩ đại của Thiên Chúa đã được đóng ấn qua Môsê trên Núi Xinaï.

Người sẽ đem giáo huấn của Người lên tột đỉnh trong việc phó mình hoàn toàn theo Thánh ý Chúa Cha, sự vâng phục sẽ đem Người đi như con chiên bị đưa tới lò sát sinh, trong một hành vi hy sinh hoàn toàn tự hiến để mang lại sự tha tội và cứu độ cho thế gian.

Liệu người ta có hiểu không? Liệu người ta có chấp nhận, hay bác bỏ Người?

Khán đài đã được dựng lên cho cuộc chạm trán sau cùng. Cưỡi trên lưng lừa, Chúa Giêsu tiến vào thành thánh Giêrusalem lần chót trước khi Người chịu chết.

Dân chúng đón chào Người, trải lá chà là và ô liu dưới chân Người và hô vang: "*Hoan hô! Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Chúa! Chúc tụng triều đại đang tới, triều đại vua Đavít, tổ phụ chúng ta. Hoan hô trên các tầng trời*". (Mc 11:9-10)

Việc ấy xảy đến để làm trọn một lời tiên tri khác trong Thánh Vịnh 118:

*"Nguyện xin Chúa tuôn đổ phúc lành cho người tiến vào đây nhân danh Chúa.
... Tay cầm lá, hãy sắp thành đám rước"*. (Câu 26, 27)

Dacaria đã nói lời tiên tri phi thường sau:

*"Nào thiếu nữ Xion, hãy vui mừng hoan hỷ!
Hỡi thiếu nữ Giêrusalem, hãy vui sướng reo hò!
Vì kìa Đức Vua của ngươi đang đến với ngươi:
Người là Đấng Chính Trực, Đấng Toàn Thắng,
Khiêm tốn ngồi trên lưng lừa,
Trên một lừa con vẫn còn theo mẹ"*. (Dcr 9:9)

Giờ đây, không còn đường trở lui. Chúa Giêsu biết cái chết của Người đã gần kề. Người sẽ phải chạm trán lần cuối với các lãnh tụ tôn giáo tại tiền đường Đền Thờ. Họ sẽ chấp nhận Người hay bác bỏ Người. "Giờ" của Người đã đến.

CHƯƠNG 3: *Chúa Giêsu - Cuộc chạm trán cuối cùng*

Chúa Giêsu biết rõ một số các nhà lãnh đạo Do Thái giáo ngày càng chống đối Người nhiều hơn.

Đã có một lần Người chạm trán với họ tại hành lang Salômôn vào ngày Lễ Cung Hiến Đền Thờ. Họ yêu cầu Người phải nói thẳng cho họ xem Người có phải là Đấng Kitô, nghĩa là Đấng Được Xức Dầu hay không. Chúa Giêsu trả lời: "*Tôi đã nói với các ông mà nào các ông có tin*". (Ga 10:26) Càng tiếp tục đụng độ như thế thì họ càng thù nghịch Chúa Giêsu hơn.

Sau đó, họ cương quyết chặn đứng Người, còn mưu toan giết Người nữa, vì Người là mối nguy hiểm và đe dọa cho tôn giáo và quốc gia Do Thái. (Ga 11:45-53)

Họ sẵn biết Người từng cho mình có quyền trên ngày Sabát. (Mc 2:24-25)

Họ đã nghe Người đề cập tới các ngày lễ Do Thái một cách không thể chấp nhận được, như thể các ngày lễ đó nói về chính Người. Việc đó đâu thể nào như thế được? Phải chăng người đàn ông này dám đe dọa cả chính các ngày lễ của họ nữa sao?

Vào ngày Lễ Lều, khi họ kéo nước từ giếng Siloam lên, Người đã chẳng nói: "*Ai khát hãy đến với Ta*". (Ga 7:37) Người đã chẳng nói với người đàn bà Samaria tại bờ giếng rằng:

"Ai uống nước này, sẽ lại khát. Còn ai uống nước tôi cho, sẽ không bao giờ khát nữa. Và nước tôi cho sẽ trở thành nơi người ấy một mạch nước vọt lên, đem lại sự sống đời đời". (Ga 4:13-14)

Cũng vào ngày Lễ Lều, khi bốn chân đèn lớn được thắp sáng, để nhắc người ta nhớ đến cột lửa xưa từng bảo đảm với đoàn dân trong sa mạc về sự hiện diện của Thiên Chúa, Người đã chẳng nói:

"Ta là ánh sáng thế gian. Ai theo Ta, sẽ không phải đi trong bóng tối, nhưng sẽ nhận được ánh sáng đem lại sự sống". (Ga 8:12)

Chúa Giêsu cũng vừa mới chữa lành người đàn ông mù từ lúc mới sinh.

Vào ngày Lễ Cung Hiến Đèn Thờ, Chúa Giêsu đã nói gì về Đèn Thờ từng chứa Nơi Cực Thánh là biểu tượng cho giao ước với Môsê?

Người đã chẳng tiên đoán Đèn Thờ ấy bị hủy diệt đó sao? Họ đã chẳng nghe Chúa Giêsu nói với những kẻ theo Người rằng:

"Các anh nhìn ngắm công trình vĩ đại đó ư? Tại đây, sẽ không còn tảng đá nào trên tảng đá nào; tất cả đều sẽ bị phá đổ". (Mc 13:2)

Hơn nữa, Người còn so sánh Đèn Thờ với chính Người, sau khi đã dùng roi xua đuổi những tên đổi tiền. Họ nhớ những lời Người nói:

"Các ông cứ phá hủy Đèn Thờ này đi; nội ba ngày, tôi sẽ xây dựng lại". (Ga 2:19)

Người này thực sự muốn nói gì? Liệu ông ta có quyền lực tiêu hủy ngôi đền thờ đẹp đẽ của họ không? Quả là một ngôn từ không chịu đựng nổi và mang điềm gở. Phải chặn đứng ông ta.

Khó mà diễn tả hết sự kính phục và lòng tôn trọng người ta vốn dành cho Đèn Thờ. Đó là trung tâm đời sống tôn giáo. Nơi đó đã chứa Hòm Bia Giao Ước và Cung Thánh hay Nhà Tạm là chỗ đặt Hòm Bia Giao Ước. Tất cả đều được chính Môsê làm ra theo lệnh Thiên Chúa phán từ Núi Xinaï (hay Hô-rép). Người ta chuyển chúng tới đền thờ do Salômôn xây và đặt trong gian Cực Thánh, nơi thánh thiêng đến độ chỉ có Thầy Cả Thượng Phẩm mới được vào mỗi năm một lần duy nhất.

Các hy lễ chỉ được dâng trong Đèn Thờ mà thôi. Tại đó, người ta hát thánh vịnh mỗi ngày và cử hành các Đại Lễ. Đèn Thờ là trung tâm đời sống thiêng liêng của cả dân tộc.

Các nhà cầm quyền tôn giáo hết sức kinh sợ khi thấy có mối đe dọa gây ra do một người tự cho mình cao cả hơn Luật Môsê và đã từng thấy Ápraham. Điều không thể chấp nhận là Người cho mình ngang hàng với Thiên Chúa là Cha Người.

Giờ đây, vở kịch đang tới hồi kết thúc. Nhưng trước hết, Chúa Giêsu phải cử hành Lễ Vượt Qua, là lễ người Do Thái nhớ lại biến cố họ được giải thoát khỏi cảnh nô lệ bên Ai Cập.

Các kẻ thù của Chúa Giêsu có lẽ thắc mắc không hiểu có phải Người có mưu toan dành cả Lễ Vượt Qua cho mình nữa hay không.

Chúa Giêsu lo sắp xếp cho bữa ăn Vượt Qua, vốn được người ta gọi là Bữa Seder. Bữa ăn này thường được cử hành trong phạm vi gia đình, với thịt chiên nướng đã được hiến tế trước đó tại Đền Thờ. Nghi thức trong Bữa Seder rất công phu, nó có ý nhắc lại cuộc chạy thoát khỏi Ai Cập và hành trình trong hoang địa.

Chúa Giêsu lo sắp xếp cho bữa ăn. Phêrô và Gioan có nhiệm vụ vào thành, nơi họ sẽ gặp một người đàn ông đội vò nước. Người này hẳn dễ nhận lầm vì đội vò nước thường là việc của đàn bà.⁽²⁾ Ông ta sẽ chỉ cho họ nơi sẽ dùng bữa ăn đó, trong một căn phòng trên lầu ở Giêrusalem. Ngày nay, người ta gọi nó là Phòng Tiệc Ly.

Nghi thức buộc phải có bánh không men, nhằm nhắc nhở họ rằng dân Do Thái lúc đó cần sẵn sàng để ra khỏi Ai Cập bất cứ lúc nào. Rau đắng nhắc họ nhớ tới đời sống khắc khổ trong hoang địa. Khi ăn thịt chiên nướng, người ta phải đứng, như những người sẵn sàng lên đường. Nghi thức cần có rượu, bốn ly cho bốn lời cầu nguyện chúc phúc khác nhau.

Chính trong bữa ăn theo nghi lễ Do Thái này, Chúa Giêsu đã làm phép và trao bánh cho các tông đồ, bánh nay đã thành xác thân của Người một cách màu nhiệm, một xác thân sẽ được trao tặng cho các ông, và rượu nho đã thành máu của Người, máu của giao ước mới và trường cửu, sẽ đổ ra cho họ để tha tội. Người đã biến đổi bữa ăn Do Thái thành bữa ăn hiến tế của Giao Ước Mới. Hiến tế này sẽ được hoàn tất vào ngày hôm sau trên thập giá.

Lễ Vượt Qua của người Do Thái đã trở thành bữa ăn Thánh Thể, Bí Tích và Hiến Lễ của việc Chúa Giêsu cứu rỗi, trong đó Người là linh mục lẫn hy lễ. Chúa Giêsu đã trở nên Lễ Vượt Qua mới. (1Cr 5:7)

Khi nói “*Hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy*”, Người muốn sự hiện diện và hành động cứu độ của Người trong việc cử hành Bí tích Thánh Thể trở nên bất diệt. Bữa ăn Vượt Qua mà Chúa Giêsu cử hành có hiệu quả trên toàn vũ trụ. Một thời đại mới đã bắt đầu, một giao ước mới sắp được đóng dấu bằng máu của Người, và sự cứu chuộc thế gian sắp được hoàn tất khi Người hiến mạng sống Người trên thập giá.

Những lời cuối cùng của Chúa Giêsu trên thập giá là:

“Thế là hoàn tất”. (Ga 19:30)

Ai cũng biết các biến cố sau Bữa Tiệc Ly là sự kiện Chúa Giêsu bị bắt tại Vườn Cây Dầu, vụ xử án cho thấy Người là kẻ vô tội chứ không như các nhân chứng giả đã tố cáo, cái cổ găng nhỏ nhoi của Tổng Trấn Philatô để thả tự do cho Người, việc Người bị đánh đòn và bị si nhục, rồi vác thập giá trên đường lên Canvariô, và sau cùng là cái chết của Người trên thập giá. Hiên nhiên kẻ thù của Người đã chiến thắng. Chúa Giêsu đã chết.

Ta cũng biết rằng vào ngày thứ ba sau khi chết, do quyền năng Cha Người trên trời, Người đã sống lại vào cuộc sống mới và đã hiện ra với nhiều người. Cái chết của Người thực sự là một chiến thắng, được xác nhận bằng việc Người sống lại và lên trời ngự bên hữu Cha của Người.

Tin mừng cứu độ của Người được ủy thác cho các tông đồ và môn đệ của Người là những kẻ đã thiết lập cộng đồng các tín hữu, là Giáo hội phổ quát của Chúa Kitô, là Dân mới của Thiên Chúa là những người đã tiếp nhận sức mạnh Chúa Thánh Thần trong ngày Lễ Ngũ Tuần, để loan truyền danh Người tới tận cùng thế gian.

Hành động khước từ của một nhóm lãnh đạo Do Thái giáo đã tác động sâu xa lên Chúa Giêsu. Người khóc cho Giêrusalem vì buồn sầu về nó. Dĩ nhiên, cũng có những trường hợp ngoại trừ như Nicôđê mô và Giuse thành Arimathêa và Người còn có nhiều kẻ đi theo trong nhóm các tông đồ và môn đệ của Người, nhưng giống các tiên tri thời trước, Người cũng đã bị khước từ. Người khóc vì *“Các người không biết thì giờ các người được thăm viếng”*. (Lc 19:44) Đây không phải chỉ là một tiên tri, nhưng là Con Một Thiên Chúa, Đấng Được Xức Dầu và là Cứu Chúa. Họ đã không nhận ra Người.

Tuy nhiên, Chúa Giêsu đã hoàn tất việc Người được sai đến để thực hiện, để làm trọn lời hứa trong Cựu Ước. Đó không phải đường lối nhiều người mong đợi. Người không tái lập Vương Quốc Đavít thành một lực lượng chính trị, nhưng thành một Vương Quốc nơi Thiên Chúa ngự trị, một Vương Quốc không thuộc đời này nhưng có thể cảm nghiệm được bây giờ, một Vương Quốc của yêu thương và bình yên, một cách sống mới cùng với Đức Giêsu là Chúa. Những ai thuộc về Vương Quốc này được bảo đảm sự sống đời đời với Thiên Chúa.

Chúa Giêsu đã làm trọn các lời tiên tri trong Cựu Ước và trở nên ý nghĩa trọn hảo của những ngày lễ Do Thái, nhất là Lễ Vượt Qua, như một Môsê mới đang lãnh đạo dân Người thoát cảnh nô lệ tội lỗi và chết chóc mà bước vào sự sống mới.

Luật Cũ không bị hủy bỏ. Nó được trở nên trọn hảo và mặc lấy hình thức mới. Những thực hành theo nghi thức của Luật Cũ gồm cả hàng trăm trói buộc về nghi thức, vốn qui định cuộc sống hằng ngày của Dân Do Thái, nay không còn cần tới nữa vì Chúa Giêsu bây giờ là đường, là sự thật và là sự sống. Ngay ngày Sabát cũng đã thực hiện xong mục đích của nó, vì các môn đệ của Chúa Kitô nay cử hành việc Người sống lại trong ngày Sabát mới, ngày đầu tiên của sự sáng tạo, ngày Người sống lại từ cõi chết, ngày Chúa Nhật.

Nhiều vấn đề trên từng được tranh luận sôi nổi trong Giáo hội sơ khai. Môn đệ Chúa Kitô được dùng nhiều thứ thịt bị cấm. Thịt dâng cho các ngẫu thần ngoại giáo thì không được phép, nhưng vì những lý do khác hẳn: Chúng bị ô uế do bị dùng trong các hiến lễ ngẫu thần.

Khi Giáo hội sơ khai lan rộng nhanh chóng tới các dân tộc trong đó có La Mã, Hy Lạp, Do Thái và dân tộc thuộc các quốc gia khác gồm cả nô lệ, thì vấn đề cắt bì được nêu ra. Cuối cùng đã được giải quyết trong Công Đồng Giêrusalem. Giải pháp đưa ra là các tân tòng không buộc phải cắt bì, vì Thiên Chúa *“thanh tẩy lòng người bằng đức tin”*. (Cv 15:9)

Chúa Giêsu cũng thành lập cộng đồng tín hữu riêng, sau này trở thành Giáo hội của Người, một Giáo hội được Người ban sức mạnh qua Chúa Thánh Thần, và trong Giáo hội đó Người trao chìa khóa quyền lực cho thánh Phêrô. Quyền hợp nhất và trung thành ấy được truyền lại cho các đấng kế vị thánh Phêrô là Giám Mục Rôma. Chúa Giêsu thiết lập các bí tích dưới hình thức căn bản mà bây giờ được Giáo hội ban cho cấu trúc phụng vụ. Người ta gia nhập Giáo hội qua Bí tích Rửa Tội. Chúa Kitô đã hoàn tất việc cứu độ trần gian bằng cái chết của Người trên thập giá, nhờ đó Người giải thoát những ai đã chết khỏi

xiềng xích sự chết và tội lỗi, và bằng sự sống lại của Người, qua đó, Người ban cho chúng ta ơn phúc sự sống mới, ơn chia sẻ sự sống phục sinh và thần linh của Người, và ơn Chúa Thánh Thần đổ tràn trên Giáo hội vào ngày Lễ Ngũ Tuần.

Trong Phép Rửa Tội và Phép Thêm Sức, là hai bí tích được nối kết chặt chẽ với nhau, ta tiếp nhận được sự tự do thoát khỏi tội lỗi và cái chết, được ơn phúc sự sống mới và dấu ấn cũng như ân sủng tràn đầy của Chúa Thánh Thần.

Vai trò của Giáo hội là gìn giữ nguyên vẹn giáo huấn của Chúa Giêsu, mang nguồn cứu độ và thánh thiện đến cho những người theo Chúa Giêsu, và qua sứ vụ rao truyền Phúc Âm của mình, làm cho toàn thể giới biết tin mừng của Chúa Giêsu Kitô về ơn tha tội, về tình yêu Thiên Chúa và sự sống đời đời.

Theo quan điểm Kitô giáo, sứ mệnh của Dân Do Thái nay đã được hoàn tất trong Chúa Giêsu. Họ vẫn là Dân Được Chọn, một phẩm giá không thể nào tước đi khỏi họ. Thiên Chúa đã chọn họ qua lời kêu gọi Ápraham để nắm giữ mạc khải của Chúa như một ủy thác thần linh, một mạc khải mà đến thời viên mãn sẽ được hiến tặng cho toàn thể giới. Chắc chắn điều ấy nay đã được hoàn tất nhờ Chúa Giêsu là người Do Thái trung thành, nhưng còn là Đấng Được Xức Dầu, Đấng đã hoàn tất sự cứu độ cho thế giới bằng hành động cao cả nhất của Người là tự hiến mình cho Chúa Cha trên thập giá. Sự vâng lời của Người đã đền bù được sự bất tuân của Adong. Tin mừng cứu độ của Người nay được ban tặng cho toàn thể giới.

CHƯƠNG 4: *Chúa Giêsu - sự nên trọn của Sách Thánh*

Trong khi dân ưu tuyển Do Thái hằng trông mong ngày các lời Thiên Chúa hứa qua các tổ phụ và tiên tri được nên trọn, chúng ta nhìn lại xem các lời hứa ấy đã được nên trọn như thế nào. Trong các biến cố của dân ưu tuyển này, ta có thể tìm ra dấu vết những kế hoạch để cứu độ loài người của Thiên Chúa, thường được gọi là lịch sử cứu độ.

Khi Adong và Evà sa ngã, loài người bị làm nô lệ cho tội lỗi và các hậu quả của nó. Đã không có lối thoát.

Nếu không có một Đấng Cứu Độ là người sẵn lòng lãnh lấy gánh nặng tan nát của tội lỗi thế gian, thì số phận phù phiếm của loài người sẽ mãi mãi không thay đổi.

Kế hoạch của Thiên Chúa nhằm cất gánh nặng tội lỗi và chết chóc được diễn ra trong lịch sử Do Thái. Người Do Thái biết tình yêu của Thiên Chúa, biết lòng nhẫn nại và đầy chịu đựng của Người, biết sự quan tâm của Người đối với họ suốt bốn mươi năm trong sa mạc, biết sự che chở và lòng trung thành của Người. Người Do Thái học biết rất nhiều về vị Thiên Chúa độc nhất chân thật này. Họ hát thánh vịnh ngợi khen Người, thờ lạy Người trong Đền Thờ và cầu nguyện với Người những khi gia đình họ tụ họp.

Trong kế hoạch của Thiên Chúa đem nhân loại từ nô lệ tới tự do, là việc Con của Người là Chúa Giêsu đến thế gian. Nơi Người, việc chiến thắng tội lỗi và sự chết phải được hoàn tất. Nơi Người, mọi lời tiên tri phải được nên trọn và hành vi thờ phượng chính yếu được Thiên Chúa truyền cho Môsê phải được tiếp nhận và làm cho hoàn hảo nơi con người của Chúa Giêsu, Đấng đã sống lại từ cõi chết.

Luật Môsê lúc ấy có lẽ đã đạt được mục đích của nó là chuẩn bị dân Do Thái để đón nhận Đấng Được Xức Dầu và để đón nhận một thời đại cứu độ mới của toàn thế giới.

Ta hãy xem một số lời tiên tri đó và các nét chính yếu trong đức tin sống động của Dân Do Thái để xem chúng đã được nên trọn ra sao trong Chúa Giê-su.

1. Giao Ước Vĩ Đại trên Núi Xinai

Ít tháng sau khi giải thoát dân Do Thái khỏi ách nô lệ Ai Cập qua Biển Đỏ, Môsê đóng trại phía ngoài Núi Hô-rép, trong sa mạc Ai Cập tại Xinai. Núi Hô-rép cũng được gọi là Núi Xinai.

Với mười hai chi tộc Do Thái cắm trại ngay gần trên cánh đồng gần ngọn núi, Môsê leo lên ngọn núi đang phủ đầy khói đỏ để gặp gỡ Thiên Chúa trong niềm kính sợ. Từ trên ngọn núi, ông đem xuống hai tấm bia đá có khắc mười điều răn. Những điều răn này lập thành bản hiến chương của Giao Ước vĩ đại giữa Thiên Chúa và dân Người, một giao ước sau đó bị dân Do Thái vi phạm nhiều lần, nhưng Thiên Chúa thì không bao giờ vi phạm. Giao ước ấy được cử hành và niêm ấn bằng hiến lễ thánh. Nó đã trở nên viên đá thử vàng của sợi dây liên kết không thể phá vỡ giữa dân Do Thái và Thiên Chúa Duy Nhất Chân Thật.

Giao ước này không bao giờ bị Thiên Chúa hủy bỏ nhưng được hoàn hảo hóa trong Chúa Kitô. Nó nằm trong kế hoạch của Thiên Chúa nhằm chuẩn bị cho việc xuất hiện của Đấng sẽ đóng dấu Giao Ước không phải bằng máu thú vật mà bằng chính máu của mình.

Trong bữa Tiệc Ly, Chúa Giê-su đã nói:

"Chén này là giao ước mới, lập bằng máu Thầy, máu đổ ra vì anh em". (Lc 22:20)

Dân của Giao Ước mới này là những người chấp nhận Chúa Giê-su là Đấng Kitô, nghĩa là Đấng Được Xức Dầu. Chúa Giê-su là Môsê mới, dẫn dắt dân Người thoát khỏi ách nô lệ tội lỗi và sự chết để bước vào tự do của tha thứ và sự sống đời đời.

Giao ước tại Xinai đã nên trọn trong hy lễ của Chúa Giê-su trên thập giá. (Xh 19:1-11, Dt 8 & 9)

2. Luật Môsê

Được Thiên Chúa linh hứng, Môsê công bố cho dân Do Thái không những Mười Điều Răn vĩ đại khắc trên đá, mà còn một số lớn qui định để cai quản đời sống hàng ngày của dân. Những quy định này và các qui định khác thêm vào sau đó, hợp cùng các điều răn trên làm thành Luật Môsê. Chúng là những trói buộc thiêng liêng nhằm nối kết dân tộc lại với nhau thành Dân trung thành và thánh thiện của Thiên Chúa.

Nhìn lại ta có thể thấy rằng những lề luật và qui định này là một hình thức chuẩn bị cho việc xuất hiện của Đấng Được Xức Dầu, là Đấng sẽ tóm lược mọi lề luật vào một luật kép của tự do, là yêu Chúa và yêu nhau.

Trong tư cách Môsê mới, Chúa Kitô đã làm cho Luật Cũ nên trọn trong Luật yêu thương mới của Người.

Giống như Môsê từng ở trên núi lên tiếng dạy Dân Do Thái cách sống, thì trên một ngọn núi khác ở Galilê, Chúa Giêsu đã dạy dân chúng phải sống luật yêu thương như thế nào, bằng các Mối Phúc Thật (Mt 5:1-12). Trong cung cách bất ngờ và phi thường này, Người đã cất khỏi dân gánh nặng luật lệ và qui định của Môsê, để họ có thể hoàn toàn đứng lên đón chào luật yêu thương mới, là luật sẽ nối kết họ lại với Chúa Kitô như dân mới của Người.

Có khá nhiều điểm tương đồng giữa cuộc đời Chúa Giêsu và cuộc đời Môsê. Nhất là trong Phúc Âm thánh Mátthêu, với phần lớn cử tọa là người Do Thái và Kitô hữu gốc Do Thái.

Lúc Môsê sinh ra, Pharaô muốn giết chết đứa trẻ vì sợ nó có thể trở thành một địch thủ ngang hàng. Điều này khiến ta nhớ tới việc Hêrôđê mưu toan giết trẻ Giêsu.

Môsê trốn khỏi Ai Cập, nhưng được Chúa bảo phải trở lại đó sau khi Pharaô qua đời. Chúa Giêsu cũng từ Ai Cập trở về sau khi Hêrôđê qua đời.

Môsê lãnh đạo dân suốt bốn mươi năm qua sa mạc vào đất hứa, trong khi Chúa Giêsu thì dành bốn mươi đêm ngày trong sa mạc để chuẩn bị công bố Vương quốc của mình.

Môsê hủy bỏ Con Bò Vàng mà dân thờ lạy khi ông vắng mặt trên Núi Xinaï, và kêu gọi họ thờ phượng Thiên Chúa Duy Nhất Chân Thật. Chúa Giêsu đã đánh bại mưu toan của Xatan muốn biến mình thành đối tượng của việc thờ phượng, và đã nhấn mạnh rằng chỉ một mình Thiên Chúa đáng được thờ phượng mà thôi.

Luật Môsê đã nên trọn trong Luật Chúa Kitô, Đấng vốn là Môsê mới.

Bánh manna từng nuôi sống dân Do Thái trong sa mạc đã được nên trọn một cách thiêng liêng trong Phép Thánh Thể, khi chính Chúa Giêsu trở thành Bánh Sự Sống mới.

Việc Môsê xác nhận vai trò Đáng Được Xức Dầu của Chúa Giêsu cũng như thần tính của Người được thấy rõ trong biến cố hiển dung, lúc Môsê và Êlia hiện ra bên cạnh Chúa Giêsu.

Đối với thánh Mátthêu, rõ ràng Chúa Giêsu là Môsê mới, Đấng mang tới cho dân Người một lề luật mới, lề luật yêu thương và tự do. Điều ấy được giải thích nhiều hơn trong thư gửi tín hữu Do Thái, chương 4.

3. Hy lễ do Môsê truyền lệnh

Hy lễ bằng súc vật đã được thực hiện tại sa mạc và sau này tại Đền Thờ Giêrusalem. Dòng dõi tư tế, là chi tộc Lêvi, đảm nhiệm các hy lễ trong đền thờ đó. Các hy lễ này được dâng lên trong các ngày lễ Do Thái cũng như tại các nghi lễ gia đình, như cắt bì và Tiệc Vượt Qua, hoặc là bữa Seder. Các hy lễ này nói lên việc dân Do Thái hoàn toàn lệ thuộc vào thẩm quyền đầy yêu thương của Thiên Chúa, và là các hành vi thờ phượng thần thánh, thường dễ xá tội. Không phải mọi việc giết thú vật đều là hy lễ, mà chỉ khi giết thú vật theo nghi thức mới là hy lễ mà thôi. Trong đó, máu con vật được vẩy lên dân chúng hay

lên bàn thờ, hoặc đổ xuống bệ của nó hoặc bôi lên góc bàn thờ. Là biểu tượng của sự sống, máu chỉ việc hiến sinh của dân.

Đôi lúc, thịt của con vật hiến tế được đem nướng và được các tư tế dùng trước, sau đó đến người khác, như dấu chỉ sự tham dự sâu xa vào việc thờ phượng Thiên Chúa.

Nơi Chúa Giêsu, hy lễ của Luật Cũ đã nên trọn. Thư gửi tín hữu Do Thái nhấn mạnh rằng hy lễ của Cựu Ước không thể tha được tội lỗi và cần phải lặp đi lặp lại. Chỉ có lễ hy sinh của chính Chúa Giêsu trên Thánh Giá mới có quyền lực tha tội, một lần và mãi mãi

“...Người đã xuất hiện chỉ một lần, để tiêu diệt tội lỗi bằng việc hiến tế chính mình”. (Dt 9:26)

Hy lễ của Người được hiện tại hóa mãi mãi trong phụng vụ của Phép Thánh Thể, khi chúng ta chia sẻ Mình và Máu Chúa Kitô, như lời thánh Phaolô nói.

Vì Chúa Giêsu là Vật Hiến Sinh để tội được tha, nên các hy lễ của Luật Môsê đã làm trọn mục đích của chúng và đã nhường bước cho hy lễ duy nhất chân thật, là chính Chúa Giêsu Kitô.

4. Chức linh mục

Cũng thế, chức vị tư tế của Aharon là anh trai Môsê, và của cả chi tộc Lêvi đều đã nên trọn nơi vị Linh Mục đời đời duy nhất là Chúa Giêsu.

Sau thời lưu đày ở Babilon, vai trò các tư tế nổi bật và mang tầm quan trọng lớn lao trong đời sống của dân, nhưng không phải luôn luôn trong phạm vi phụng tự. Vào lúc đó, vị thượng tế xuất hiện như chủ tịch Thượng Hội Đồng. Ông là người duy nhất được phép bước vào nơi Cực Thánh trong Đền Thờ Giêrusalem, và chỉ mỗi năm một lần vào ngày Lễ Cung Hiến Đền Thờ. Ông Dacaria, thân phụ thánh Gioan Tẩy Giả, là thượng tế trong thời thơ ấu của Chúa Giêsu.

Chúa Giêsu không phải là một thầy Lêvi, Người cũng không cho mình là một tư tế, có lẽ để tránh bị hiểu lầm là Người thuộc hàng tư tế đương thời, cũng như Người không muốn gọi mình là vua, để tránh bị coi như một ông vua trần thế. Tuy nhiên, chức linh mục cũng như vương quyền của Người là điều có thực. Thư gửi tín hữu Do Thái hầu như hoàn toàn nói về chức linh mục của Chúa Giêsu, được tán tụng cao hơn rất nhiều chức tư tế Lêvi của Luật Môsê. Ta đọc thấy:

“Chúng ta có một vị Thượng Tế cao cả như thế ngự bên hữu ngai Đấng uy linh ở trên trời. Vị đó lo việc tế tự trong cung thánh, trong lều trại thật, do Thiên Chúa chứ không phải do người phàm dựng lên”. (Dt 8:1-2)

Chức linh mục của Chúa Giêsu hết sức độc đáo. Người là Linh Mục Thượng Phẩm và là linh mục duy nhất. Giáo hội chia sẻ chức linh mục của Người qua Phép Rửa. Nhờ Phép Truyền Chức Thánh, những người nam được tuyển chọn cũng chia sẻ chức linh mục của Người trên bình diện sâu sắc hơn, bình diện được Đức Gioan Phaolô II gọi là “qua bí tích thay mặt cho Chúa Giêsu, Đấng là Đầu và là Người Chấn Chiên”. (Thông điệp *Pastores Dabo Vobis*, số 15)

Chúa Giêsu không hủy bỏ chức tư tế Lêvi. Với tư cách Linh Mục Thượng Phẩm đời đời, Người làm trọn mục tiêu của nó là thờ phượng Thiên Chúa và tha thứ tội lỗi trong chính Người.

5. Đền Thờ

Khi xét tới các chức năng của Đền Thờ vĩ đại được Hêrôđê trùng tu ngay trước khi Chúa Giêsu sinh ra, ta thấy rằng chức năng chính của đền thờ, việc thờ phượng Thiên Chúa, các hy lễ và chức linh mục của đền thờ, tất cả đều đã được đảm nhận và trở nên hoàn hảo trong con người của Chúa Giêsu.

Điều ấy hoàn toàn bất ngờ đối với dân Do Thái và có lẽ là lý do số đông trong họ thấy khó mà chấp nhận Chúa Giêsu là Đấng Được Xức Dầu, vì các chủ trương của Người rất cực đoan và ngụ ý mang lại những náo động. Người ta không thể tưởng tượng nổi việc thờ phượng tại Đền Thờ bị chấm dứt, việc hy tế bị vắng bóng và chức linh mục không còn nữa.

Còn Đền Thờ thì sao?

Trong nhiều thế kỷ, việc thờ phượng Thiên Chúa đã được thực hiện trước Hòm Bia Giao Ước tại Silô. Được đặt bên trong căn lều hay nhà tạm, Hòm Bia này chứa các phiến đá của Môsê, cây gậy trở bông của Aharon, bánh manna trong sa mạc và những vật thánh khác, như dầu chỉ rằng Thiên Chúa mãi mãi hiện diện nơi đó.

Sau khi Salômôn xây dựng Đền Thờ ở Giêrusalem vào khoảng năm 960 trước Chúa Kitô, thì Đền Thờ này trở thành trung tâm của việc thờ phượng, nơi dâng các hy lễ và nơi ca hát 150 thánh vịnh của Đavít.

Đền Thờ này đã bị hủy diệt cùng với thành Giêrusalem, sau khi Dân bị lưu đày qua Babilon. Năm mươi năm sau, khi Dân được thả tự do họ trở về tái thiết thành phố và Đền Thờ, nhưng Hòm Bia thì không còn tìm thấy đâu nữa.

Thời Đại Vương Hêrôđê, Đền Thờ được tái thiết và một tiền đình lớn được xây dựng. Nơi đó, cả Dân Ngoại lẫn người Do Thái đều có thể dùng làm nơi tụ họp.

Đền thờ Chúa Giêsu và các tông đồ của Người chiêm ngưỡng và yêu kính chính là đền thờ đã được Hêrôđê tái thiết đẹp đẽ, khi tới thời kỳ đã bị Quân La Mã hủy diệt hoàn toàn vào năm 70.

Trong Chương 3, ta đã thấy Chúa Giêsu luôn lui tới đền thờ tham dự các đại lễ và thường giảng dạy tại hành lang Salômôn như thế nào.

Người cũng nói về sự hủy diệt đền thờ này, một điều khiến các lãnh tụ Do Thái nổi giận. Khi Người so sánh đền thờ với chính Người và cho biết Người sẽ dựng lại nó trong ba ngày, Người càng làm cho họ tức giận hơn nữa, mặc dù Người chỉ có ý nói về chính Người. Họ bắt đầu mưu tính loại trừ Người.

Đây là điều tự nhận phi thường nhất Chúa Giêsu đã đưa ra, rằng nơi chính mình, Người sẽ làm nên trọn không những bộ Luật Môsê, các hy lễ tại Đền Thờ, toàn bộ chức linh mục, mà còn chính đền thờ vĩ đại nữa.

Quả thực, Chúa Giêsu tự cho rằng chính Người, chứ không phải đền thờ, sẽ trở thành trung tâm của việc thờ phượng Thiên Chúa và là nơi Thiên Chúa hiện diện.

Việc tự nhận ấy đem lại ý nghĩa cho các lời tiên tri ám chỉ về Đấng Được Xức Dầu của Isaia, Mikha, Giêrêmia và Êdêkien rằng sẽ có một Đền Thờ mới còn lớn hơn cả Đền Thờ của Salômôn. (Xem Is 2:1 và tiếp theo; Mk 4:1 và tiếp theo; Gr 7:1 và Ed 40-42)

Nhiều đoạn viết trong Tân Ước nói tới Thân Xác Phục Sinh của Chúa Giêsu như đền thờ mới, cả Giáo hội nữa, vì là Thân Thể Chúa Kitô, nên cũng là đền thờ.

Trong thư gửi tín hữu Côrintô, ta đọc thấy:

“Nào anh em chẳng biết rằng anh em là Đền Thờ của Thiên Chúa, và Thánh Thần Thiên Chúa ngự trong anh em sao?” (1Cr 3:16)

Thân xác con người phải được tôn trọng và giữ cho trong sạch vì là *“Đền Thờ Chúa Thánh Thần”*. (2Cr 6:16) Trong thành Giêrusalem mới, như ta đọc thấy trong Sách Khải Huyền, sẽ không còn đền thờ nào hết bởi vì đền thờ này bây giờ là Thiên Chúa và là Con Chiên. (Kh 21:22)

Điều lúc ấy không ai tưởng tượng nổi thì nay đã được coi như một phần trong kế hoạch vĩ đại của Thiên Chúa, nhằm cứu độ toàn thể giới trong Chúa Giêsu và nhờ Chúa Giêsu.

6. Các ngày lễ Do Thái và Lễ Vượt Qua

Chương 3 đã đề cập đầy đủ về sự nên trọn của các ngày Lễ Do Thái nơi Chúa Giêsu. Các ngày Lễ này cử hành các biến cố vĩ đại trong cuộc sống của Dân Do Thái, việc họ được giải thoát khỏi ách nô lệ bên Ai Cập, hành trình của họ trong sa mạc, sự rộng lượng của Thiên Chúa khi ban các hoa trái đầu mùa, lòng xót thương của Người đối với kẻ có tội, việc cung hiến Đền Thờ, việc ban Lễ Luật tại Xinaï và giao ước với Thiên Chúa.

Chắc chắn ngày Lễ vĩ đại nhất được Chúa Giêsu biến đổi và ban cho một ý nghĩa mới chính là Lễ Vượt Qua, mà Người là Đấng đã trở nên Con Chiên Lễ Vượt Qua. (1Cr 5:7) Trong tư cách Môsê mới, Người là Đấng đã giải phóng Dân của Người khỏi ách nô lệ tội lỗi và hiến tặng họ đất hứa của tình yêu và sự tha thứ của Người. Sau cùng, Người hiến tặng họ sự sống đời đời, là một đất hứa “tuyệt hảo”.

Điều ấy đã được công bố trong Bữa Tiệc Ly, trong bữa ăn Seder theo nghi lễ Vượt Qua. Chúa Giêsu biến đổi nghi lễ Do Thái thành nghi lễ mới của phép Thánh Thể, được muôn đời cử hành để tưởng nhớ Người. Việc ấy có mục đích nhắc nhở và hiện tại hóa cho mọi thế hệ tương lai về cuộc đời của Người, cái chết và sự phục sinh của Người là mầu nhiệm vượt qua thắng vượt quyền lực sự ác, tha thứ tội lỗi, kêu gọi con người nên tuyệt đối vâng phục Thiên Chúa trong một tinh thần hoàn toàn phó thác, liên kết họ trong một thân thể là Thân Thể Chúa Kitô, là dân mới của Người, khi họ chia sẻ thân xác đã được hiến tế và máu của Người đã đổ ra vì họ.

Là Lễ Vượt Qua Mới, là Chiên Vượt Qua Mới, Chúa Giêsu hiến tặng điều còn quý giá hơn cả việc thoát ách nô lệ Ai Cập. Người hiến dâng chính Người làm hy lễ hoàn hảo, và thể hiện điều đó ngoài óc tưởng tượng của ta. Người quảng đại vượt bậc khi cho ta chia sẻ chính sự sống thần linh và phục sinh của Người. Ta chỉ có thể thán phục chiêm ngưỡng một tình yêu như thế mà thôi.

7. Ngai Báu Davít

Tổng Lãnh Thiên Thần Gabrien nói với Đức Maria:

“Và này đây bà sẽ thụ thai, sinh hạ một con trai, và đặt tên là Giêsu. Người sẽ nên cao cả, và sẽ được gọi là Con Đấng Tối Cao. Chúa là Thiên Chúa sẽ ban cho Người ngai vàng vua Đavít, tổ tiên Người. Người sẽ trị vì nhà Giacóp đến muôn đời, và triều đại của Người sẽ vô cùng vô tận”. (Lc 1:31-33)

Là một vị Vua, không ai sánh bằng Đavít. Ông thống nhất Do Thái và đem lại an ninh cho dân ông, giúp họ thoát khỏi những đe dọa của các lân bang thù nghịch và hưởng một nền an ninh trước đó họ chưa bao giờ có được. Dù là một người mắc nhiều lầm lỗi, nhưng danh tiếng của ông gia tăng trong các thế kỷ về sau này, lúc người ta nhận ra triều đại ông quả là hoàng kim thời đại của hòa bình và tự hào dân tộc. Vương quốc của ông cũng gợi được nhiều điều về Đấng Được Xức Dầu. Tiên tri Nathan hứa rằng triều đại và dòng dõi ông sẽ tồn tại mãi mãi. Muốn tồn tại mãi mãi, giao ước với Đavít này cần một nhà cai trị vĩ đại hơn nữa để tái tạo nó. Do đó, Đấng Được Xức Dầu phải là “Con vua Đavít” hay phải xuất thân từ “dòng dõi Đavít”, và có nhiệm vụ tái lập sự vĩ đại của vương quốc ông. Khi xuất hiện, Đấng Được Xức Dầu này sẽ là vua. Trong tâm trí nhiều người, Người phải là một nhân vật chính trị là người sẽ giải phóng Dân Do Thái khỏi những tên thực dân và cai trị ngoại xâm để đem vinh quang thuở xưa về lại cho nó.

Trong sự khai triển này, ta thấy bàn tay Thiên Chúa dự định để Con của Người tái lập một vương quốc, không phải ở trần gian nhưng là chính Vương Quốc của Thiên Chúa. Trong tư cách Kitô Vua, triều đại của Người sẽ tồn tại mãi mãi và vô số người sẽ tìm ra đường dẫn tới vương quốc này, vương quốc của công lý, tình yêu và hòa bình, trong đó mọi đời sống đều được Cứu Chúa của họ biến đổi.

Khi Chúa Giêsu sinh ra, qua thánh Giuse, Người thuộc dòng dõi Đavít. Người sanh tại Bêlem là sinh quán của vua Đavít, vì thánh Giuse phải về đó đăng ký để kiểm tra dân số theo lệnh Hoàng Đế Rôma.

Trong thư gửi tín hữu Rôma, thánh Phaolô chỉ cho chúng ta thấy vai trò Đấng Được Xức Dầu khi ngài mô tả Chúa Giêsu *“xuất thân từ dòng dõi Đavít theo xác thịt và được công bố là Con Thiên Chúa với đầy đủ quyền năng theo tinh thần thánh thiện..”*. (Rm 1:3)

Sự phục hồi chức vị cho con vua Đavít đã được Thiên Thần Gabrien loan báo trước. Nhưng điều ấy được thực hiện cách nào?

Vương quốc của Thiên Chúa đã được thánh Gioan Tẩy Giả công bố đầu tiên:

“Hồi ấy, ông Gioan Tẩy Giả đến rao giảng trong hoang địa miền Giuđê rằng: "Anh em hãy sám hối, vì Nước Trời đã đến gần”. (Mt 3:1-2)

Chúa Giêsu nói đến nước của Người nhiều lần, bằng nhiều cách mô tả khác nhau, đến nỗi khó mà diễn tả nó trong một câu đơn giản. Đó là nơi Thiên Chúa cai trị, cũng là nơi Thiên Chúa cư ngụ. Nước Chúa ở trong ta, ở giữa ta và ở quá bên kia ta. Nó đang hiện hữu và còn đang sắp đến. Nó giống như của báu tìm thấy ngoài đồng, nó chứa đựng cả điều tốt lẫn điều xấu, nó là việc mỗi cá nhân chọn lựa phục tòng sự thống trị của Thiên Chúa, và chính Chúa Giêsu là Đấng có thể làm được điều đó.

Rõ ràng đây là một vương quốc thiêng liêng, chứ không thuộc về trần gian. Dù hiện diện trên trần gian nó chỉ được trọn vẹn khi thể gian này kết thúc. Nhờ Phép Rửa Tội, chúng ta gia nhập nước ấy, nhưng vẫn đòi hỏi chúng ta phải thay đổi hoàn toàn về mặt đạo đức trong đời sống. Nó là viên ngọc vô giá, nhưng cũng cần phải nói rằng nó là viên kim cương nhiều mặt, cho thấy nhiều khía cạnh khác nhau của chính nó tùy theo cảm nghiệm của ta.

Khi bị xử trước mặt Philatô, Người bị vặn hỏi có phải là vua hay không. Trong nhiều dịp khác, Chúa Giêsu đã tránh né tước hiệu vua vì người ta thường hiểu nó chỉ theo nghĩa nhân bản và trần gian. Giờ đây lúc Người sắp chiến thắng tội lỗi và sự chết thì chính là thời điểm để chấp nhận tước hiệu ấy, nhưng chỉ theo nghĩa thiêng liêng mà thôi. Lúc Người chịu đóng đinh, Philatô nhất định rằng thập giá của Người phải mang hàng chữ “*Giêsu Nadarét, Vua người Do Thái*”.

Chúa Giêsu phục hồi ngai Đavít bằng cách thiết lập một vương quốc của công lý, tình yêu và hòa bình của Người, mở ra cho tất cả những ai tin vào Người. Người ta có thể sẽ cảm nghiệm được Vương Quốc của Người sâu xa trong tâm hồn họ, nó sẽ tồn tại trên trần gian để thay thế cho vương quốc của Xatan, và kéo dài mãi mãi cho những ai sẽ sống lại với Chúa Kitô để bước vào sự sống mới.

8. Người Tội Tớ Đau Khổ

Mâu nhiệm đau khổ, nhất là sự đau khổ của người vô tội thường là một chủ đề trong Kinh Thánh Do Thái. Nếu không phải là một hình phạt vì tội lỗi thì đó là cách Thiên Chúa thử nghiệm lòng cậy trông và trung thành (trường hợp ông Gióp). Nó còn có cả giá trị cứu chuộc cho những người khác. Môsê và Giêrêmia chịu đau khổ vì lợi ích cho dân. Họ là những loại người tội tớ đau khổ của Giavê đã được mô tả sống động trong sách tiên tri Isaia. (Is 52 và tiếp theo)

Người Tội Tớ Đau Khổ vô tội không phạm một tội ác nào, ấy thế nhưng “con người của sầu khổ” này lại gánh chịu những đau khổ của mình thay cho kẻ tội lỗi, bằng cách dâng chúng lên Thiên Chúa với sự chấp nhận cao thượng. Người còn dâng chính mạng sống mình cho Thiên Chúa, để đền vì tội lỗi của kẻ khác.

Người tội tớ đau khổ ấy là ai? Người đã được mô tả rõ ràng, nhưng Người lại không giống hình ảnh Đấng Được Xức Dầu trong lời tiên tri, rằng Người là một vị vua sẽ tái lập ngai Đavít, vì thế khó mà nghĩ được rằng Người cũng có thể là Đấng Được Xức Dầu ấy.

Chúa Giêsu trở nên “con người của sầu khổ” trong đau khổ và cái chết của Người. Khi đọc các đoạn trong Isaia nói về người tội tớ đau khổ, ta thấy gần như thể Isaia được thị kiến cảnh Chúa Giêsu bị đánh đòn và bị ngược đãi, trước khi chịu chết trên thập giá. Một lần nữa, Chúa Giêsu đã làm trọn các lời tiên tri trong Cựu Ước một cách hoàn toàn bất ngờ, và gây xôn xao cả cho những ai trông mong một lãnh tụ mang giòng máu hoàng tộc. Nhưng khi được nên trọn, các lời tiên tri kia bỗng nhiên trở nên có ý nghĩa.

Trong cuộc khổ nạn và cái chết của Người, Chúa Giêsu là Con Chiên bị dẫn tới lò sát sinh vì tội lỗi thế gian. Đấng Được Xức Dầu cũng là Cứu Chúa của toàn thể nhân loại.

Trong con người của Chúa Giêsu, ta thấy Giao Ước Xinai được nên trọn trong Giao Ước mới bằng máu của Người, Luật Môsê được hoàn tất trong tự do của luật yêu thương, các hy lễ bằng súc vật chấm dứt trong hy lễ một lần duy nhất của chính Người, chức linh mục được nên hoàn hảo trong chức linh mục

đòi đòi của Người, Người là trung tâm thờ phượng Thiên Chúa mà một thời đã thuộc về Đền Thờ Giêrusalem, các Ngày Lễ Do Thái được nên trọn, nhất là Lễ Vượt Qua. Đây là Vua các vua, là Chúa các chúa đang kêu gọi chúng ta bước vào vương quốc của Người, một vương quốc tồn tại vĩnh viễn và là ngôi báu phục hồi của Đavít. Vị Vua này cũng là Người Đầy Tớ Đau Khổ, là Đấng chấp nhận đau khổ của chúng ta và làm chúng ta có ý nghĩa trong sự hợp nhất với Người cùng với những kẻ bị hắt hủi, khinh miệt hay bị áp bức cách nặng nề và bất công.

Đấng Được Xức Dầu hằng mong đợi đã đến với chúng ta một cách hết sức bất ngờ. Người mời gọi ta tiếp nhận Người như Đấng Được Xức Dầu, Đấng Cứu Độ và Chúa Tể của chúng ta.

CHƯƠNG 5: *Sống theo Thánh Kinh – Sáu bước*

Trong các trang này, tôi cố gắng nắm bắt ý nghĩa tuyệt vời của những thành tựu Chúa Giêsu đã đạt được và tầm quan trọng của chúng trong cuộc sống mỗi người. Tôi muốn nói rằng hiện tại đang sống trong thời đại mới của Chúa Thánh Thần do Chúa Giêsu khởi đầu và mỗi cá nhân cũng như thế giới cần khẩn trương nhận biết rằng Chúa Giêsu có thể mang lại sự khác biệt lớn lao cho đời sống của họ và cho xã hội.

Ngày nay, nhiều người phản ứng lại tin mừng trên một cách hết sức dửng dưng. Làm Kitô hữu hay không làm Kitô hữu chẳng đáng quan tâm gì. Xem ra điều ấy chẳng làm lối sống của họ khác hơn bao nhiêu. Hiện đang có một quan điểm phổ quát là bao lâu người ta sống thuận hòa với nhau và tuân giữ một cách đại khái các giá trị của xã hội, thì vấn đề thuộc tôn giáo này hay tôn giáo nọ không quan trọng gì.

Ngoại trừ một số nhỏ đang đi gõ cửa nhà thiên hạ, các Kitô hữu xem ra chẳng bận tâm gì đến việc lôi cuốn người khác vào hàng ngũ của mình. Nếu các Kitô hữu không quan tâm lắm, thì biết làm gì bây giờ?

Khi nhìn sâu hơn vào sự “khoan dung” bề mặt có tính xã hội này, ta thấy được những nhu cầu thật sự của con người, những nhu cầu mà tin mừng của Chúa Kitô rất có liên quan.

Một xã hội cố gắng sống không cần tới Thiên Chúa có lẽ sẽ tìm cách điều hòa tác phong nhân bản bằng các luật lệ về tài sản, về các mối liên hệ, về hạnh kiểm, nhưng tự trong nó, ta thấy có mầm tự diệt.

Không có Thiên Chúa làm điểm qui chiếu cho các giá trị và chân lý bất biến, đời sống con người bị đe dọa, đặc biệt lúc khởi đầu và lúc kết thúc, tính dục con người bị tầm thường hóa, chán chường và thất vọng gia tăng khi mối liên hệ đổ vỡ, mức tự tử gia tăng nơi giới trẻ, lòng thèm khát tiền bạc và uy quyền sinh ra thói nát, nghèo đói gia tăng ngay giữa nơi sung túc và các dân tộc từ từ sa vào con đường bạo lực và chiến tranh.

Các vấn đề “lớn” thường hay bị để đó, mà không có câu trả lời. Tại sao ta ở đây? Sống để làm gì? Tôi có giá trị gì không hay chỉ là một ngẫu thể do các hoàn cảnh may rủi đưa đẩy? Có đời sau không, hay chỉ là khoảng trống khi cuộc đời này tàn lụi đi?

Không thể nào tìm ra câu trả lời mà không quay về với Đấng Tác Tạo Sự Sống.

Tim kiếm Thiên Chúa để tìm ra câu trả lời là con khát trong tinh thần con người mà không thể nào giải khát được bằng một vũ trụ vô nghĩa.

Một phần trong vấn nạn được bàn ở đây là hiện có quá ít Kitô hữu biết tin tưởng mạnh mẽ rằng đức tin là điều quan trọng, rằng cuộc sống vĩnh cửu là điều quan trọng. Ngày nay, mọi người Công giáo và mọi Kitô hữu phải khẩn trương chú ý tới sứ điệp này và sống cách trọn vẹn và trung thành trong tư cách là những môn đệ của Chúa Kitô. Trong các trang Thánh Kinh, ta được khẩn khoản, một lời khẩn khoản được nhiều vị giáo hoàng gần đây góp tiếng, phải công bố, dù gặp chống đối, rằng chỉ có một sứ điệp có thể cứu được thế giới, đó là sứ điệp của Chúa Kitô.

Đây không phải chỉ là một cuốn sách nữa để khuyến khích học hỏi Thánh Kinh. Cuốn sách này mong muốn rằng sự trở về với Thánh Kinh sẽ làm hồi sinh tính tươi mới của giáo huấn Chúa Giêsu, và làm nổi bật các hành động của Chúa Giêsu, các hành động vốn thay đổi tận gốc rễ lịch sử thế giới, đến nỗi nó không bao giờ còn có thể như trước nữa.

Muốn góp phần trong thế giới mới này, ta không phải chỉ suy nghĩ theo Thánh Kinh, mà còn phải sống theo Thánh Kinh nữa.

Đồng thời, cuốn sách này cũng đề nghị một vài điều để giúp mở và hiểu được Thánh Kinh. Việc mô tả nội dung Thánh Kinh của nó có thể sẽ giúp được một số người. Sự chọn lựa các đoạn trong Thánh Kinh về Chúa Giêsu và việc Người đương đầu với các địch thủ vào những ngày cuối đời của Người dưới trần gian do sách này đưa ra có thể sẽ giúp tập trung vào công trình làm trọn Luật Cũ của Người trong chính Người, và đem lại một thời đại hoàn toàn mới của Chúa Thánh Thần.

Hai trong số các phụ chương Thánh Kinh nói về lịch sử Giêrusalem và đặc biệt về lịch sử Đền Thờ, liên quan tới việc Chúa Giêsu công bố vương quốc của Người, khi Người tự nhận mình là Đền Thờ mới lúc Người tiên đoán sự tàn phá của Đền Thờ cũ.

Phân thánh vịnh và thánh ca có thể gợi hứng cho nhiều người sử dụng để cầu nguyện riêng, hay cầu kinh chung ban sáng hay ban chiều (Kinh Sáng và Kinh Chiều) cho dù họ ở đâu.

Sống theo Thánh Kinh như một Kitô hữu là sống cuộc sống của người môn đệ đích thật của Chúa Kitô. Dưới ánh sáng Lễ Hiện Xuống, đó chính là một lối sống mới.

Chấp nhận Chúa Giêsu là Đấng Cứu Độ và là Chúa cũng chưa đủ, mặc dù đây cũng đã là một bước vĩ đại rồi. Lối sống này đòi hỏi ta phải làm gì hơn nữa ngoài việc tin Chúa Kitô là Con Thiên Chúa, tin Người hoàn toàn và đích thực là Thiên Chúa và là con người, mặc dù Công Đồng tiên khởi của Giáo hội đã mất nhiều thế kỷ mới minh xác và định nghĩa chính xác được sự kết hợp giữa hai bản tính trong một Ngôi Vị Thiên Chúa của Chúa Kitô.

Bước chân theo Chúa Kitô đặt ra một lối sống mới và khác biệt hẳn, trong đó tiêu chuẩn luân lý bản thân phải đi ngược hẳn lại đường lối thế gian.

Các tân tòng có thể nói cho ta rất nhiều. Theo lời xác nhận của họ, khi lãnh nhận ân sủng diệu kỳ của đức tin, cuộc sống của họ thay đổi hoàn toàn. Khi đã bị tình yêu của Chúa Kitô cuốn hút, Đấng vốn

được Francis Thompson ví như “Chó Săn Của Thiên Đàng”, là lúc họ cảm nghiệm được trọn vẹn ơn tha tội trong Phép Rửa hay trong Phép Thống Hối, họ khát mong một lối sống phát sinh từ sự sống mới trong Chúa Kitô.

Họ cảm nghiệm được sự tự do mới khi bước chân theo Người.

Những người khác vốn lớn lên trong đức tin thường có khuynh hướng coi đó như điều đương nhiên, đến độ họ không cảm nhận được tính kỳ diệu của nó. Họ ngưỡng mộ chứng tá của các tân tòng và trở nên hơi ganh tị với niềm vui và lòng nhiệt thành của họ.

Các đòi hỏi mong đợi người Kitô hữu sống theo tiêu chuẩn luân lý cao phải là một cảm nghiệm hân hoan vì được tự do, chứ không nên là một gánh nặng, không nên là điều mà một số người gọi là thứ luân lý “đầy lo lắng sợ hãi”, khó khăn và cứng nhắc, như thể đi theo Chúa Giêsu chỉ là việc vụn vặt ảm đạm và chẳng có chút yêu thương nào.

Cuộc gặp gỡ tươi mới với Chúa, như ta thấy trong các trang Thánh Kinh, hẳn có thể mang lại niềm vui và sự bình yên Chúa đã hứa cho những ai theo Người. Như lời Đức Cố Giáo Hoàng Gioan Phaolô II từng khuyên giới trẻ nên làm Chúa Giêsu trở thành bạn của họ, Ngài nói: “Quả thật Chúa Giêsu là một người bạn hay đòi hỏi. Người hướng tới những mục tiêu cao cả; Người xin chúng ta thoát ra khỏi chính mình để có thể gặp gỡ Người, ủy thác cho Người trọn cả cuộc sống ta: *“Bất cứ ai từ bỏ sự sống mình vì ta và vì Phúc Âm sẽ cứu được sự sống ấy”* (Mc 8:35)”.⁽³⁾

Chúa Giêsu đã không hứa sẽ giúp chúng ta tránh được đau khổ vì Phúc Âm. Thực ra Người còn cảnh báo các Tông đồ trước đó rằng họ sẽ gặp chống đối và sẽ phải đau khổ như chính Người. Người hứa sai Chúa Thánh Thần đến với họ để ban sức mạnh cho họ. Xem ra ai đã chọn thực hiện công việc của Chúa đều buộc phải chịu đau khổ.

Khi đương đầu với thách thức của chủ nghĩa thế tục và sự bác bỏ quyền lực Thiên Chúa, nhiều người sẽ phải giáp mặt với chống đối mạnh mẽ và phải gánh lấy hậu quả.

Hiện nay, trong nền dân chủ tự do Tây Phương, chúng ta được hưởng sự khoan dung của người khác. Tuy nhiên, sự chấp nhận và khoan dung có giới hạn của nó. Sự khoan dung kia sẽ nhanh chóng biến mất, và người Kitô hữu sẽ bắt đầu ném mùi chống đối và cuối cùng cũng bị hất hủi như Chúa Kitô, trừ khi họ im lặng không bênh vực cho niềm tin của mình và không thách thức chống lại điều ác trong xã hội. Xatan đang hoạt động hết mình và vẫn đang cố gắng phá hoại công trình cứu độ của Chúa Kitô.

Chống đối sẽ thử thách dũng khí của ta. Nó sẽ thử thách sức mạnh đức tin của ta. Có lẽ ta nghĩ mình có thể thương lượng, đưa ra cách giải quyết hoặc dùng cách thanh minh các quy tắc đạo đức của ta để được bình an. Điều đó chẳng ăn thua gì. Các môn đệ chân thực của Chúa Kitô nên cầu xin Chúa nâng đỡ và nhờ vào cộng đồng Kitô giáo để giúp họ luôn trung thành và kiên vững trong một xã hội thế tục đang mất khoan dung này.

Khi viết những lời này, tâm trí tôi liên tưởng nhiều đến thế kỷ 21. Ngày nay, điều Thiên Chúa mời gọi ta trở nên và thực hiện đi ngược lại đường lối thế gian một cách âm thầm. Ta cần thấy rằng không điều gì có thể phá bỏ được điều Chúa Kitô đã thực hiện. Việc cứu độ thế gian đã hoàn thành và thế hệ này cần được nghe tin mừng đó.

Nếu muốn hiển mình làm “nữ tì Thiên Chúa”, như lời của Đức Mẹ, ta thường phải ngoan ngoãn quay trở lại với Lời Thiên Chúa để được biến đổi thành các tạo vật mới, như thánh Phaolô từng nói: “*Cho nên, phàm ai ở trong Đức Kitô đều là thụ tạo mới. Cái cũ đã qua, và cái mới đã có đây rồi*”. (2Cr 5:17)

Sau đây là vài bước tiến giúp ta thấu hiểu ý nghĩa trọn vẹn của việc sống theo Thánh Kinh. Đối với một số người, các bước này có thể dư thừa. Nhưng đối với những người khác, chúng có thể giúp họ suy niệm, nảy sinh các ý kiến mà Thiên Chúa sẽ dùng để làm cho hạt giống đức tin sống động trong lòng họ. Chính vì thế, chúng được coi là ‘Khởi Điểm’.

Khởi Điểm

Bước 1: Biết rõ nhu cầu được cứu độ của chính bạn

Ôn cứu độ là một trong những điều khó hiểu nhất đối với những người đang sống tương đối thoải mái và có thể giải quyết hầu hết những nhu cầu của họ. Họ đang đầu được với các thăng trầm của cuộc sống hàng ngày, thỏa mãn với công việc, có giờ đi chơi và giao du với bạn bè, đi xem phim, theo đuổi những thú vui về văn hóa, đọc sách, nghe nhạc, vui vầy với gia đình, nhất là khi đã có cháu nội cháu ngoại. Đời sống họ khá thoải mái nên họ không còn kỳ vọng hay mong muốn gì hơn. Như vậy đâu còn có nhu cầu cứu độ hay cứu chuộc gì nữa? Đối với họ, hạnh phúc đời sau có thể là phần thưởng thêm thôi và nếu như người ta vẫn nói Chúa là Đấng tốt lành thì không có gì phải lo lắng cả.

Đây đích thị là vấn đề duy thế tục. Thiên Chúa bị đẩy ra bên lề vì không còn thích hợp trong đời sống hàng ngày của một xã hội giàu có nữa. Các nhu cầu chính của con người đã được một hệ thống chính trị và xã hội tốt chăm lo hết rồi, Thiên Chúa còn đứng vào chỗ nào nữa?

Tuy nhiên, ngày nay rõ ràng cuộc sống không có Thiên Chúa làm con người không biết chắc đâu là thiện, đâu là ác, làm cho xã hội bất ổn. Cuộc sống ấy chứa sẵn hạt giống tự hủy diệt qua việc tương đối hóa mọi giá trị. Nếu người ta không tìm ra được bất kỳ giới hạn khách quan nào của chân lý hay đạo đức thì các định chế xã hội sẽ lỏng lẻo, tan tành, và cuối cùng sẽ được thay thế bằng một chế độ toàn trị nào đó. Các kinh nghiệm gần đây của những người sống không có Thiên Chúa rõ ràng đã thất bại.

Tuy thế, ta cần phải xem xét một cách nghiêm chỉnh thái độ của những người sống tương đối hạnh phúc và không thấy khó khăn gì khi sống cuộc sống đó, chứ không nên bỏ qua. Ta hãy thử tìm hiểu sâu xa hơn chút nữa.

Tại sao người ta bị Chúa Giêsu lôi cuốn? Chắc chắn không phải vì nghèo đói hay áp bức hoặc thiếu tự do chính trị. Người không tự giới thiệu mình là nhà cải cách chính trị.

Họ bị Người lôi cuốn vì Người đụng tới một điều gì đó thâm sâu trong tâm hồn họ. Người thường nói với họ bằng dụ ngôn, bằng truyện tích chứa đựng sứ điệp đơn giản họ có thể hiểu được, chẳng hạn như truyện người cha tha thứ đứa con trai hoang đàng, hay người Samaritanô nhân hậu thương cảm người đàn ông bị đánh nằm bên đường. Người nói về tình yêu của Cha Người, người Cha đã chăm sóc họ hơn chim trời và hoa đồng nội xinh tươi.

Người cảnh cáo họ về sức mạnh của lòng tham, lòng kiêu căng và lòng ham muốn chỉ nhắm tiêu diệt họ. Người kêu gọi họ tiếp nhận lời Người như đất tốt tiếp nhận hạt giống, và họ sẽ được biến đổi.

Người chữa lành người bệnh, công khai gặp người phong cùi và qua họ, Người tới với tất cả những người bị rầy bỏ để đem họ vào vương quốc tình yêu của Người.

Người giảng dạy như chưa ai khác từng giảng dạy như vậy. Những kẻ lòng đầy kiêu căng sẽ không lắng nghe, nhưng những người đơn sơ thì sẵn sàng. Họ theo chân Người khắp nơi để được nghe thêm. Người cho họ hy vọng và hứa hẹn một lối sống mới.

Thấy sự ác nơi nào là Người chống đối, nơi thần ác và nơi những người làm điều ác. Người kêu gọi những người làm điều ác này ăn năn trở lại.

Đó cũng là cách Người mời gọi chúng ta.

Ta cần nhìn vào tâm hồn mình một cách trung thực để thấy được chiều sâu các nhu cầu của ta. Có thể ta không cần thêm của cải hoặc một căn nhà khác hơn hoặc một chiếc xe khác, nhưng chúng ta có những nhu cầu khác thuộc bình diện khác.

Ta cần được giải thoát khỏi những điều làm hại ta, như tính ghen tương, ganh tị người khác, ta bực tức khi thấy họ không đáng thành công, lời ta chỉ trích người khác đôi khi cay đắng và có hại. Ta cần được giải thoát khỏi những bận tâm cho mình là trung tâm, tính ta không thành thật, tham lam hay thèm khát, thiếu liêm chính, đứng đưng với người khác và thiếu lòng yêu thương. Ta thường bị khóa kín bởi ta không chịu tha thứ và nuôi giữ lòng giận ghét và hận thù vì những công kích cá nhân.

Ta phải nhìn kỹ hơn nữa vào những ham mê đang hủy hoại chính ta, có thể là tình dục bừa bãi làm ta xấu hổ, ta bối rối và đôi khi thất vọng đến độ toan bẽ quyền sinh.

Chúa Giêsu yêu cầu ta nhìn vào các mối liên hệ của ta, vợ chồng, cha mẹ, con cái, với đồng nghiệp hay bạn làm ăn. Tình yêu ta có bao hàm mọi người hay không? Ta có tha thứ hay không?

Ta không thể đổ lỗi cho xã hội khi sự việc không xuôi chảy. Ta không phải đơn thuần là nạn nhân của các lực lượng nằm ngoài kiểm soát của ta mà ta biết đó là do những gì xuất phát từ bên trong. Đó là hậu quả việc các tổ tông ta nổi loạn chống lại Thiên Chúa. Ta đã thừa hưởng mầm tội ấy. Nếu nhận ra mình có bất cứ điều nào kể trên thì bạn cần tới điều mà Chúa Giêsu đã đến để hiến tặng. Ta phải trung thực về chính mình trước khi ta thấy được nhu cầu cứu độ của mình.

Khi Chúa Giêsu và các Tông đồ của Người bị chỉ trích không theo nghi thức thanh tẩy của Do Thái mà rửa tay tới cùi chỗ trước khi ăn, Người đã giải thích rằng tuân giữ hình thức bề ngoài hay không tuân giữ không làm người ta ra dơ bẩn. Sự dơ bẩn phát xuất từ cõi lòng. Người đưa ra một danh sách khiến những kẻ giả hình chuyên chỉ trích Người có thể hết sức khó chịu:

“Vì từ bên trong, từ lòng người, phát xuất những ý định xấu: tà dâm, trộm cắp, giết người, ngoại tình, tham lam, độc ác, xảo trá, trác táng, ganh tị, phi báng, kiêu ngạo, ngông cuồng”. (Mc 7:21-22)

Ơn cứu độ không phải chỉ về sự sống đời đời mà thôi. Đó là sự hồi tâm sâu xa để ngay lúc này được bình an và niềm vui, là những điều sẽ nên trọn hảo với Thiên Chúa trên thiên đàng. Ơn cứu độ mang ý nghĩa yêu thương. Chúa Giêsu lôi cuốn được người ta vì Người nói tới các nhu cầu sâu kín nhất của họ. Chúa Giêsu nay cũng đang nói tới các nhu cầu sâu kín nhất của bạn.

Bước 2: Hãy lắng nghe!

Chúng ta được biến đổi nhờ Lời Thiên Chúa.

Muốn mở lòng cho Lời Thiên Chúa, ta phải lắng nghe.

Việc Chúa Giêsu chữa lành người đàn ông câm điếc là một sứ điệp mạnh mẽ. (Mc 7:32-37)

Tại sao Chúa Giêsu chọn người đàn ông này mà không chọn nhiều người khác cũng đang cần được chữa lành? Lý do vì Người muốn công bố rằng Đấng Được Xức Dầu đã đến. Phép lạ này mang ý nghĩa cứu độ. Một trong những dấu chỉ cho thấy Đấng Được Xức Dầu đã đến là việc người điếc nghe thấy và người câm nói được. (Is 35:6) Những người chứng kiến phép lạ đó biết rõ Chúa Giêsu đang làm gì, khi Người công bố rằng thời đại cứu độ đã đến, rằng chính Người là Đấng Được Xức Dầu.

Chúa Giêsu ngày nay mở tai ta để nghe Lời Thiên Chúa, làm mềm lưỡi ta để nói lời chúc tụng những kỳ công Người đã làm cho chúng ta.

Bởi thế, muốn được thay đổi ta phải lắng nghe.

Lên tiếng nhân danh Chúa, Môsê đã lặp lại nhiều lần “Shema Israel”, nghĩa là “Hỡi Israel, hãy lắng nghe”. Dân Do Thái phải lắng nghe Lời Thiên Chúa và sống trung thành. Đó là một phần trong Giao Ước vĩ đại mà Chúa đã ban cho Môsê trên Núi Xinaï.

Chúng ta cũng vậy, phải lắng nghe lời Thiên Chúa, không phải chỉ nghe mà thôi, mà còn lắng nghe lời ấy bằng cả hai tai và cõi lòng mình.

Ta nghe lời Thiên Chúa qua các trang sách đầy linh hứng của Sách Thánh. Lời Thiên Chúa như grom hai lưỡi đâm thủng tính tự mãn và tự lấy mình làm tâm điểm cuộc đời của ta, nhờ thế tình yêu Thiên Chúa có cơ hội xâm nhập cõi lòng, làm ta thật ngạc nhiên và vui sướng.

Lời Thiên Chúa chính là Ngôi Lời nhập thể, là ‘Ngôi Lời’ vĩ đại trong đoạn mở đầu của Phúc Âm thánh Gioan, là Đấng hằng ở với Thiên Chúa, là chính Thiên Chúa từ nguyên thủy, là Con độc nhất của Chúa Cha, là chính Chúa Giêsu.

Lời Thiên Chúa trong Thánh Kinh mang quyền lực của Chúa Thánh Thần để chạm tới cốt lõi tâm linh ta và thay đổi cuộc sống ta. Giáo hội ủy thác Sách Thánh như Lời Thiên Chúa trong tay ta.

Khi lắng nghe lời Thiên Chúa, ta phải lắng nghe trong thinh lặng. Rồi ta sẵn sàng tiếp nhận. Ta dễ bị lôi cuốn vào tư tưởng muốn tranh luận, muốn tra vấn, muốn biện bác. Đó không phải là lắng nghe. Đó là chuyển Lời Chúa xuống mức độ trí ta cảm thấy an ổn, để bản thân ta không bị thách thức.

Trái lại, khi đọc lời Kinh Thánh, hãy để lời Chúa nói với chính bản thân ta. Có lúc và có chỗ để ta chú giải Thánh Kinh, nhưng cũng có lúc ta cần lắng nghe, cần chờ đợi để nghe xem Chúa muốn nói gì với ta.

Khi ta lắng nghe lời Chúa Giêsu nói thì lời ấy để dành cho riêng ta. Chúng đụng tới ta và ở lại với ta. Chúng kéo ta ra khỏi lối sống ích kỷ. Chúng thách thức ta, gieo trong ta các hạt giống đức tin, chúng chiếu sáng vào bóng tối đời ta. Chúng dẫn ta ra khỏi cuộc sống tự lấy mình làm trung tâm, khỏi cuộc sống tội lỗi, mà bước vào cuộc sống yêu thương.

Ta lắng nghe điều Chúa Giêsu nói với ta trong các dụ ngôn và phép lạ. Trên hết, ta nghe những lời nói tha thứ và yêu thương, cũng như những lời hứa ban sự sống đời đời của Người qua cái chết và sự sống lại của Người.

Ngăn trở lớn lao cho sự phát triển tâm linh trong thế giới tây phương chính là tinh thần độc lập. Ta được chỉ dạy để biết tự lực, tự cường và tự đưa ra quyết định vì đó là dấu hiệu của sự trưởng thành. Bất hạnh thay, điều đó không đủ, vì ta vốn là con người thuộc về xã hội chứ không phải là những cá nhân độc lập, tự túc, tự cường và không cần đến ai. Điều sau làm ta bị tách biệt khỏi xã hội, cảm thấy vô cùng cô đơn và trống vắng tình yêu. Ta sinh ra không phải để sống đơn độc. Tự bản chất chúng ta sống theo cộng đoàn và cần có nhau.

Một số người, vì thấy mình hết sức cô đơn do lối sống tự mãn tây phương, nên đã hướng về Phương Đông để tìm giải đáp. Họ hiểu rằng phát triển tâm linh là điều cốt yếu cho hạnh phúc đời họ. Họ hẳn có thể tìm ra những con đường dẫn tới bình yên và thanh thản nội tâm trong nhiều hình thức suy niệm khác nhau, nhờ đó họ từ bỏ được dục vọng trong tình lặng chiêm niệm. Nhưng như thế chưa đủ.

Con đường của Chúa Giêsu có khác. Những ước muốn được thỏa mãn của con người, mà thông thường hay hướng về lòng ham muốn tiền bạc, uy quyền, tiếng tăm, ham muốn phấn kích, tình dục vì tình dục, hay các thành đạt, chỉ là những hoài mong đặt không đúng chỗ, đáng lẽ phải hướng về một Đấng Duy Nhất có thể làm no đầy lòng người, đó là Thiên Chúa, chính Người là tình yêu.

Thánh Augustinô khám phá ra điều ấy khi viết: “Ôi lạy Đấng Tuyệt Mỹ, hết sức cổ xưa nhưng cũng hết sức mới mẻ, con yêu Chúa quá muộn màng”. Ngài cũng viết: “*Lạy Chúa, Chúa đã dựng nên con cho chính Chúa, và lòng con luôn thao thức cho tới khi được nghỉ yên trong Chúa*”. (‘Bản Tự Thú’ của thánh Augustinô)

Chúa Giêsu mời gọi ta vào một cuộc sống thỏa mãn trọn vẹn, cuộc sống yêu thương dành cho Chúa và dành cho nhau. Các thèm muốn của ta không bị dập tắt, nhưng được Chúa Thánh Thần chuyển về một hướng duy nhất làm chúng thỏa mãn thực sự.

Bởi thế, ta cần phải bớt bám vào tính tự mãn và cởi mở hơn với Lời Thiên Chúa. Như Đức Mẹ Maria, Đấng “*giữ mọi điều ấy trong lòng*” (Lc 2:51) ta phải ngoan ngoãn nghe lời Thiên Chúa, đọc Sách Thánh chậm rãi với thái độ tiếp nhận, im lặng và lắng nghe.

Nếu có cách gì có thể tóm tắt hết việc “Sống Theo Thánh Kinh” trong một câu, thì câu đó là “Hãy Lắng Nghe”.

Bước 3: Đích thân biết Chúa Giêsu

Ta thực sự không thể mở lòng để Chúa Giêsu chữa lành nội tâm nếu ta không phát triển một mối liên hệ bản thân và chân thực với Người. Việc đó có thể xảy ra vì Người đã sống lại từ cõi chết, do đó không còn bị giới hạn trong thời gian và không gian. Ta có thể thưa chuyện với Người khi cầu nguyện, ta có thể biết Người qua các trang Phúc Âm. Ta gặp gỡ Người trong các Bí tích. Ta có thể học cách gặp Người trong tha nhân, nhất là trong người nghèo, người đang đau khổ và bị khước từ. Người không ở xa ta.

Các Tin Mừng và các sách khác của bộ Tân Ước đã được các nhân chứng và bạn hữu của Chúa Giêsu viết lại. Họ đích thân biết Người. Ngay cả thánh Phaolô cũng đích thân gặp Người trong cuộc chuyến viễn trên đường đi Đamát. Các soạn giả Phúc Âm lắng nghe Người, được thấy các phép lạ Người làm và theo chân Người đến cùng. Nhiều vị đã thấy Người sau khi Người sống lại. Họ được Người lôi cuốn say mê và được cảm nghiệm sự tự do sâu sắc do tình yêu của Người mang đến và ơn giải thoát do sự sống mới của Người đem lại.

Khi đọc về Chúa Giêsu trong Thánh Kinh, ta được Chúa Thánh Thần hướng dẫn để mở lòng ra cho Người, để Người trở thành người bạn trung thành của ta, luôn đồng hành với ta trong suốt cuộc đời.

Có một số tài liệu phụ ở những phần khác trong sách này giúp ta làm quen với Thánh Kinh và sử dụng Thánh Kinh một cách nhuần nhuyễn. Các bộ Thánh Kinh thường có chú giải nơi đầu sách, hay các phần phụ để giúp bạn tra khảo. Hãy sử dụng chúng. Hãy bước từ từ. Khi đọc, hãy mở rộng tâm hồn cho lời Chúa.

Cầu nguyện là nói chuyện cách đơn sơ với Chúa như một người bạn, một người bạn đồng thời cũng là người cứu vớt ta. Đích thân biết Người là một đặc ân tuyệt vời, nhưng là đặc ân mà Người muốn ta có vì tình yêu riêng của Người dành cho ta. Người không trách móc ta về các tội lỗi ta phạm hay những ưu phiền ta mang trong lòng. Đúng ra, Người mời gọi ta tin tưởng chạy tới Người để được chữa lành và giải thoát, để ta có thể sống sự sống của Người như nhánh nho hay như chi thể của nhiệm thể Người là Giáo hội.

Dĩ nhiên, cầu nguyện không phải chỉ là mối liên hệ của ta với Chúa Giêsu. Cách đơn giản nhất để mô tả cầu nguyện là hướng tâm và trí ta lên Chúa.

Có nhiều cách cầu nguyện: riêng cá nhân, chung trong cộng đoàn, theo phụng vụ, chiêm niệm, trong im lặng, hoặc đọc kinh v.v... Trong Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo có một phần tuyệt vời nói về cầu nguyện, đó là Phần IV, tựa là 'Kinh Nguyện Kitô Giáo' từ số 2558 tới số 2856.

Chính Chúa Giêsu đã đề ra bản chất cho các Bí tích của Giáo Hội và Giáo hội đã khai triển thành cơ cấu phụng vụ trong nhiều thế kỷ. Có bảy Bí tích: Rửa Tội, Thêm Sức, Thống Hối, Thánh Thể, Hôn Phối, Truyền Chức Thánh và Xức Dầu Bệnh Nhân. Bí tích là những dấu hiệu theo nghi thức đem lại điều nó ám chỉ. Thí dụ, Bí tích Rửa Tội dùng dấu hiệu của nước, mà nước, khi được sử dụng trong nghi thức, sẽ đem lại sự gột rửa tội lỗi vốn được nước ám chỉ, và hiệu quả là được ngụp lặn trong sự sống Thiên Chúa. Những người năng lui tới với các Bí tích sẽ hiểu rõ sức mạnh và tác động thiêng liêng sâu xa của chúng vì nơi đó ta gặp được Chúa Giêsu. Trong Phép Thánh Thể, Chúa Giêsu là của ăn thiêng liêng cho ta khi Người hiến mình dưới hình bánh và hình rượu. Người hiến tặng ta sự tha tội của Cha Người trong Phép Thống Hối khi ta xưng thú tội lỗi mình và được làm hòa với Thiên Chúa và Giáo hội.

Những ai không quen thuộc, hay đã lâu không lãnh nhận các Bí tích, sẽ khát mong được lãnh nhận chúng.

Bước 4: Là phần tử của Cộng Đồng Giáo Hội

Không ai có thể là một người Kitô hữu đơn độc mãi được. Trong khi Chúa Giêsu tìm kiếm từng cá nhân một, Người muốn chúng ta là phần tử trong nhóm môn đệ của Người, tức là Giáo hội. Giáo hội không giống như một câu lạc bộ hay một hiệp hội. Việc Chúa Kitô tự đồng hóa với dân của Người sâu xa hơn thế nhiều. Được thánh Phaolô mô tả như “Nhiệm Thể Chúa Kitô”, những ai theo Chúa Giêsu được Người làm nên một với Người, sống bằng sự sống của Người, như các nhánh nho cùng một cây nho. Chính trong Giáo hội, ta cảm nghiệm được việc thuộc về nước Chúa có nghĩa ra sao ngay trong lúc này. Những người yêu mến Chúa Giêsu muốn được nói về Người và chia sẻ điều Người đã làm cho họ trong đời họ.

Nơi rõ ràng nhất để ta thuộc về chính là giáo xứ địa phương, vì nhà thờ giáo xứ là nơi cộng đoàn cử hành Phép Thánh Thể vào Ngày Chúa Nhật, Ngày của Chúa, và đa số các nhà thờ còn cử hành thánh lễ hàng ngày nữa. Dưới sự lãnh đạo của linh mục, cộng đoàn giáo xứ luôn tìm cách làm đức tin của họ thâm sâu hơn bằng việc hỗ trợ lẫn nhau, qua các nhóm giáo dân họp nhau lại để cầu nguyện, chia sẻ Thánh Kinh, làm việc bác ái và truyền bá tin mừng của Chúa Giêsu Kitô cho người khác.

Trong Giáo hội, còn nhiều nhóm và phong trào chuyên biệt hơn nữa với vai trò đặc biệt. Sự nhiệt thành của các thành viên trong các nhóm này thường nâng cao tinh thần con người và tạo cơ hội cho họ hân hoan ca hát, làm chứng, ca ngợi Thiên Chúa, một nơi xảy ra những trường hợp ăn năn trở về thực sự, nơi những người còn sống xa Chúa Kitô được chào đón nhiệt tình.

Bước 5: Để Chúa Giêsu biến đổi bạn

Có lẽ chúng ta đích thân nhất cho tác động biến đổi của Chúa Kitô chính là Thánh Phaolô, người được ơn trở lại đột ngột và vĩnh viễn khi được thị kiến Chúa Giêsu trên đường đi Đamát. Thánh Phaolô, hay Saolô theo tên gọi lúc ấy, là một người Do Thái nhiệm nhặt. Ngài cực lực chống lại các môn đệ của Chúa Kitô. Ngài tin rằng mình cần phải chặn đứng phong trào mới lạ này, một phong trào đang hăm he gây bất ổn cho cộng đồng Do Thái. Khi thánh nhân té xuống đất vì thấy Chúa, ngài nghe thấy những lời sau đây:

"Saun, Saun, tại sao ngươi bắt bớ Ta? " Và ông nói: "Thưa Ngài, Ngài là ai?" Và Người đáp: "Ta là Giêsu mà ngươi đang bắt bớ. Nhưng ngươi hãy đứng dậy, vào thành, và người ta sẽ nói cho ngươi biết ngươi phải làm gì". (Cv 9:4-6)

Kinh nghiệm trên thay đổi hoàn toàn cuộc đời thánh Phaolô. Ngài hay nhắc tới điều đó trong các lá thư của mình. Ngài là ví dụ điển hình chứng minh rằng Chúa Kitô có thể thực hiện điều này cả nơi chúng ta nữa.

Hành trình tấn tới trên đường tâm linh, từ tội lỗi qua thánh thiện, cần cả một đời người. Nhưng, ta được mời gọi mạnh bước trên con đường ấy một cách đầy tin tưởng. Những chứng tá cho hành động của Chúa

Giêsu nhằm giải thoát ta khỏi tội lỗi và các quan điểm trói buộc ta, là những hướng dẫn không thể thiếu cho bất cứ ai mưu cầu sự tiến bộ về mặt tâm linh.

Các phương thể thông thường dành sẵn cho hành trình quan trọng này là các buổi tĩnh tâm, là vị linh hướng, cha giải tội thường xuyên, là đọc sách thiêng liêng mà ưu tiên nhất là Sách Thánh, là các nhóm học tập và huấn luyện nghiêm chỉnh. Các nhóm sau cùng vừa nói không dễ kiếm nhưng phải hết sức quý trọng chúng như những trân châu bảo ngọc thật đáng giá.

Cuộc hành trình tâm linh của ta thực sự bắt đầu từ lúc chịu Phép Rửa, vốn có liên hệ mật thiết với Phép Thêm Sức. Chúng ta được rửa sạch tội bằng cách chết với Chúa Kitô một cách bí tích khi được chìm trong Phép Thanh Tẩy, ta tiếp nhận sự sống phục sinh mới của Người qua nước của Phép Rửa Tội, và tiếp nhận Chúa Thánh Thần trong Phép Thêm Sức.

Phép Rửa Tội của ta là Lễ Phục Sinh. Phép Thêm Sức của ta là Lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống.

Nhờ Phép Rửa Tội và Phép Thêm Sức, ta được tái sinh, như Chúa Giêsu đã nói với Nicôđêmô: *“Sinh ra bởi nước và Thần Khí”*. (Ga 3:5)

Nhờ hai Bí tích này ta nên một với Chúa Kitô, nên một với Nhiệm Thể của Người là Giáo hội. Ta sở hữu trong ta sự sống mới đầy ơn thánh của Người và ta được ban các hồng ân của Chúa Thánh Thần là Đấng cư ngụ trong ta.

Đây quả là một khởi đầu đầy vinh quang chói lọi.

Khi tiến bước trên hành trình của ta với Chúa Kitô, ta có nhiều điều để cảm tạ Người. Ta sẽ thấy hành động giải thoát của Người trong đời ta giống như ánh sáng thay thế cho bóng tối và hân hoan thay thế cho u sầu tội lỗi. Ta sẽ ước ao được ca ngợi Chúa vì các hồng ân ta nhận được và hứa giữ lòng thủy chung với Người mãi mãi.

Đối với những ai đã chịu Phép Rửa lúc còn thơ, có lẽ họ không có được những ấn tượng mạnh mẽ như người chịu Phép Rửa sau một cuộc trở lại sâu sắc, thì Phong Trào Canh Tân Đặc Sủng Công Giáo có rất nhiều điều để giúp họ. Thịnh thoàng, những người tham dự Nhóm Sống Trong Thánh Thần nhận được các ơn lời cuốn phi thường mà Tân Ước đã nói tới và họ trải qua một cảm nghiệm mà người Tin Lành gọi là “tái sinh”. Người Công giáo thì gọi chính xác hơn là cảm nghiệm biến đổi sau khi chịu Phép Rửa.

Đó là ơn phúc do Giáo hội ban tặng. Có thể nói đó là việc phóng thích nguồn sinh lực mới và làm đức tin của nhiều người thêm sâu đậm.

6. Đích thân sống cuộc sống chính trực

Các thay đổi trong cách cư xử của con người do tác động của ơn thánh đều dẫn tới một cuộc sống chính trực của bản thân. Tính tình con người được đào tạo nhờ việc thích nghi các tiêu chuẩn cao cả của Phúc Âm vào mọi lãnh vực của cuộc sống: lãnh vực bản thân, lãnh vực gia đình, lãnh vực việc làm và sinh hoạt xã hội. Có lẽ đó là điều mà thánh Phaolô có ý nhắc tới trong thư gửi tín hữu Philipê:

“Anh em hãy làm mọi việc mà đừng kêu ca hay phản kháng.

Như thế, anh em sẽ trở nên trong sạch, không ai chê trách được điều gì, và sẽ trở nên những người con vẹn toàn của Thiên Chúa, giữa một thế hệ gian tà, sa đọa.

Giữa thế hệ đó, anh em phải chiếu sáng như những vì sao trên vòm trời”. (Pl 2:14-15)

Chúa Giêsu là ánh sáng thế gian. Ví các môn đệ của Người như ánh sáng chói lọi chiếu soi cho trần gian quả là một lời khen ngợi lớn lao. Tuy nhiên, người luôn hành động với một sự chính trực bản thân cao quý bao giờ cũng được người khác chú ý và ca ngợi vì những người như thế hết sức hiếm hoi.

Sự chính trực của họ là do ơn thánh Chúa. Qua cách sống của họ, ta thấy được các hoa trái của Chúa Thánh Thần: *“bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hoà, tiết độ”*. (Gl 5: 22-23)

Người như thế quả thật đang sống theo Thánh Kinh.

Ngày nay, đời sống của các Kitô hữu dần dần đi ngược với văn hóa trong nhiều cách, đến nỗi người ta phải thắc mắc liệu có thể sống trong hai thế giới được không, thế giới đức tin và thế giới đang sống theo những nguyên tắc khác? Lịch sử đã từng có những thời kỳ, trong đó, nền văn hóa đương thịnh bị suy vong và luân lý bị nhiễm độc, đến nỗi các Kitô hữu buộc lòng phải rút chân ra. Trong những năm đầu tiên của Giáo hội thời Đế Quốc Rôma, lúc các Kitô hữu thiết lập các cộng đoàn riêng để bảo vệ đức tin của mình, việc ấy đã xảy ra rồi. Nhiều binh lính mới trở lại Kitô giáo cảm thấy phải rời bỏ binh đội Rôma, và họ đã rời bỏ thật. Các Kitô hữu bất tuân các đòi hỏi của xã hội buộc người ta phải tôn thờ Hoàng Đế như bậc thần thánh, hay thờ lạy các thần ngoại giáo, và đã lấy chính mạng sống mình mà trả giá cho hành vi chống luật pháp ấy. Nền văn hóa hiện đại cũng đặt các Kitô hữu vào những hoàn cảnh khiến họ bó buộc phải theo lương tâm mà từ chối không dự phần vào. Thí dụ các bác sĩ và nhân viên y khoa có thể không hợp tác hay thi hành việc phá thai hoặc giúp người ta an tử, dù có luật để bảo vệ họ hay không. Danh sách các trở ngại như thế có thể sẽ càng dài hơn nữa nếu xã hội cứ tiếp tục đi con đường hiện nay của nó.

Sự chính trực của các môn đệ Chúa Kitô phải được đem áp dụng vào mọi lãnh vực của cuộc sống. Nó phải được nâng cao trong gia đình, nơi yêu thương và nêu gương sáng cho con cái, đi đôi với sự kiên trì hướng dẫn chúng. Như vậy việc dưỡng dục và truyền thụ các chân lý đức tin cho con cái sẽ tốt đẹp hơn.

Nơi làm việc cũng như các sinh hoạt xã hội phải có cùng sự chính trực ấy. Dù các chức nghiệp và ngành nghề có khai triển ra các quy tắc đạo đức, nhưng nhiều vấn đề vẫn để lại cho cá nhân giải quyết. Sự chính trực đòi hỏi con người phải luôn tuân theo luật Thiên Chúa. Nếu có những thực hành bất công hay vô luân thì cần đưa ra để xem xét kỹ lưỡng, và phải cố gắng hết sức làm sao cho phù hợp với luật Chúa.

Giới răn mà Thiên Chúa ban cho Môsê được khắc vào đá, để chỉ rằng nó luôn phải được tuân giữ. Giới răn Chúa mời gọi ta phải đặt Thiên Chúa trên hết mọi sự: *“Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của người... Người không được có thần nào khác đối nghịch với Ta”*. (Đnl 5: 6-7)

Chỉ có một Thiên Chúa. Đó là sứ điệp được nhắc đi nhắc lại nhiều lần cho dân Do Thái, một dân không ngừng rơi vào nguy cơ thờ phượng các thần giả của các bộ lạc chung quanh.

Người ta phải trọng kính Thiên Chúa duy nhất chân thật như Đấng Tối Cao, mà Danh của Người thánh thiện đến độ không thể viết ra đầy đủ được.

Họ phải luôn luôn vâng phục Thiên Chúa.

Nhiều lần Chúa Giêsu gọi Thiên Chúa là Cha của Người. Người luôn thực hiện ý của Cha Người: *“Thật vậy, chính Cha là Đấng đã sai tôi, truyền lệnh cho tôi phải nói gì, tuyên bố gì”*. (Ga 12:49) Trong xã hội thế tục này, người ta làm ngơ và đẩy Thiên Chúa ra ngoài lề. Bản phận của mọi Kitô hữu là khẳng định quyền tối thượng của Thiên Chúa vì ích lợi cho xã hội. Trong Thiên Chúa, ta tìm được điểm qui chiếu ngoại tại cho chân lý và luân lý. Không có Thiên Chúa, mọi cái đều mập mờ và cuối cùng chỉ toàn là hỗn độn.

Các thần giả mà ta phải xa lánh không phải bằng vàng hay bằng bạc, trừ khi chúng là các thần của giàu sang phú quý. Chúng còn là các thần của quyền lực, địa vị, các thần của tự quyết và tự do thoát khỏi mọi ràng buộc. Ta cần lắng nghe một lần nữa tiếng Thiên Chúa phán với Môsê: *“Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của người”*, và nhấn mạnh rằng các luật lệ và phong tục của ta phải phù hợp với luật đời đời của Thiên Chúa.

Bản phận phải biết, yêu mến, phụng sự Thiên Chúa là bản phận nền tảng của mọi Kitô hữu và là một bản phận mà lương tâm đòi buộc.

Lương tâm, đôi khi bị hiểu lầm là tự do chọn lựa, hay ý kiến cá nhân, thực ra là tiếng vang vọng của Thiên Chúa trong thăm sâu mỗi con người. Nó chính là sự hướng dẫn luân lý thực tế cho các hành vi luân lý của con người. Lương tâm cần được đào luyện đúng đắn bằng chân lý, nếu không nó sẽ dẫn đi sai hướng. Lương tâm được đào luyện bằng chân lý của Chúa Kitô sẽ là sự hướng dẫn chắc chắn mà ta không thể làm ngơ. Ai hành động ngược với lương tâm mình, người ấy sẽ mất bình an.

Người chính trực sẽ thực thi những đòi hỏi cấp bách của lương tâm vì một lương tâm được đào luyện tốt sẽ luôn hoà hợp với luật Thiên Chúa như Giáo hội đã giảng dạy.

Khi phải đưa ra quyết định trong đời sống riêng hay trong đời sống xã hội, người Kitô hữu nên lắng nghe lời thánh Thomas Moore trả lời vua Henry VIII, khi vị vua này hỏi thánh nhân tại sao không còn là tôi trung của vua nữa. Ngài trả lời: *“Tôi là tôi trung của vua, nhưng trước nhất tôi phải là tôi trung của Thiên Chúa đã”*.

CHƯƠNG 6: *Sống luật yêu thương – Hôn nhân Kitô giáo*

“Giả như tôi có nói được các thứ tiếng của loài người và của các thiên thần đi nữa, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng khác gì thanh la phèng phèng, chũm choẹ xoang xoang”. (1Cr 13:1)

Muốn sống theo Thánh Kinh, ta phải vâng phục Luật Giao Ước đã được Chúa Giêsu đóng ấn bằng chính máu của Người. Đó là luật yêu thương.

Đây không phải là luật mới. Nó vốn đã là một phần trong Luật Môsê, được đưa ra tại Núi Hô-rép trong bán đảo Xinai. Ngọn núi thường được gọi là Núi Xinai. Nói với dân ở chân núi về Giao Ước với Thiên Chúa, Môsê chỉ thị họ như Thiên Chúa đã truyền lệnh:

*“Nghe đây, hỡi Ítraen!
Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất.
Hãy yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em,
Hết lòng hết dạ, hết sức anh em.
Những lời này tôi truyền cho anh em hôm nay,
Anh em phải ghi tạc vào lòng.
Anh em phải lặp lại những lời ấy cho con cái,
Phải nói lại cho chúng, lúc ngồi trong nhà
Cũng như lúc đi đường,
Khi đi ngủ cũng như khi thức dậy,
Phải buộc những lời ấy vào tay làm dấu,
Mang trên trán làm phù hiệu,
Phải viết lên khung cửa nhà anh em, và
Lên cửa thành của anh em”.* (Đnl 6:4-9)

Chúa Giêsu không loại bỏ Luật trên, nhưng Người hoàn thiện nó. Khi tiếp nhận lời kêu gọi yêu mến Thiên Chúa của Môsê, Người thêm chính giáo huấn của Người vào. Một luật sĩ Pharisêu hỏi Chúa Giêsu: *"Thưa Thầy, trong sách Luật Môsê, điều răn nào là điều răn trọng nhất?"* Người đáp: *"Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người. Đó là điều răn quan trọng nhất và điều răn thứ nhất. Còn điều răn thứ hai, cũng giống điều răn ấy, là: người phải yêu người thân cận như chính mình. Tất cả Luật Môsê và các sách ngôn sứ đều tùy thuộc vào hai điều răn ấy".* (Mt 22:36-40)

Mọi Kitô hữu say sưa đọc Thánh Kinh nên thuộc lòng những câu trên. Chúng phải được nổi bật trong nhà ta, in trên các bùa thiếp và cuối cùng ghi tạc vào chính tâm hồn ta.

Hãy yêu các kẻ thù của người

Chúa Giêsu nói đến lòng yêu thương rất nhiều lần. Người nói đến lòng yêu thương Thiên Chúa và lòng yêu thương người lân cận. Người nói đến sự tha thứ như hành vi yêu thương trong các dụ ngôn, như dụ ngôn Người Con Trai Hoang Đàng. Người làm các môn đệ ngỡ ngàng bằng cách bảo họ phải yêu cả các kẻ thù của họ nữa: *"Thầy nói với anh em là những người đang nghe Thầy đây: hãy yêu kẻ thù và làm ơn cho kẻ ghét anh em, hãy chúc lành cho kẻ nguyền rủa anh em và cầu nguyện cho kẻ vu khống anh em".* (Lc 6:27-28)

"Nếu anh em yêu thương kẻ yêu thương mình, thì có gì là ân với nghĩa? Ngay cả người tội lỗi cũng yêu thương kẻ yêu thương họ. Và nếu anh em làm ơn cho kẻ làm ơn cho mình, thì còn gì là ân với nghĩa? Ngay cả người tội lỗi cũng làm như thế. Nếu anh em cho vay mà hy vọng đòi lại được, thì còn gì là ân với nghĩa? Cả người tội lỗi cũng cho kẻ tội lỗi vay mượn để được trả lại sòng phẳng. Trái lại, anh em hãy yêu kẻ thù, hãy làm ơn và cho vay mà chẳng hề hy vọng được đền trả. Như vậy, phần thưởng dành cho anh em sẽ lớn lao, và anh em sẽ là con Đấng Tối Cao, vì Người vẫn nhân hậu với cả phường vô ân và quân độc ác. "Anh em hãy có lòng nhân từ, như Cha anh em là Đấng nhân từ". (Lc 6:32-36)

Yêu thương kẻ thù của mình có lẽ là hành vi khó nhất trong mọi hành vi yêu thương. Giáo huấn của Chúa Giêsu hết sức độc đáo ở điểm này. Nó hoàn toàn mới mẻ đối với các thánh giả của Người, vì họ vốn được giáo dục để tin rằng “*mắt đền mắt và răng đền răng*”.

Yêu thương nhau

Chúa Giêsu khẩn khoản yêu cầu các tông đồ của Người phải yêu thương nhau. Trong bài nói chuyện sau cùng vào đêm trước khi chết, Người đề cập tới mối quan tâm của Người đối với họ lúc Người sắp sửa rời bỏ họ. Người bảo đảm với họ rằng Người sẽ sai Chúa Thánh Thần xuống hướng dẫn họ và cùng có họ. Người khẩn khoản yêu cầu họ hãy yêu thương nhau.

Theo các quan sát viên lúc đó, một đặc điểm để phân biệt các Kitô hữu ban đầu chính là lòng yêu thương họ dành cho nhau. Đó không phải là đường lối của thế gian. Đường lối của Kitô hữu là đường lối của sự sống, của yêu thương, biết quan tâm tới người khác. Thực tế, nó là đường lối sống theo Thánh Kinh, đặt căn bản trên Luật Môsê và Luật Chúa Kitô. Các Kitô hữu ngày nay còn được biết đến nhờ lòng yêu thương nhau của họ hay không? Các cộng đoàn Kitô giáo, các cộng đồng dòng tu, các giáo xứ, các nhóm tông đồ và các tổ chức tương tự còn được biết đến nhờ lòng yêu thương nhau của họ hay không? Tất cả chúng ta đều được kêu gọi đạt tới lý tưởng đó. Nhưng nếu không được nhắc nhở thường xuyên, ta sẽ dễ sa vào việc chỉ trích lẫn nhau, ghen tương, cạnh tranh, kinh địch và thiếu lòng tha thứ. Ngay thánh Phaolô cũng thấy các cộng đoàn Kitô giáo tiên khởi rất dễ bị bất hòa và cần được nhắc nhở tới lời mời gọi họ yêu thương nhau.

Các cộng đoàn tu trì thường buộc phải giữ các lời khấn theo Phúc Âm về khó nghèo, khiết tịnh và vâng lời. Trong việc tuân giữ ấy, họ là nhân chứng cho các lý tưởng cao nhất tìm thấy trong các sách Phúc Âm. Điều người ta thường không hiểu là họ cũng được liên kết với nhau bằng sự cam kết yêu thương nhau. Có lẽ hơn cả các lời khấn, khi họ ôm ấp sự cam kết này, họ trở nên chứng tá của Chúa Kitô cho thế gian.

Liên hệ bản thân với Chúa Kitô

Ước mong của chúng ta được theo chân Chúa Giêsu để làm môn đệ của Người phải đặt căn bản trên mối liên hệ bản thân sâu sắc với Người. Mặc dù ta không thể có cảm nghiệm như các Tông đồ, là được sống với Người, cùng đi với Người, được lắng nghe Người như các ngài, nhưng ta vẫn có thể gần gũi với Người như các ngài, vì Người đã sống lại từ cõi chết. Không bị giới hạn về không gian và thời gian, Người hiện đang ở với ta y như đã từng ở với các môn đệ tại Galilê hay Giêrusalem hay trên đường Emmau. Ta gặp Người khi cầu nguyện. Ở bất cứ nơi nào, ta cũng có thể gặp Người. Ta thấy Người trong nhau, nhất là trong người nghèo, ta thấy Người cách đặc biệt. Ta gặp Người trong Sách Thánh, nơi Người nói với ta. Chúng ta được kết hợp sâu sắc đặc biệt với Người khi ta tham dự Thánh Lễ và lãnh nhận Người trong Phép Thánh Thể.

Chúa Giêsu vốn yêu cầu ta chia sẻ sự sống của Người một cách mật nhiệm và thân mật đến độ ta không hiểu nổi. Người nói tới việc kết hợp với ta như cây nho và các nhánh của nó. Nhánh nho sống bằng sự sống của cây nho. Thánh Phaolô cảm nghiệm được sự thân mật ấy đến độ trong một cơn ngây ngất, ngài nói rằng: “*Tôi sống, nhưng không còn phải là tôi, mà là Đức Kitô sống trong tôi. Hiện nay tôi sống kiếp phàm nhân trong niềm tin vào Con Thiên Chúa, Đấng đã yêu mến tôi và hiến mạng vì tôi*”. (Gl 2:20)

Hãy nghe thánh Phaolô nói về yêu thương

“Giả như tôi có nói được các thứ tiếng của loài người và của các thiên thần đi nữa, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng khác gì thanh la phèng phèng, chũm choẹ xoang xoảng. Giả như tôi được ơn nói tiên tri, và được biết hết mọi điều bí nhiệm, mọi lẽ cao siêu, hay có được cả đức tin đến chuyển núi dời non, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng là gì. Giả như tôi có đem hết gia tài cơ nghiệp mà bố thí, hay nộp cả thân xác tôi để chịu thiêu đốt, mà không có đức mến, thì cũng chẳng ích gì cho tôi”.

“Đức mến thì nhẫn nhục, hiền hậu, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật. Đức mến tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả”.

“Đức mến không bao giờ mất được. Ôn nói tiên tri ư? Cũng chỉ nhất thời. Nói các tiếng lạ chẳng? Có ngày sẽ hết. Ôn hiểu biết ư? Rồi cũng chẳng còn. Vì chưng sự hiểu biết thì có ngần, ơn nói tiên tri cũng có hạn. Khi cái hoàn hảo tới, thì cái có ngần có hạn sẽ biến đi. Cũng như khi tôi còn là trẻ con, tôi nói năng như trẻ con, hiểu biết như trẻ con, suy nghĩ như trẻ con; nhưng khi tôi đã thành người lớn, thì tôi bỏ tất cả những gì là trẻ con. Bây giờ chúng ta thấy mờ mờ như trong một tấm gương, mai sau sẽ được mặt giáp mặt. Bây giờ tôi biết chỉ có ngần có hạn, mai sau tôi sẽ được biết hết, như Thiên Chúa biết tôi. Hiện nay đức tin, đức cậy, đức mến, cả ba đều tồn tại, nhưng cao trọng hơn cả là đức mến”.
(1Cr 13:1-13)

Yêu thương vô điều kiện

Tình yêu được ca tụng một cách phổ quát nhưng khi thực hành thì có lựa chọn. Nó hay bị coi thường như một cảm xúc mau qua hay bị hiểu lầm là một ham muốn tính dục. Thực ra, yêu thương rất sâu sắc và lâu bền. Nó vượt trên những cảm nhận thích hay không thích của con người để vươn tới điều gì sâu sắc hơn nhiều. Nó chẳng khác gì một hành động của ý chí và cũng là thúc đẩy của trái tim. Yêu thương là cam kết nhìn ra và đi tìm điều tốt nơi người khác. Tình yêu vô vị kỷ và đại lượng đặt trọng tâm vào người khác.

Ta vui sướng khi được yêu, nhưng tình yêu không tùy thuộc vào đó. Tình yêu thì vô điều kiện và vô giá.

Tình yêu là tha thứ bảy mươi lần bảy. Yêu thương đòi hy sinh bản thân, yêu thương người khác có thể khó khăn, nhất là khi người ấy lạnh lùng hoặc dửng dưng, thù nghịch hay khó ưa.

Yêu thương là hành vi cao quý nhất của con người, và tình yêu có sức mạnh để làm tỏ lộ những điều tốt nơi người khác, để kiến tạo hòa bình, để giải quyết những tranh cãi và trả lại con người lòng tự trọng đã đánh mất.

Yêu thương là điều tự nhiên đối với con người. Trẻ em lớn lên không tình yêu sẽ phải cố gắng lắm mới biểu lộ được tình yêu, vì chúng không dễ dàng hiểu được rằng chúng cũng dễ thương, đáng yêu và quý giá trước mặt Thiên Chúa.

Muốn hiểu tình yêu Chúa Cha dành cho ta, ta chỉ cần nhìn vào Con của Ngài là Chúa Giêsu.

Một cuộc sống yêu thương

Muốn yêu thương theo đường lối Thánh Kinh, ta phải sống một cuộc sống yêu thương. Không còn con đường nào khác.

Có những câu hỏi ta phải đặt cho chính mình: ta có yêu ai không? Ta có yêu những người gần gũi với ta, những người trong gia đình, người phối ngẫu của ta, con cái ta, bạn bè ta không? Ta có thể đi xa hơn và tự hỏi, liệu chúng ta có yêu thương kẻ thù của mình không? Điều ấy không phải là điều phụ trội. Nó là điều cốt yếu của Kitô giáo và chỉ Kitô giáo mới có mà thôi. Đó là điều phân biệt giáo huấn của Chúa Giêsu với giáo huấn của bất cứ tôn giáo nào khác.

Vẫn còn nhiều câu hỏi khác nữa. Ta có yêu ngay cả khi lòng yêu thương của mình bị rầy bỏ? Ta có tha thứ bằng yêu thương không? Ta có kiên trì, hay bỏ cuộc chiến đấu hoặc đặt điều kiện trên tình yêu của ta không? Ta có yêu chính ta không? Ngạc nhiên thay, ít có người làm thế. Phần lớn trong chúng ta cố gắng để được yêu bằng cách che đậy các khía cạnh mình coi là không đáng yêu chút nào trong chính mình. Ít người trong chúng ta chịu để cho mình được người khác biết trọn vẹn về mình vì sợ bị rầy bỏ.

Ngay cả “tin mừng” nói rằng Thiên Chúa yêu thương chúng ta cũng bị đề kháng nếu ta không thấy mình đáng yêu. Ta không muốn nghe chuyện đó. Tin mừng đó đến với ta như một lời chỉ trích khiến ta cảm thấy bị áp lực phải đáp ứng lại tình yêu của Người khi ta không thể làm điều đó.

Chúa Thánh Thần từ tôn thuyết phục một người như thế nên cố gắng từ từ, để bắt đầu đặt tin tưởng nơi Thiên Chúa, để hiểu rằng tình yêu của Thiên Chúa rất có thể có thật. Sự thay đổi đến từ từ và nhẹ nhàng và khi đó tiến trình chữa lành bắt đầu.

Như thánh Gioan Tông đồ đã nói: “*Anh em hãy xem Chúa Cha yêu chúng ta dường nào: Người yêu đến nỗi cho chúng ta được gọi là con Thiên Chúa* “. (1Ga 3:1)

Hôn nhân - cần sống theo Thánh Kinh

Trong giới răn yêu Chúa và yêu người lân cận, Thánh Kinh nâng cao giá trị đặc biệt của hôn nhân. Vào thời Chúa Giêsu, ly dị không phải là không thông thường. Luật Môsê cho phép người đàn ông được ly dị vợ mình. Vì Palestine là một thuộc địa của Rôma, nên Luật Rôma cũng cho phép người đàn bà ly dị chồng mình.⁽⁴⁾ Người ta thường coi hôn nhân là một khế ước để duy trì và truyền bá dòng tộc cho người chồng. Trong cách hiểu của người Do Thái, một gia đình lớn, nhất là có con trai, là một niềm vui và ơn phúc do Chúa ban cho. Ý muốn có con thường dẫn người ta tới chỗ ly dị hay lấy nàng hầu. Ngay tổ phụ vĩ đại Ápraham, cũng đã có con với tớ gái người Ai Cập là Haga, vì nghĩ rằng vợ mình là Xara không thể có con. Đứa con ấy chính là Ismaen. Sau này, nhờ quyền năng của Thiên Chúa, Xara cũng đã có thai và sinh ra Ixaác. (xem St 16-21)

Chính trong ngữ cảnh ấy, Chúa Giêsu đã thu hồi điều khoản cho phép ly dị trong Luật Môsê, để đem ý niệm hôn nhân trở về với quan niệm cao cả lúc ban đầu. Trong Phúc Âm Máccô, Chúa Giêsu trả lời các câu hỏi về ly dị như sau:

Có mấy người Phariseu đến gần Đức Giêsu và hỏi rằng: “Thưa Thầy, chồng có được phép rầy vợ không?” Họ hỏi thế là để thử Người. Người đáp: “Thế ông Môsê đã truyền dạy các ông điều gì?” Họ trả lời: “Ông Môsê đã cho phép viết giấy ly dị mà rầy vợ.” Đức Giêsu nói với họ: “Chính vì các ông

lòng chai dạ đá, nên ông Môsê mới viết điều răn đó cho các ông. Còn lúc khởi đầu công trình tạo dựng, Thiên Chúa đã làm nên con người có nam có nữ; vì thế, người đàn ông sẽ lia cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ thành một xương một thịt. Như vậy, họ không còn là hai, nhưng chỉ là một xương một thịt. Vậy, sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly." Khi về đến nhà, các môn đệ lại hỏi Người về điều ấy. Người nói: "Ai rẫy vợ mà cưới vợ khác là phạm tội ngoại tình đối với vợ mình; và ai bỏ chồng để lấy chồng khác, thì cũng phạm tội ngoại tình". (Mc 10:2-12)

Đó là giáo huấn rõ ràng của chính Chúa Giêsu, một giáo huấn vượt lên trên Luật Môsê, trở lại đường lối mà chính Cha của Người muốn có từ thuở khởi nguyên. Giáo huấn ấy được nhắc lại trong Mátthêu 19:3-12 và cả trong Luca 16:18. Nhưng trong Phúc Âm Mátthêu, hình như có trường hợp ngoại trừ đối với luật ấy, “*trừ trường hợp không trong sạch*”. Khó mà biết điều ấy có nghĩa gì, nhưng đó không phải là việc ngoại tình. Một số nhà chú giải gợi ý rằng nó có thể là tập quán chung chạ bừa bãi khiến người ta không thể bước vào sự kết hợp hôn nhân một vợ một chồng.

Hiểu theo ý của Thánh Kinh về hôn nhân thì không thể có việc sống chung với nhau trước khi kết hôn. Sự giao hợp thân mật về tính dục là một hành động yêu thương, dẫn thân vĩnh viễn của người này cho người kia. Nếu không đúng như thế thì sự kết hợp tính dục sẽ trở nên tầm thường và mất hết ý nghĩa.

Dù một số người có thể đã không chấp nhận giáo huấn của Chúa Giêsu, nhưng lịch sử cho thấy các Kitô hữu tiên khởi đã chào đón giáo lý ấy. Họ từ khước ý niệm ngoại giáo vốn ủng hộ thứ hôn nhân tạm bợ, để chọn sự lôi cuốn của giáo huấn Chúa Giêsu. Họ khám phá ra sự kết hợp làm họ thoải mái hơn nhiều vì nó đặt căn bản trên yêu thương và trung thành suốt đời. Giữa mọi hình thức hôn nhân mà thế gian từng biết đến, những hình thức này thì nhiều lắm, Chúa Giêsu chỉ đề nghị một hình thức duy nhất, đó là sự tự ý kết hợp giữa một người đàn ông và một người đàn bà, tự cam kết với nhau suốt đời. Đó chính là hình thức hôn nhân duy nhất nơi mà yêu thương được bộc lộ cách sung mãn và hoàn hảo nhất. Chúa Giêsu nâng việc kết hợp tự nhiên này lên hàng Bí tích. Thánh Phaolô ví lòng yêu thương của Chúa Kitô dành cho Giáo hội như lòng yêu thương người chồng và người vợ dành cho nhau. (Ep 5:32)

Trong các thư của mình, nhất là các thư gửi cộng đoàn Côrintô và cộng đoàn Êphêsô, thánh Phaolô nhiều lần nói tới hôn nhân. Trong nhiều thế kỷ, Giáo hội tiếp tục triển khai sự hiểu biết của mình đối với giáo huấn của Chúa Giêsu về hôn nhân, vì thế giới cũng như các tập quán về hôn nhân luôn luôn thay đổi. Theo một nghĩa nào đó, Giáo hội hiện nay cũng đang đương đầu với những tình huống như Chúa Giêsu xưa: thường xuyên ly dị, ngoại tình, sống chung với nhau, hôn nhân hàng loạt và con cái sinh ngoài hôn nhân. Chứng tá đặc biệt của Giáo hội ngày nay là công bố chân lý của Thiên Chúa về hôn nhân như một Tin Mừng. Trong cảnh tan nát cuộc đời theo sau những cuộc hôn nhân đổ vỡ, thế giới sẽ được yên ổn nếu chịu lắng nghe giáo huấn của Chúa Giêsu một lần nữa.

Có nhiều lý do hợp lý giải thích tại sao hôn nhân cần phải lâu bền: để trong gia đình êm ấm, để hỗ trợ lẫn nhau và giáo dục con cái, đoàn kết giúp đỡ nhau trong những lúc đau yếu hay gặp họa nạn, đùm bọc âu yếm và yêu thương nhau, để bản thân tăng trưởng và được tự do, để cả già lẫn trẻ đều thấy toại nguyện và hạnh phúc.

Hơn nữa, hôn nhân bền vững là lợi điểm giúp xã hội ổn định và tồn tại, giúp điều hòa các mối liên hệ và thông truyền các giá trị xã hội.

Ly dị luôn gây đau khổ, tạo nhiều ảnh hưởng vượt xa phạm vi vợ chồng và gia đình. Những người tuyệt vọng và không hạnh phúc có thể coi ly dị như con đường duy nhất để thoát ra khỏi một tình thế không thể chịu đựng nổi.

Giáo hội hiểu rõ nỗi đau khổ của một cuộc hôn nhân bất hạnh đến độ dường như không hàn gắn được. Giáo hội sẵn lòng làm bất cứ điều gì có thể làm được để hàn gắn các cuộc hôn nhân; hoặc nếu cuộc hôn nhân ấy đã hoàn toàn đổ vỡ thì Giáo hội cung cấp bất cứ giải pháp nào có thể có trong phạm vi giáo huấn của Chúa Kitô, như thánh Phaolô từng đưa ra vào thời của ngài trong vấn đề bất khoan dung tôn giáo. Các yếu tố khác cũng sẽ được xem xét: những yếu tố tâm lý, sự thiếu chín chắn, sự lừa đảo và các thái độ cho thấy: hôn nhân này có thể chưa bao giờ được coi là hôn nhân Kitô giáo.

Giáo hội đề cao hôn nhân giữa hai Kitô hữu đã được rửa tội, coi nó là một Bí tích. Bí tích hôn phối là dấu chỉ tình yêu của Thiên Chúa dành cho ta, là sự hợp nhất của đức tin nhằm đưa người nam và người nữ vào một mối liên hệ yêu thương đặc biệt để biến họ thành một thân xác. Trong một xã hội mà nạn ly dị quá thông thường, người lớn cũng như trẻ em mang nhiều vết thương lòng vì quan hệ tình cảm tan vỡ, và bạo lực về thể lý hoặc tinh thần, thì đây là lúc cần phải sống theo Thánh Kinh.

Thánh Phaolô đã thấy tầm quan trọng của cuộc sống hôn nhân Kitô giáo trong phạm vi cộng đồng Kitô hữu, nơi đây hôn nhân được nuôi dưỡng, nâng đỡ và thực thi ơn gọi đặc biệt của nó là trở nên dấu chỉ của tình yêu Thiên Chúa đối với đồng loại. Hôn nhân và cuộc sống gia đình không phải là một vòng tròn đóng kín, tự lấy đó là đủ. Qua sự kết hợp này, vợ chồng cần phải mở rộng vòng tay đón nhận những người khác, nhất là qua tình yêu và thái độ ân cần của mình.

Chúa Giêsu phục hồi phẩm giá nguyên thủy cho hôn nhân, vì ơn Chúa Thánh Thần đổ tràn trên người nam và người nữ để họ có thể sống yêu thương mật thiết với nhau, đến độ họ sẽ trở nên một. Đó là phản ánh tình yêu Chúa Kitô dành cho ta, là những kẻ Người muốn kết hợp với Người. Hôn nhân là một Bí tích trong đó vợ chồng sẵn sàng dâng hiến đời mình cho nhau. Những cặp vợ chồng nào muốn sống một cuộc sống theo Thánh Kinh hẳn sẽ cố gắng suy gẫm về chân giá trị ơn gọi yêu thương của họ. Họ sẽ là hình ảnh Chúa Kitô khi họ biết sống ơn gọi trong việc yêu thương nhau, yêu thương con cái, yêu thương bạn bè và cộng đoàn. Sức mạnh ấy là điều thế giới đang rất cần đến.

Khi suy niệm Thánh Kinh, họ cũng sẽ thấy rằng điều người ta chờ mong nơi cuộc sống của mỗi con người Kitô hữu cũng là điều họ mong đợi nơi những người sống đời vợ chồng.

*“Anh em là những người được Thiên Chúa tuyển lựa,
hiến thánh và yêu thương.
Vì thế, anh em hãy có lòng thương cảm,
nhân hậu, khiêm nhu, hiền hoà và nhẫn nại.
Hãy chịu đựng và tha thứ cho nhau,
nếu trong anh em người này có điều gì phải trách móc người kia.
Chúa đã tha thứ cho anh em, thì anh em cũng vậy,
anh em phải tha thứ cho nhau.
Trên hết mọi đức tính, anh em phải có lòng bác ái:
đó là mối dây liên kết tuyệt hảo.
Ước gì ơn bình an của Đức Kitô điều khiển tâm hồn anh em,
vì trong một thân thể duy nhất,*

anh em đã được kêu gọi đến hưởng ơn bình an đó. Bởi vậy, anh em hãy hết dạ tri ân”.
(CI 3:12-15)

CHƯƠNG 7: *Sống trong Chúa Thánh Thần*

Chủ đề bàn tới trong chương này là để giải thích tựa đề cuốn sách: “Sống Theo Thánh Kinh”. Chính nữ ký giả người Anh kia đã ngạc nhiên khi khám phá ra một cuộc sống mới trong Chúa Thánh Thần khi cô tham dự nhóm đặc sủng Công giáo. Kinh nghiệm ấy của cô là nguồn cảm hứng cho sách này. Đời sống cô thay đổi sâu xa và cô có nhận thức mới về hoạt động của Chúa Thánh Thần trong cô. Từ đó, cô hiểu ra lối sống của các Tông đồ và các Kitô hữu lúc ban đầu, như đã mô tả trong Sách Tông Đồ Công Vụ sau biến cố Ngũ Tuần.

Cả cô cũng muốn sống trong ý thức mới mẻ ấy và đã mô tả đó là lối “Sống Theo Thánh Kinh”.

Khi đọc sách Tông Đồ Công Vụ, ta hiểu được điều nữ ký giả này nói. Ta thấy rằng điều phi thường chính là điều ta chờ mong. Rất nhiều phép lạ đã xảy ra sau biến cố Ngũ Tuần. Ông trở lại, ơn lành bệnh, ơn nói tiếng lạ, ơn tiên tri đã theo các Tông đồ đi khắp nẻo đường các ngài đặt chân tới. Đó là một thời tràn trề hy vọng cho những ai gặp được những con người ấy, những con người “*được tái sinh trong nước và Thánh Thần*”, theo chính lời Chúa Giêsu nói. Một thời đại mới đã lộ rạng. Từ các biến cố xảy ra trong cuộc sống hàng ngày của mình, các Tông đồ và các tân tòng hồi đó biết rõ rằng Chúa thật đã sống lại. Các ngài cảm nghiệm được các ơn Chúa Thánh Thần, kể cả các ơn phi thường như ơn nói tiếng lạ và làm phép lạ. Họ thật không ngờ nước tình yêu và hòa bình của Chúa Giêsu đã xuất hiện. Tin Mừng này được rao giảng cho người nghèo, người túng thiếu. Chỉ một bài nói chuyện của thánh Phêrô cũng đủ thu hút ba nghìn người chịu rửa tội. (x.Cv 2:41)

Các cộng đoàn Kitô hữu mới mọc lên khắp nơi, và không dựa trên nền tảng chủng tộc hay địa vị xã hội, mà đặt căn bản trên đức tin vào Chúa Giêsu Kitô. Mọi cộng đoàn đều cử hành nghi thức tưởng niệm việc Người đã làm cho họ là chính Bữa Ăn Tối của Người khi Người hiến mình và máu làm của nuôi dưỡng họ.

Toàn bộ sự kiện này xảy ra khi các kẻ thù của Chúa Kitô đang động viên nhân lực để tiêu diệt họ. Một loạt các cuộc bách hại dữ dội và tàn bạo của người La Mã vẫn không dập tắt được lòng hăng say và tình yêu Chúa Kitô của họ. Trong hạnh các thánh tử đạo thời sơ khai, ta đọc thấy nhiều vị đã bất chước Chúa Giêsu trong cách họ tha thứ cho các lý hình vào ngay giờ họ chịu án tử. Làm sao quân La Mã có thể bách hại một phong trào bất bạo động đầy yêu thương như thế? Thiên Chúa đã ban cho họ sức mạnh và lòng can đảm để chịu đựng những cơn bách hại tàn bạo nhất, cho tới khi chính Đế Quốc La Mã thay đổi dưới thời Constantinô, và biến mất ít năm sau đó.

Chủ đề chính yếu của cuốn sách nhỏ bé này là để chúng ta thấy rằng chúng ta vẫn còn đang sống trong thời đại của Chúa Thánh Thần, điều phi thường vẫn đang xảy ra hàng ngày, và các sức mạnh đang âm mưu bóp nghẹt hoặc làm cho Giáo hội hôm nay trở nên bất kiến hiệu không thể nào thành công được. Ngày nay, ta cần ý thức rõ hành động của Chúa Thánh Thần cũng như các Kitô hữu sơ khai từng ý thức trong thời của họ.

Những ai đang chuẩn bị lãnh nhận Bí tích Thêm Sức chắc hẳn hiểu rõ bảy ơn Chúa Thánh Thần: ơn khôn ngoan, ơn hiểu biết, ơn lo liệu, ơn sức mạnh, ơn thông minh, ơn đạo đức và ơn kính sợ Thiên Chúa.

Bảng liệt kê này thực ra lấy từ Cựu Ước nhưng vẫn còn thích hợp và rất linh hoạt. (Is 11:2)

“Thần khí Đức Chúa sẽ ngự trên ngài: thần khí khôn ngoan và minh mẫn, thần khí mưu lược và dũng mãnh, thần khí hiểu biết và kính sợ Đức Chúa. (Lòng kính sợ Đức Chúa là hơi thở của ngài.)”

Thánh Phaolô liệt kê các ơn hay các biểu hiện khác của Chúa Thánh Thần, trong đó một số ơn có tính phi thường. Ta hãy lắng nghe điều ngài nói.

“Có nhiều đặc sủng khác nhau, nhưng chỉ có một Thần Khí. Có nhiều việc phục vụ khác nhau, nhưng chỉ có một Chúa. Có nhiều hoạt động khác nhau, nhưng vẫn chỉ có một Thiên Chúa làm mọi sự trong mọi người. Thần Khí tỏ mình ra nơi mỗi người một cách, là vì ích chung. Người thì được Thần Khí ban cho ơn khôn ngoan để giảng dạy, người thì được Thần Khí ban cho ơn hiểu biết để trình bày. Kẻ thì được Thần Khí ban cho lòng tin; kẻ thì cũng được chính Thần Khí duy nhất ấy ban cho những đặc sủng để chữa bệnh. Người thì được ơn làm phép lạ, người thì được ơn nói tiên tri; kẻ thì được ơn phân định thần khí; kẻ khác thì được ơn nói các thứ tiếng lạ; kẻ khác nữa lại được ơn giải thích các tiếng lạ. Nhưng chính Thần Khí duy nhất ấy làm ra tất cả những điều đó và phân chia cho mỗi người mỗi cách, tùy theo ý của Người”. (1Cr 12:4-11)

Thánh Phaolô tường thuật lại điều chính ngài đã thấy và cảm nghiệm. Rải rác khắp các cộng đồng Kitô giáo đều có những ơn thiêng liêng cho công ích, ơn khôn ngoan, ơn hiểu biết, ơn đức tin, ơn phép lạ, ơn tiên tri, ơn phân biệt thần khí, ơn nói tiếng lạ và ơn giải thích các tiếng lạ. Sự phi thường đã trở thành bình thường.

Các ơn trên có còn hiện diện trong cộng đoàn chúng ta ngày nay nữa không, hay chúng là các ơn đặc biệt chỉ dành cho những năm sơ khai để giúp Giáo hội thành hình mà thôi? Hai nghìn năm sau, ta còn chờ mong phép lạ và mục kích những cuộc trở lại đầy xúc động nữa hay không? Ta có còn nhìn thấy theo nghĩa đen người mù lại được nhìn và người què lại được bước đi nữa hay không? Là những người sống trong thế kỷ này, ta có thể cầu xin các ân sủng phi thường của Chúa Thánh Thần cho chúng ta nữa hay không?

Tại nhiều quốc gia, các Kitô hữu đang trở nên mỗi một và bối rối. Họ không còn thấy hy vọng hoặc không cảm nhận được niềm vui của Tin Mừng trong đời mình nữa. Sống chẳng qua chỉ còn là một gánh nặng. Họ thấy mình như đang bám lấy một đức tin cổ truyền do cha mẹ truyền lại, chỉ để thấy đức tin ấy hết còn sinh động nơi con cái họ vì thế giới đã đi theo một con đường khác hẳn. Ngay các nhà lãnh đạo tinh thần của ta đôi khi cũng tỏ ra mỗi một, hết hứng thú, hay chỉ biết bận bịu với việc trần đời.

Chúa Thánh Thần vẫn không bỏ rơi Giáo hội. Không thể có chuyện đó được. Ta cần ý thức mới mẻ về sức mạnh Hiện Xuống của Chúa Thánh Thần.

Sống theo Thánh Kinh ngày nay có nghĩa gì?

Năm 1967, một nhóm người Công giáo có liên hệ với Đại Học Duquesne ở Mỹ đã hội lại với nhau để cầu xin Chúa Thánh Thần ban cho họ các ơn phi thường. Trước đó, họ đã được một số nhóm Tin Lành gọi hứng. Các nhóm đó từng được Chúa Thánh Thần đổ tràn nhiều ơn thiêng.

Lời cầu xin của họ đã được đáp ứng một cách thật xúc động. Sau một cuối tuần, họ đã sống dậy với sinh lực và niềm vui mới, và đã làm chứng cho các người Công giáo khác thấy điều họ đã lãnh nhận nhờ lời cầu nguyện.

Trong một thời gian rất ngắn, nhiều nhóm khác trong Giáo hội Công giáo cũng lãnh nhận được cùng một kinh nghiệm thiêng liêng như thế. Chẳng mấy chốc, người ta biết đến hiện tượng ấy qua danh hiệu phong trào Đặc Sủng hay “canh tân”. Phong trào này đã được Giáo hội Công giáo nhìn nhận hoàn toàn, như một biểu hiện chân chính việc làm của Chúa Thánh Thần.

Kinh nghiệm của những người này và chứng tích của những thay đổi diễn ra nơi họ là bằng chứng mạnh mẽ cho thấy các đặc sủng của Chúa Thánh Thần không phải chỉ dành riêng cho Giáo hội sơ khai mà thôi, mà còn dành cho cả Giáo hội ngày nay nữa.

Dù các ân sủng ban xuống được Thánh Phao-lô coi là vì “lợi ích chung”, nhưng điều quan trọng cần hiểu là Chúa Thánh Thần luôn liên tục hoạt động trong cuộc sống tín hữu cũng như trong thế giới nói chung.

Việc làm của Chúa Thánh Thần cho thấy Thiên Chúa gần gũi ta mọi lúc, và sự thúc giục của Chúa Thánh Thần là chứng tích Thánh ý Thiên Chúa, mà ta cần tiếp nhận với đức tin và tín thác. Đó chính là kinh nghiệm của Giáo hội mà ta đọc được trong Tông Đồ Công Vụ. Đó cũng là kinh nghiệm của Giáo hội ngày nay.

Ngày nay, những ai đang tìm cách sống theo Thánh Kinh hoàn toàn mong ước đời họ sẽ thay đổi. Họ kỳ vọng rằng quyền lực tội lỗi trong họ sẽ bị Chúa Thánh Thần phá tan và họ sẽ vui sống trong ơn Chúa. Họ mong ước họ sẽ biết tha thứ nhiều hơn và ít tự cho mình là công chính hơn, biết tín thác hơn và ít sợ sệt hơn, biết hân hoan hơn và ít để cho khó khăn nhận chìm mình hơn, biết cho đi hơn và ít vị kỷ hơn, biết cầu nguyện hơn và ít quan tâm tới của cải hơn, biết yêu thương hơn và ít chú ý tới mình hơn. Sống theo Thánh Kinh cũng có nghĩa là biết nhìn thấy giá trị trong đau khổ, có khi còn là niềm vui nữa, như các Tông đồ ngày trước cảm thấy hân hoan khi mình xứng đáng được đau khổ vì danh Chúa Kitô. (x.Cv 5:41)

Dĩ nhiên, không nên kết luận rằng lãnh nhận các đặc sủng Thần Linh là hoạt động duy nhất của Chúa Thánh Thần trong Giáo hội ngày nay.

Chúa Thánh Thần che chở và hướng dẫn Giáo hội trong những lời giáo huấn cũng như trong các nguồn ơn thánh của Giáo hội. Người che chở các vị lãnh đạo được Giáo hội xúc dầu và tấn phong trong thừa tác vụ chăn dắt giáo dân của các ngài. Chúa Thánh Thần bảo đảm Đức Thánh Cha không bị sai lầm khi lấy tư cách thủ lãnh Giáo hội mà lên tiếng trong các vấn đề đức tin và luân lý. Chúa Thánh Thần đặc biệt tích cực hoạt động trong các Công Đồng đang diễn tiến của Giáo hội, khi Đức Thánh Cha và các Giám Mục tụ họp và nhân danh Giáo hội mà lên tiếng.

Các tín hữu tin tưởng rằng Giáo Hội luôn được Chúa Thánh Thần hướng dẫn, đúng như lời Chúa Kitô hứa, khi lên tiếng về các vấn đề mới, còn đang tranh cãi về luân lý, những vấn đề trước đó chưa từng có, như trong vấn đề nghiên cứu sinh học chẳng hạn.

Chúa Thánh Thần bảo đảm mỗi Bí tích, trong số bảy Bí tích của Giáo hội, đều là một cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô. Cả bảy Bí tích ấy đều thông ban các ơn thánh đặc thù của từng Bí tích, và những ai lãnh nhận các Bí tích này đều được lớn mạnh trong sự thánh thiện.

Lời của Thiên Chúa trong Thánh Kinh được Chúa Thánh Thần linh hứng. Khi ta chăm chú và cởi mở lắng nghe Thánh Kinh, Chúa Thánh Thần hoạt động trong ta để dùng Lời ấy mà biến đổi ta và ta sẽ trở nên gần gũi hơn với Thiên Chúa.

Chúa Thánh Thần hiện diện khi ta cầu nguyện. Thánh Phaolô nhắc nhở ta rằng nếu Chúa Thánh Thần không hành động, ngay cả việc tuyên xưng “Chúa Giêsu là Chúa” ta cũng không thể làm được. (1Cr 12:3) Ngài cũng nhắc rằng Chúa Thánh Thần đã tới cư ngụ trong ta và ta chính là “*Đền Thờ Chúa Thánh Thần*”. (1Cr 6:19)

Vì Chúa Thánh Thần ở bên trong Giáo hội như một toàn thể, nên Người cũng hoạt động trong các cộng đoàn Giáo hội địa phương, trong các giáo xứ, và trong các nhóm có hai hay ba người tụ họp nhau nhân danh Chúa, bằng cách mở lòng ta tiếp nhận ơn thánh và mở trí ta tiếp nhận chân lý, lôi kéo mọi người gần lại với nhau như anh chị em trong Chúa.

Chúa Thánh Thần hành động trong trái tim mỗi cá nhân, giúp người ấy chiến thắng tội lỗi và cơn cám dỗ, giúp nhìn thấy Chúa Kitô nơi người khác, nhất là nơi người nghèo, và không phê phán mà chỉ khen ngợi và xác nhận, nhờ thế mà gọi hứng nhiều việc làm lớn lao cho Chúa. Chúa Thánh Thần mời gọi chúng ta chu toàn ơn gọi của mình trong thế giới và trong Giáo hội, trong hôn nhân hay trong cuộc sống độc thân, trong cuộc đời tận hiến nơi các Dòng Tu hay nơi một cộng đoàn tu trì.

Chúa Thánh Thần hoạt động bên trong Giáo hội để gọi hứng cho nhiều phong trào mới, và canh tân nhiều phong trào cũ nhằm làm cho ngôi vị Chúa Kitô được biết đến và được yêu mến.

Niềm tin rằng Chúa Thánh Thần đang sống và hoạt động trong Giáo hội ngày nay, cũng như xưa Người từng sống và hoạt động trong Giáo hội sơ khai, không cho phép ta được nghĩ dù chỉ thoáng qua, rằng các lực lượng của chủ nghĩa duy tục một ngày kia sẽ chiến thắng. Chúng nhất định sẽ bị chân lý và tình yêu của Chúa Giêsu Kitô đánh bại, giống hệt các kẻ thù ngày xưa vậy.

Không gì có thể làm giảm niềm hy vọng, lòng nhiệt thành hay lòng tin tưởng của chúng ta vào sự chiến thắng của Chúa Kitô đối với sự ác. Chúa Giêsu là Chúa Tể hôm qua, hôm nay và mãi mãi, Người là Alpha và Ômega, là nguyên thủy và là tận cùng. (Kh 1:8)

CHƯƠNG 8: *Nguồn gốc của Thánh Thể trong Thánh Kinh*

Hầu hết các độc giả đều đã quen thuộc với cơ cấu của Thánh Lễ, nhưng không biết rõ lai lịch của nó trong Thánh Kinh. Thánh Lễ có các chủ đề, nhiều kinh nguyện và lời chúc tụng, cấu trúc và các yếu tố như bánh và rượu, tất cả đều bắt nguồn từ Do Thái giáo.

Bất chấp sự hiện hữu của nhiều hình thức cử hành Thánh Lễ trong thời sơ khai của Giáo hội và nhiều nghi lễ Công giáo hiện có ngày nay, cấu trúc căn bản của Thánh Lễ vẫn không bị thay đổi, mà cũng không thể thay đổi được, vì qua thánh Phêrô, Giáo hội có thẩm quyền đối với đời sống và các Bí tích của mình.

Thánh Lễ xưa và nay được biết đến dưới nhiều tên gọi khác nhau. Trong số đó, có một số tên như: Bữa Ăn Của Chúa, Hy Tế Thánh Lễ, Phép Thánh Thể, Phụng Vụ Thánh Thể, Lễ Bẻ Bánh và Cuộc Tụ Họp (Synaxis).

Tên “Thánh Lễ” lấy từ phần kết thúc vào cuối lễ bằng tiếng La Tinh: “Ite missa est” (Hãy ra đi, bạn được sai đi). Câu này nhấn mạnh đến mối liên kết giữa điều vừa cử hành và cuộc sống hằng ngày. Cuối Thánh Lễ, ta được mời gọi lên đường và sống cuộc sống ta đã lãnh nhận lúc chịu Phép Rửa và được dưỡng nuôi bằng Mình Máu Chúa Giêsu mà ta vừa tiếp nhận.

Ta hãy xem một số các nguồn gốc Thánh Kinh này.

Khi Chúa Giêsu nói: “*Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy*” Ngài khiến Bữa Ăn Cuối Cùng thành Bữa Ăn của Chúa. Bữa ăn Vượt Qua được Chúa Giêsu và các Tông đồ của Người cử hành theo phong tục Do Thái đã phát sinh ra Phép Thánh Thể hay Thánh Lễ của chúng ta.

Chúa Giêsu không yêu cầu các Tông đồ cử hành bữa ăn Vượt Qua của người Do Thái để nhớ đến Người, nhưng là cử hành bữa ăn Vượt Qua đã được biến đổi, một bữa ăn không nhìn lui lại cuộc giải phóng khỏi ách nô lệ Ai Cập, mà nhìn tới cuộc giải phóng mới do Chúa Giêsu thực hiện trên Thánh Giá. Điều họ nhân danh Người mà cử hành chính là bữa ăn hiến tế của Giao Ước Mới.

Ý niệm hiến tế là ý niệm chính của bữa Vượt Qua. Dân chúng ăn thịt chiên nướng do các tư tế giết trong đền thờ vào ngày hôm trước. Trong Bữa Tiệc Ly, hiến tế mới thực sự chỉ xảy ra vào ngày hôm sau, khi Chúa Giêsu chết trên Thánh Giá, Người tự hiến mình làm hy lễ mới và hoàn hảo, đó là “*Chiên Thiên Chúa, Đấng xóa tội trần gian*”. (Ga 1:29) Ngày chính xác ăn bữa Vượt Qua đến nay vẫn còn được tranh luận. Các Phúc Âm nhất lãm của thánh Mátthêu, thánh Máccô và thánh Luca đặt nó vào đúng ngày Lễ Vượt Qua, gọi là ngày Nisan, trong khi ấy, thánh Gioan lại cho hay nó diễn ra một ngày trước lễ Vượt Qua. (Ga 13:1-2)

Bởi thế, một số người kết luận rằng bữa ăn đó không phải là bữa Vượt Qua của người Do Thái mà chỉ là bữa tiệc chia tay.⁽⁵⁾ Một số khác lại cho rằng các chi tiết của bữa ăn đã quá rõ ràng, không thể nói gì khác ngoài đó là bữa ăn Vượt Qua. Chúa Giêsu nói rõ với Phêrô và Gioan: “*Các anh hãy đi dọn cho chúng ta ăn lễ Vượt Qua*”. (Lc 22:7)

Khác biệt ấy có thể là do họ dùng khác lịch cho những ngày lễ Do Thái.⁽⁶⁾ Các lịch mà phe Biệt Phái, phe Xa-đốc và phe Êt-sen sử dụng khác nhau một hay hai ngày, vì phe Êt-sen theo mặt trời chứ không theo mặt trăng. Có thể thánh Mátthêu, thánh Máccô và thánh Luca dùng lịch đền thờ hay lịch Biệt Phái, trong khi thánh Gioan thích dùng lịch Êt-sen hơn.

Dù sao, thánh Gioan, người rất coi trọng biểu tượng, muốn nhấn mạnh cho độc giả thấy sự trùng hợp mạnh mẽ khi Chúa Giêsu chết vào đúng lúc các chiên Vượt Qua được sát tế trong đền thờ.⁽⁷⁾ Hơn nữa, thịt chiên đã không được ăn trong Bữa Tiệc Ly.

Ta không thể đánh mất đi biểu tượng này. Con chiên thật đang hiện diện, đó chính là Chúa Giêsu, Chiên Thiên Chúa.

Lễ Vượt Qua đã kiện toàn Lễ Bánh Không Men thuở trước, để tưởng niệm việc Thiên Chúa giải phóng dân Do Thái khỏi ách nô lệ Ai Cập nhờ tay Môsê.

Biến cố Vượt Qua nhắc đến cái chết của các con trai đầu lòng người Ai Cập dưới tay thiên thần. Nhà nào trên khung cửa có vẩy máu chiên sát tế thì thiên thần vượt qua không giết và tha cho. Hơn nữa, tự do đã đạt được, khi người Do Thái vượt qua Biển Đỏ thoát khỏi sự săn đuổi của quân đội Pharaô.

Lễ Vượt Qua là để tưởng niệm biến cố ấy. Hàng năm lễ này mừng vào ngày 14 của tháng đầu tiên theo lịch Nisan và nó kéo dài một tuần lễ.

Chúa Giêsu đã biến đổi tuần lễ nghỉ này của người Do Thái, để tưởng niệm sự Vượt Qua mới, một vượt qua đưa con người khỏi nô lệ tội lỗi và sự chết mà bước vào sự sống mới.

Nhiều chủ đề và yếu tố trong nghi thức Do Thái vẫn còn tiếp tục với ý nghĩa mới trong Phép Thánh Thể.

Các chủ đề

1. Hy lễ và giao ước:

Việc hiến tế súc vật là dấu chỉ quyền tối thượng của Thiên Chúa và được dùng vào việc thờ phượng Thiên Chúa trong hầu hết các ngày Lễ Do Thái. Người ta thường ăn vật sát tế đó sau khi đã thui hoặc nướng. Các hy lễ như thế thường được các tư tế thay mặt toàn dân mà tiến dâng.

Trong Bữa Tiệc Ly, Chúa Giêsu nói tới mình và máu của Người được hiến tế và đổ ra để tha tội. Máu Người là máu của “giao ước mới và vĩnh cửu”. Hy lễ của Người sẽ được hoàn tất vào ngày hôm sau trên Thánh Giá.

2. Xuất hành

Việc Môsê dẫn dân thoát ách nô lệ để tiến tới tự do được người Do Thái tưởng niệm trong lễ Vượt Qua. Bánh dùng trong bữa ăn này là bánh không men, nhắc dân nhớ rằng họ phải sẵn sàng di tản khỏi Ai Cập bất cứ lúc nào. Họ phải đứng mà ăn thịt chiên cũng vì lý do đó. Rau đắng nhắc nhớ cảnh thiếu thốn của dân trong sa mạc.

Chúa Giêsu là Môsê mới dẫn dân Người thoát khỏi nô lệ tội lỗi và sự chết mà tiến vào sự sống mới. Trong Đêm Vọng Phục Sinh, câu chuyện Xuất Hành được đọc như một nhắc nhở công cuộc cứu chuộc của chính Chúa Giêsu qua cuộc đời, cái chết và việc sống lại của Người.

3. Tha thứ tội lỗi

Đây là trung tâm các hành vi của Chúa Giêsu trong Bữa Tiệc Ly. Sự tha tội đã thực hiện được là nhờ vào việc Người tự hiến mình trên thập giá. Thứ gửi tín hữu Do Thái so sánh các hy lễ của Lễ Luật, là hy lễ không bao giờ xóa được tội lỗi, với hy lễ hoàn hảo chỉ một lần của Chúa Giêsu trên thập giá để mang lại ơn tha tội. (xem Dt 10:11-14)

Cầm lấy chén rượu, Chúa Giêsu nói rằng máu của Người sẽ đổ ra “để tha tội trong giao ước “mới và vĩnh cửu”.

4. Tạ ơn và tưởng niệm

Mỗi Lễ Do Thái đều là một hành vi cảm tạ ơn lành Chúa ban. Lễ Vượt Qua nhắc lại tình yêu của Thiên Chúa và sự che chở dân của Người khi Người giải phóng họ khỏi ách nô lệ. Chữ diễn tả sự tạ ơn trong tiếng Do Thái là “berakah”, còn chữ Hy Lạp là ‘eucharistein’. Như người Do Thái tạ ơn Thiên Chúa vì các việc tốt lành và sự che chở của Người trong lịch sử của họ thế nào, trong Bữa Tiệc Ly, Chúa Giêsu cũng tạ ơn vì tình yêu liên li của Cha Người như thế. Chúng ta cũng tạ ơn mỗi khi cử hành Bí tích Thánh Thể để nhớ lại những điều Thiên Chúa đã làm cho ta qua Chúa Giêsu, Con của Người.

5. Hiệp lễ

Ăn thịt chiên đã sát tế để thờ phượng Thiên Chúa là dấu chỉ dân nhận biết sự hy sinh và hiệp thông của họ với Thiên Chúa và với nhau. Điều đó gắn bó mọi người lại với nhau trong một Thiên Chúa duy nhất và chân thật.

Trong cùng một chiều hướng ấy, khi chúng ta ăn và uống mình máu Chúa Giêsu qua phép bí tích dưới hình bánh và rượu đã dâng hiến, chúng ta được kết hợp chặt chẽ với Chúa Kitô và với nhau như dân của Người. Như Người nên một với chúng ta vì Người là “bánh hằng sống”, ta cũng trở nên một với Người cách thiêng liêng và gần nhau hơn trong tình yêu, với tư cách là Dân của Chúa.

Kinh Tiền Tụng và Lời Nguyện Thánh Thể trong Thánh Lễ liên tục nhắc tới các đề tài này. Chúng ta cần ghi nhớ nguồn gốc Do Thái của những lời kinh này để thấy cách Chúa Giêsu hoàn tất việc hiến tế của Luật Cũ trong chính Người thế nào.

6. Các yếu tố của nghi thức

Dù trải qua nhiều thay đổi trong suốt hơn hai nghìn năm nay, Thánh Lễ vẫn giữ được cấu trúc chủ yếu của bữa ăn Vượt Qua. Chiếc bàn bây giờ cũng là bàn thờ, bánh và rượu hiện là của nuôi sống ta khi trở nên mình và máu Chúa Kitô. Con chiên vẫn hiện diện trong con người Chúa Giêsu trong mỗi Thánh Lễ.

Nhờ chia sẻ chức linh mục của Chúa Kitô, vị chủ tế cũng tạ ơn, chúc tụng và bẻ bánh. Ngài rước lấy bánh và rượu đã được truyền phép theo lệnh truyền của Chúa Kitô. Sau đó, ngài trao bánh rượu ấy cho những người tham dự Thánh Lễ.

7. Phần đọc Lời Chúa trong Sách Thánh

Các chủ đề tạ ơn, cầu xin, xóa tội và đền tội đều được nhắc tới trong Kinh Nguyện Thánh Thể và Kinh Tiên Tụng. Nhiều kinh nguyện chúc tụng phát sinh từ các hình thức cầu nguyện và chúc tụng của Do Thái (Berakah). Thí dụ, đây là lời nguyện chúc tụng đặc trưng của người Do Thái: *“Chúc tụng Chúa là Chúa Tể càn khôn. Chúa làm tươi mới toàn thế giới bằng sự tốt lành, nhân từ và xót thương của Chúa. Chúc tụng Chúa, Lạy Chúa, Đấng dưỡng nuôi vũ trụ”*.⁽⁸⁾

Hãy so sánh kinh đó với các lời nguyện trong Sách Lễ Rôma lúc chuẩn bị của lễ. Kinh tạ ơn trước bữa ăn của chúng ta cũng phát sinh từ một nguồn này:

“Lạy Chúa, xin chúc lành cho chúng con và những tặng phẩm này mà nhờ lòng nhân hậu Chúa chúng con sắp được lãnh nhận nhờ Chúa Kitô, Chúa chúng con, Amen”.

Các Kinh Nguyện Thánh Thể cũng rút tía nhiều từ các bản văn phụng vụ của Do Thái về việc chúc tụng và cảm tạ Thiên Chúa.

Giáo hội đưa vào Lời Nguyện Truyền Phép, hay lời cầu xin Chúa Thánh Thần ngự xuống trên bánh và rượu, vì nhờ Chúa Thánh Thần mà bánh và rượu biến thành mình và máu Chúa Giêsu.

Như Louis Bouyer nói, rõ ràng là “mọi tiền lệ của bữa ăn hiến tế và ý nghĩa nội tại của nó, cũng như việc tập hợp các bài đọc và lời nguyện dẫn tới bữa ăn trên đêu của Do Thái giáo”.⁽⁹⁾

Mặc dù không đọc Kinh Thánh trong bữa ăn Vượt Qua (vì không có sách, và sách cuộn thì được giữ trong hội đường), nhưng bao giờ gia trưởng cũng thuật lại câu chuyện cha ông họ được giải phóng khỏi ách nô lệ Ai Cập theo yêu cầu của người trẻ nhất trong nhà. Trong Phép Thánh Thể, lời tường thuật về những điều Thiên Chúa mạc khải trong Sách Thánh được đọc lên để chuẩn bị chúng ta sẵn sàng bước vào các mâu nhiệm thánh của Thánh Lễ. Sau các bài đọc trong Kinh Thánh là lời nguyện tạ ơn.

Suốt trong Thánh Lễ, ta đều thấy các yếu tố phát sinh từ Do Thái giáo. Bánh chính là bánh không men của Lễ Vượt Qua, là man-na dân chúng đã ăn trong sa mạc, là “bánh sự sống” trở thành chính mình Người như Chúa Giêsu đã nói.

Rượu nho chính là rượu hân hoan của tiệc trên trời sắp đến. Đó cũng là rượu đau khổ. Trong lời chúc tụng tại bữa Vượt Qua, rượu là rượu hân hoan, là cảm nghiệm được Thiên Chúa yêu thương bảo bọc. Đối với chúng ta, đó là rượu đau khổ trở thành máu Chúa Giêsu, đồng thời cũng là rượu hân hoan để chúng ta được cứu độ.

Một số lời tung hô và nhắc nhớ trong phụng vụ Thánh Thể đem chúng ta trở về với Thánh Kinh. Kinh “Thánh, Thánh, Thánh” ta đọc sau Kinh Tiên Tụng lấy từ sách tiên tri Isaia, người được thị kiến thấy Thiên Chúa hiện diện trong đền thờ. Một trong các thiên thần Xêraphim tung hô: *“Thánh! Thánh! Chí Thánh! Đức Chúa các đạo binh là Đấng Thánh! Cả mặt đất rạng ngời vinh quang Chúa”*. (Is 6:3)

“Chúc tụng Đấng nhân danh Chúa mà đến” là lời lấy từ Thánh Vịnh 118 câu 26, 27. “Chiên Thiên Chúa” có ý nhắc tới lời thánh Gioan Tẩy Giả dùng để công bố sự xuất hiện của Chúa Giêsu. (Ga 1:29)

Phép Thánh Thể không làm gián đoạn truyền thống Do Thái. Đúng ra nó hoàn tất thời gian dài chuẩn bị cho Đấng Được Xức Dầu xuất hiện. Chính Chúa Giêsu, Đấng Được Xức Dầu, đã làm mục đích của những ngày Lễ Do Thái nên trọn, nhất là của Lễ Vượt Qua.

Sự hiện diện của Chúa Giêsu trong Phép Thánh Thể chính là man-na thường trực giúp ta vượt qua các sa mạc cuộc đời. Chiến thắng của Người trên Thánh Giá, được tiên báo trong bữa ăn Vượt Qua mà nay đã trở nên Phép Thánh Thể, là niềm hy vọng và hân hoan của chúng ta.

(Page 65 of the English version – between the two pictures)

Chi tiết trên là của một bức ảnh có tên “Chúa Giêsu Đấng Dạy Dỗ” (Jesus The Pantocrator) lấy từ trần nhà Đan Viện thánh Catherine ở Xinaï, Ai Cập. Quá nhiều người Công giáo hiện không đọc Thánh Kinh, kể cả đọc một mình hay đọc theo nhóm, ấy thế nhưng chỉ trong các trang Thánh Kinh này ta mới thấy được sự điệp sâu sắc nhất của Thiên Chúa, kế hoạch đấng Người dành cho mỗi người chúng ta. Khi đọc, chúng ta cũng gặp gỡ được Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, Đấng dẫn dắt chúng ta tới số phận đích thật của ta.

CHƯƠNG 9: *Mở Thánh Kinh*

Dù đã từ lâu và khẩn thiết hơn trong những năm gần đây, Giáo hội khuyến khích người Công giáo yêu mến và đọc Sách Thánh, đối với nhiều người, Thánh Kinh vẫn chỉ là một cuốn sách đóng. Một trong các văn kiện do Công Đồng Vatican II ban hành là “*Dei Verbum*”, hoặc là “Lời Của Thiên Chúa” hay *Hiến Chế Tín Lý Về Sự Mạc Khải Của Thiên Chúa*. Trong Hiến Chế này, ta thấy những lời khuyến khích sau đây:

6.25 Công Đồng thánh thiện này tha thiết và đặc biệt thôi thúc mọi Kitô hữu, cách riêng các tu sĩ hãy năng đọc Thánh Kinh để học biết “kiến thức siêu việt của Chúa Giêsu Kitô”. (Ph 3,5) “Vì không biết Thánh Kinh là không biết Chúa Kitô” (Thánh Giêrônimô).

Sau Công Đồng Vatican II, trong phụng vụ Thánh Lễ, rất nhiều đoạn Thánh Kinh đã được tuyển chọn để đọc trong các Thánh Lễ Chúa Nhật (chu kỳ ba năm) và trong các Thánh Lễ ngày thường (chu kỳ hai năm). Những bài đọc Sách Thánh này, trích từ cả Cựu Ước lẫn Tân Ước, cung cấp cho ta một kho tàng kỳ diệu. Nhưng đồng thời, chúng vẫn không thay thế được chính Thánh Kinh. Ta nên làm quen với lịch sử, các chủ đề, các sách và cấu trúc của Thánh Kinh ngõ hầu có thể tìm được cách sử dụng đúng đắn và lấy đó làm điều quan trọng cần phải có trong đời sống chúng ta.

Thánh Kinh không phải sách lịch sử nhưng chứa đựng nhiều biến cố lịch sử. Nếu là lịch sử thì đây là lịch sử cứu độ, vì nó mang dấu vết hoạt động và mạc khải của Thiên Chúa cho những ai sẵn sàng biết tiếp nhận. Sự mạc khải này nay đã thuộc về toàn thể thế giới.

Một số nhận định ngắn ngủi sau đây có thể giúp những ai muốn tìm hiểu thêm.

Thánh Kinh có hai phần chính: Cựu Ước được viết trước Chúa Kitô, phần lớn bằng tiếng Hípri, và Tân Ước được viết sau Chúa Kitô, phần lớn bằng tiếng Hy Lạp.

Cựu Ước có 39 hay 46 sách, tùy người ta dùng “qui điển” hoặc cách tuyển chọn có thẩm quyền nào. Nói chung, các Giáo hội Tin Lành thường theo Luthêrô trong việc chấp nhận Qui Điển Hípri gồm 39 sách. Người Do Thái cho rằng việc nói tiên tri đã chấm dứt vào thời Étra và một số sách viết sau thời gian đó có thể dùng để gây cảm hứng chứ chúng không được linh hứng, và do đó họ gọi chúng là “đệ nhị qui điển” hay “nguy thư”.

Nhiều sách thuộc loại này đã từng hiện hữu và vẫn còn hiện hữu, nhưng không được coi thuộc danh sách chính thức, như bộ Talmud, một tuyển tập lớn các trước tác của các thầy rabbi, và các sách Midrash, gồm các bài suy niệm chủ yếu về năm cuốn sách đầu của Thánh Kinh, hay Torah.

Vào năm 1546, để đối phó lại Luthêrô, Công Đồng Trentô cho chính thức hóa Qui Điển Công giáo bao gồm 46 sách trong phần Cựu Ước. Công Đồng chấp nhận tất cả các sách vốn được các Giáo hội Đông Phương và Tây Phương chính thức nhìn nhận là chính thức.

Phần lớn các ấn bản Thánh Kinh ngày nay đều bao gồm cả bảy sách này, dù rằng chúng nằm trong phần riêng biệt.

“Có bao nhiêu sách trong bộ Thánh Kinh?” là câu hỏi đố vui thường được đặt ra. Trả lời là 66 thì bạn quả không sai, nhưng cần nhớ rằng câu trả lời ấy không hẳn đã là câu trả lời dứt khoát!

Về phần Tân Ước, không có gì phải tranh cãi về số sách. Mọi người đều nhất trí là có 27 cuốn. Cho nên, có tất cả 66 sách trong bộ Thánh Kinh của phe Cải Cách, và 73 cuốn sách trong bộ Thánh Kinh của Công giáo.

Người ta không nên vội vã cho rằng các hạn từ “Cựu Ước” và “Tân Ước” đã được chọn không khéo mấy, nhưng hiếm có những từ ngữ thay thế có thể chấp nhận được. Đối với người Do Thái, “Di Chúc” hoặc “Giao Ước” (hai từ mang cùng ý nghĩa) của họ không bị cũ hay lỗi thời. Vì đối với họ, chỉ có một Giao Ước hiện vẫn còn hiệu lực.

Đối với các Kitô hữu, qua Chúa Giêsu Kitô, Cựu Ước được hoàn tất trong Tân Ước. Cũng một Thiên Chúa đã từng ký giao ước với dân Người, và cũng Thiên Chúa ấy đã sai Con của Người đến để hoàn tất những mong đợi vốn có trong Giao Ước với Môsê.

Tuy thế, ta vẫn tiếp tục sử dụng các hạn từ trên vì không có hạn từ nào khác hay hơn. Ngay các kiểu nói “Thánh Kinh Hípri” và “Thánh Kinh Tông Đồ” cũng không nắm được hết ý nghĩa của điều: sách này cần được kiện toàn nơi sách kia.

Các bản dịch Thánh Kinh

Thánh Giêrônimô dịch toàn bộ Thánh Kinh sang tiếng La Tinh vào năm 400. Bản dịch này được gọi là Bản Phổ Thông. Vốn là một học giả Thánh Kinh và là một Giáo Phụ, thánh Giêrônimô đã lui về một hang động ở Bêlem để đem công trình vĩ đại của ngài ra ánh sáng. Bản Phổ Thông vốn được Giáo hội sử dụng làm bản văn Thánh Kinh tiêu chuẩn trong nhiều thế kỷ, đến nay vẫn đang được sử dụng trong Phụng Vụ, dù Phụng Vụ đã được cử hành bằng các ngôn ngữ khác nhau.

Bản Thánh Kinh bằng tiếng Anh đầu tiên đã được Wycliffe thực hiện năm 1384, sau đó là bản của Tyndale, được dịch năm 1526. Kể từ đó, rất nhiều bản dịch trong nhiều ngôn ngữ khác nhau đã xuất hiện khi ngành in ra đời, và tiếp tục được phát hành, cùng với những nghiên cứu Thánh Kinh rộng rãi hơn.

Phụng Vụ Công giáo sử dụng Bản Thánh Kinh Giêrusalem tại hầu hết các quốc gia nói tiếng Anh, nhưng có thể sẽ có thay đổi nay mai vì nhiều bản dịch khác hiện đang được xem xét.

Xét về một phương diện, thì dùng bản dịch nào cũng không thành vấn đề. Vì gần như tất cả các bản dịch đều là kết quả của những khảo cứu nghiêm chỉnh và của niềm tin Kitô giáo sâu sắc. Ngay các bản dịch bình dân bằng tiếng Anh lúc ban đầu cũng đều đáng tin cậy.

Nhưng xét theo một phương diện khác, thì dùng bản dịch nào cũng là điều cần lưu ý, vì hiểu biết và chia sẻ các trích dẫn Thánh Kinh là điều có lợi rõ rệt. Tiếc thay, sự thống nhất đó trong những năm gần đây đã không có. Nhiều người ngày nay mong muốn có một bộ Thánh Kinh được mọi người dùng chung làm nguồn trích dẫn, để học hỏi và lưu truyền từ đời này qua đời nọ.

Cuối chương này có một lược đồ tiện lợi liệt kê các sách của Bộ Thánh Kinh. Thánh Kinh bắt đầu với các trình thuật về Sáng Thế, nguồn gốc nhân loại và sự Sa Ngã. Không có niên biểu nào được xác định cho các biến cố ấy, nhưng trong bộ Torah thì có. Ápraham sống vào khoảng năm 2000 trước Chúa Giêsu. Môsê sống vào khoảng năm 1300 trước Chúa Giêsu. Đavít làm vua Israel trong 40 năm và qua đời năm 967 trước Chúa Giêsu. Đền Thờ của Vua Salômôn được xây khoảng năm 960 trước Chúa Giêsu. Thời kỳ lưu đày bên Babilon, Đền Thờ và Thành Giêrusalem bị hủy diệt đều vào khoảng giữa năm 587 và 537 trước Chúa Giêsu. Đền Thờ mới dần dần được tái thiết cho đến thời Hêrôđê Đại Vương thì được hoàn tất, vào khoảng năm thứ 9 trước Chúa Giêsu, ngay trước lúc Người sinh ra.

Những cuốn sách này không luôn theo thứ tự lịch sử vì chúng không hoàn toàn nói về lịch sử. Có những sách về khôn ngoan, huấn giáo, tiên tri, thi ca và diễm ca. 150 thánh vịnh đều là những ca khúc ngợi khen Thiên Chúa dùng cho việc thờ phượng tại Đền Thờ, chính thức được coi là do Vua Đavít, nhưng trên thực tế là do nhiều tác giả và thi sĩ sáng tác. Các thánh vịnh này mang mục đích hát xướng.

Gợi Ý

Việc làm đầu tiên là lật qua các trang Thánh Kinh xem có gì trong đó, hình dung xem ta có thể tìm thấy các sách khác nhau ở những chỗ nào. Các sách Phúc Âm hay Công Vụ Tông Đồ trong bộ Tân Ước có lẽ dễ đọc nhất vì chúng đã quá quen thuộc với hầu hết mọi người. Trong khi ấy, các sách Cựu Ước là bối cảnh chính yếu giúp ta hiểu bộ Tân Ước và do đó không nên sao lãng.

Tốt hơn bạn nên theo một chủ đề. Ta có thể chọn Ápraham và đọc xem ông đã đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa ra sao. Ta cũng có thể chọn Môsê và theo dõi cuộc đời phi thường của ông từ lúc sinh ra tại Ai Cập cho tới lúc qua đời trong sa mạc, ngay khi dân Do Thái sắp sửa vào Đất Hứa.

Ta có thể chọn một thánh vịnh đặc biệt để học thuộc lòng hoặc tìm ra ý nghĩa ám chỉ người Tôi Tớ đau khổ trong Sách Isaia chẳng hạn để suy niệm trong Mùa Chay.

Hoặc có lẽ ta muốn hiểu thấu hơn sức mạnh của Chúa Thánh Thần qua ý nghĩa phép Thêm Sức của chính mình. Trọn chương thứ hai của Sách Công Vụ Tông Đồ nói đến các hiệu quả đầy xúc động của việc Chúa Thánh Thần ngự xuống. Thánh Phaolô nói đến các ơn phúc thiêng liêng của Chúa Thánh Thần trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô, chương 12 câu 1-11 v.v...

Phần lớn, người ta thấy giản tiện hơn cả là chỉ cần theo dõi các bài đọc do Giáo hội chọn, hết Chúa Nhật này sang Chúa Nhật kia, và đọc trước khi dự lễ như một cách chuẩn bị để nghe thêm lần nữa trong Thánh Lễ và nghe bất cứ bình luận nào về chúng trong bài giảng.

Các giáo xứ hoặc các lớp giáo dục cho người lớn hiện vẫn thường tổ chức các lớp Thánh Kinh. Thêm vào đó, còn có những ấn phẩm chỉ cách sử dụng Thánh Kinh cho cá nhân hay cho gia đình. Các ấn phẩm này có cả trên liên mạng (internet) nữa.

Trong tinh lặng, nên đọc một đoạn Thánh Kinh nào đó do mình chủ ý chọn hoặc vô tình đọc được. Cách đọc đó được gọi là “Lectio Divina” nghĩa là Đọc Lời Chúa. Ta chọn một đoạn Sách Thánh không dài quá, đọc chậm chậm trong tinh thần cầu nguyện và suy niệm. Bạn có thể dừng lại khi bạn muốn, để suy niệm, hay có thể đọc một lời nguyện, và quan trọng hơn cả là lắng nghe xem đoạn ấy muốn nói gì với bạn. Chúa Thánh Thần sẽ lôi kéo bạn tới gần Thiên Chúa hơn và linh hứng cho bạn. Chúa Giêsu sẽ nói với bạn trong chính trái tim bạn.

Trên hết, bạn hãy tôn kính Thánh Kinh. Nên đặt Thánh Kinh ở một nơi danh dự trong nhà bạn vì đây là cuốn sách để ta yêu mến và trân quý. Những trang sách này đều đã được Chúa Thánh Thần linh hứng. Tuy rằng Thánh Kinh do nhiều tác giả viết, nhưng khi viết, họ đều vâng theo sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, dù lúc ấy, họ không ý thức hết các hệ luận của lời họ viết hay lời họ nói tiên tri.

Một số người cho rằng Thánh Kinh là nguồn mạc khải duy nhất. Nhưng Giáo hội tin rằng đó không thể là nguồn duy nhất được, nhất là vì Thánh Kinh, đặc biệt phần Tân Ước, đã được phát sinh từ cảm nghiệm sống thấy Chúa Kitô Phục Sinh hiện diện giữa dân của Người. Thánh Kinh làm sống động nhiều việc làm của Chúa Kitô và mạc khải của Người, nhưng không phải mọi điều đều được viết ra trong Thánh Kinh.

Giáo hội cho rằng Chúa Kitô trao quyền lực cho Giáo hội qua thánh Phêrô để dạy dỗ và gìn giữ đức tin. Vì thế, Giáo hội là người gìn giữ Thánh Kinh và là người phán quyết sau cùng cho biết đâu là giáo huấn chân thật. Giáo hội âu yếm hiến tặng ta Lời Chúa để nên nguồn cảm hứng và của ăn thiêng liêng cho ta.

Nhưng xin thận trọng. Nên đề phòng những lời chú giải Thánh Kinh nào bác bỏ khả năng làm phép lạ trong đời Chúa Giêsu. Tiếc rằng hiện có một số sách như thế. Ta cần phải tránh xa chúng. Nếu trong Thánh Kinh không có phép lạ, nhất là khi các phép lạ ấy bị hoài nghi, thì việc Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết cũng là điều không thể có được. Niềm tin Chúa Kitô sẽ mất căn bản nếu Người không sống lại từ cõi chết.

Sở dĩ có bản hướng dẫn ngắn ngủi này về việc đọc Thánh Kinh là vì nếu muốn sống theo Thánh Kinh ta phải biết Thánh Kinh nói gì và để có cảm hứng tuân theo những điều đó trong đời sống ta.

Các sách thuộc Cựu Ước

Năm sách đầu của Cựu Ước được gọi là Tôra hay Sách Luật. Tiếng Hy Lạp là *Pentateuch* (Ngũ Kinh). Đó là:

- (i) Sách Sáng Thế (50 chương)
- (ii) Sách Xuất Hành (40 chương)
- (iii) Sách Lêvi (27 chương)
- (iv) Sách Dân Số (36 chương)
- (v) Sách Đệ Nhị Luật (34 chương)

(i) Sách Sáng Thế

Sách Sáng Thế là sách đầu tiên của Thánh Kinh nói về:

- * Việc tạo dựng
- * Nguồn gốc loài người/Adong và Evà
- * Việc sa ngã
- * Nôê và Hồng Thủy
- * Ôn kêu gọi của Ápraham (Ápram)
- * Ixaác, Giacóp và Lời Hứa

(ii) Sách Xuất Hành

Bao gồm:

- * Ôn kêu gọi của Môsê
- * Cuộc Xuất Hành hay việc lên đường rời Ai Cập
- * Núi Xinaì và Giao Ước

(iii) Sách Lêvi

Sách này nói về các nghi thức và qui định bao gồm:

- * Nghi thức tiến lễ
- * Chức tư tế của Aharon
- * Năm hồng ân
- * Các luật qui định cuộc sống hàng ngày

(iv) Sách Dân Số

Sách này nói về:

- * Việc kiểm tra dân số Do Thái
- * Các năm trong sa mạc
- * Các luật cho các dịp đặc biệt

(v) Sách Đệ Nhị Luật

Sách này đề cập đến việc chọn Do Thái làm Dân Riêng

- * Nhắc lại các biến cố và luật lệ tại Xinaï
- * Việc đề cử Giôsuê
- * Cái chết của Môsê

CÁC SÁCH LỊCH SỬ

Các sách này mô tả

- * Việc Giôsuê chiếm đất hứa
- * Việc đề cử các thủ lĩnh (quan án)
- * Việc xuất hiện các vị vua, nhất là ba vị cai trị vương quốc thống nhất, là Saun, Đavít và Salômôn
- * Việc Salômôn xây cất Đền Thờ đầu tiên
- * Các trận đánh không ngừng với các bộ lạc chung quanh

Các sách này là:

Giôsuê

Thủ Lãnh

Rút

1 và 2 Samuen (1 và 2 Vua)

1 Vua (3 Vua)

2 Vua (4 Vua)

1 và 2 Sử Biên Niên (1 và 2 Paralipomenon)

Étra (1 Étra)

Nokhemia (2 Étra)

* Tôbia

* Giuditha

* Étte

Các tên gọi khác được đề trong ngoặc.

CÁC SÁCH KHÔN NGOAN

Đây là các trước tác thi ca về khôn ngoan và ca tụng. Bao gồm:

Gióp

Thánh Vịnh (150)

Châm Ngôn

Giăng Viên (Côhelét)

Diễm Ca

Khôn Ngoan của Salômôn (Khôn Ngoan)

Huân Ca (Xira)

CÁC SÁCH TIÊN TRI

Các tiên tri xuất hiện trong những lúc quốc gia gặp thử thách và đau khổ lớn lao để khích lệ dân. Họ thường hứa hẹn những ngày tươi đẹp hơn ở phía trước nếu dân giữ lòng trung thành. Một số tiên tri xuất hiện vào thời Vương Quốc Phía Bắc bị Át-xua chiếm đóng vào năm 722 trước Chúa Giêsu. Các vị khác xuất hiện vào khoảng thời gian Đền Thờ bị phá hủy và lưu đày qua Babilon năm 587 trước Chúa Giêsu. Các sách này là:

Isaia	Hôsê	Nakhum	* Macabê (1&2)
Giêrêmia	Gioen	Khabacúc	
Ai Ca của Giêrêmia	Amôt	Xôphônia	
* Barúc	Ôvađia	Khácgai	
Êdêkien	Giôna	Dacaria	
Đanien	Mikha	Malakhi	

Các sách đánh dấu hoa thị (*) thuộc qui điển Công giáo và thường được gọi là đệ nhị qui điển (deuterocanonical). Các sách Macabê là các trình thuật lịch sử về việc xâm phạm đền thánh và thái độ anh hùng của anh em nhà Macabê dám đứng lên chống lại những tên phạm thánh.

Cũng còn các sách gọi là nguy thư (Apocrypha) nữa, là các sách không thuộc qui điển nhưng cũng có thể dùng để gây cảm hứng.

Các Sách Thuộc Tân Ước

(Phần lớn viết bằng tiếng Hy Lạp)

BỐN PHÚC ÂM

Những sách này mô tả cuộc đời, giáo huấn và cái chết của Chúa Giêsu và được viết cho các độc giả khác nhau. Ba sách đầu rất giống nhau nên được gọi là Các Phúc Âm Nhất Lãm.

Phúc Âm thánh Gioan được viết dưới một cái nhìn rất khác. Gồm lại với nhau, các sách này đem lại một bức chân dung phong phú và chính xác về cuộc đời của Chúa Kitô, nhất là về thừa tác vụ công khai của Người, việc Người giảng dạy, các phép lạ Người làm và các biến cố dẫn tới cuộc khổ nạn, cái chết và sự sống lại của Người. Đó là các sách:

Phúc Âm thánh Mátthêu	(28 chương)
Phúc Âm thánh Máccô	(16 chương)
Phúc Âm thánh Luca	(24 chương)
Phúc Âm thánh Gioan	(21 chương)

CÔNG VỤ TÔNG ĐỒ (28 chương).

Các chương này mô tả việc Chúa Thánh Thần hiện xuống trên các Tông đồ và Đức Mẹ Maria vào ngày lễ Ngũ Tuần, cũng như các biến cố trong sinh hoạt của Giáo hội thời sơ khai. Các chương cuối cùng theo chân thánh Phaolô cho tới lúc ngài tới Rôma trong tư cách một tù nhân kháng án.

CÁC THƯ

Thánh Phêrô, thánh Giacôbê, thánh Gioan, thánh Giuđa và nhất là thánh Phaolô viết thư cho nhiều cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi. Các thư ấy là:

Các thư của thánh Phaolô gửi:

Tín hữu Rôma

Tín hữu Côrintô 1 và 2

Tín hữu Galát

Tín hữu Êphêsô

Tín hữu Philípê

Tín hữu Côlôxê

Tín hữu Thêxalônica 1 và 2

Timôtê 1 và 2

Titô

Philêmôn

Tín hữu Do Thái (có lẽ của một tác giả khác)

Các thư của thánh Phêrô 1 và 2

Các thư của thánh Gioan 1,2 và 3

Thư của thánh Giuđa

Thư của thánh Giacôbê

SÁCH KHẢI HUYỀN (22 chương)

Đây là sách cuối cùng của Thánh Kinh. Thánh Gioan đã sử dụng nhiều hình ảnh và biểu tượng sống động để đoan chắc với các Kitô hữu tiên khởi rằng Chúa Kitô sau cùng đã chiến thắng và khích lệ họ hãy chịu đựng các cơn bách hại của người La Mã với lòng cậy trông hân hoan.

CHƯƠNG 10: *Các Thánh Vịnh và Thánh Ca*

1. Sách Thánh Vịnh

Sách Thánh Vịnh là một hợp tuyển gồm 150 thánh vịnh, kết thúc bằng thánh vịnh sáu câu ca ngợi Thiên Chúa.

Các thánh vịnh này thường được cho là của Vua Đavít, vì 73 thánh vịnh mang tên ông: “Thánh vịnh của Đavít”. Nhưng nhìn chung, các thánh vịnh có nhiều tác giả, nhiều thi sĩ khác nhau. Chắc chắn một số thánh vịnh ấy đã do Vua Đavít viết, vì Ngài vừa là nhạc sĩ vừa là thi sĩ. Ngài biết chơi đàn lia (1Sm.16) và khiêu vũ trước Hòm Bia Giao Ước. (2Sm.6)

Sách Thánh vịnh là một loại sách thánh ca Do Thái, viết cho mục đích trước tiên là thờ phượng tại Đền Thờ. Nhiều thánh vịnh nói tới cung thánh của Thiên Chúa hoặc nói về chính Đền Thờ.

Trong số các thánh vịnh, ta thấy có những bài thánh ca chúc tụng, tạ ơn, than vãn và cầu xin. Một số là những bài ai ca trong những cơn khủng hoảng của cá nhân hay quốc gia. Tất cả đều nói lên tình yêu và

lòng tin tưởng lớn lao vào Thiên Chúa, Đấng luôn chăm sóc và bảo vệ dân của Người. Các thánh vịnh thường được chia thành năm tuyển tập: 1-41, 42-73, 73-89, 90-106, 107-150. Không phải dịch bản Thánh Kinh nào cũng có sự phân chia này.

Nhiều người thuộc nằm lòng thánh vịnh để cầu nguyện khi cần hoặc để nói lên tâm tình ca ngợi và lòng biết ơn.

Trong các thánh vịnh, có nhiều lời nhắc tới lịch sử Do Thái, tới các chiến thắng và việc đánh bại kẻ thù, tới núi thánh Xion, tới Giêrusalem, tới việc giải phóng khỏi ách nô lệ Ai Cập và tới sự che chở trong hoang địa.

Dĩ nhiên, Chúa Giêsu biết rõ các thánh vịnh. Như các Thánh sử đã chỉ rõ, nhiều hành động của Chúa Giêsu nhắc ta nhớ tới những lời thánh vịnh.

Khi Người xua đuổi những người đổi tiền ra khỏi Đền thờ, các môn đệ của Người nhớ lại Thánh vịnh 69: *“Vì nhiệt tâm lo việc nhà Chúa, mà tôi đây sẽ phải thiệt thân”*. (Ga 2:17)

Chính Chúa Giêsu đã nhắc tới Thánh vịnh 117 khi Người nói tới *“chính tảng đá thợ xây loại bỏ lại trở nên đá tảng góc tường”* (Mt 21:42). Các nhà khảo cổ cho ta hay Gôngôta, nơi Chúa Giêsu qua đời, là một hầm đá. Trong hầm đá đó, có một viên đá lớn bị thợ xây loại bỏ vì phẩm chất xấu. Viên đá ấy đã trở thành một biểu tượng của chính Chúa Kitô, Đấng đã bị loại bỏ và bị đóng đinh tại đó, nhưng không ngờ đã trở thành đá tảng góc tường cho toà nhà mới của Thiên Chúa, cho những ai thuộc về Chúa Kitô.

Lúc hấp hối trên Thánh giá, Chúa Giêsu đã nói lời Thánh vịnh (21) 22 *“Lạy Chúa, lạy Chúa, sao Chúa bỏ rơi con”*. Với nhân tính, khi gánh chịu sức nặng tội lỗi thế gian, Người đã trải qua nỗi đau vắng bóng Cha. Ấy thế nhưng Thánh vịnh 21 (22) cũng là một bài ca tin cậy, cho thấy niềm tin cậy của Chúa Giêsu đối với Cha của Người là một niềm tin cậy tuyệt đối. Thánh vịnh này cũng tiên báo các biến cố sẽ xảy ra lúc đóng đinh và ơn cứu độ dành cho muôn dân cũng như các dân nước sẽ phát sinh từ các biến cố ấy.

Các Kitô hữu luôn yêu mến và sử dụng thánh vịnh từ lúc ban đầu. Đây là thành phần không thể thiếu của nền phụng vụ Giáo hội, không phải chỉ trong Phụng Vụ Thánh Thể, mà trong việc cử hành mọi Bí tích. Kinh Thần Vụ hay Sách Phụng Vụ Giờ Kinh, mà một phần được các giáo sĩ và tu sĩ đọc hàng ngày, chứa đủ 150 thánh vịnh trong chu kỳ hàng năm.

Nhiều thánh vịnh này đã được phổ nhạc thành những bài ca đơn giản hay những tấu khúc công phu. Chúng ta rất biết ơn Đức ông Gelineau, người đã phổ nhạc nhiều thánh vịnh thành các ca khúc du dương dễ thích ứng với nhiều ngôn ngữ, kể cả tiếng Anh, qua các điệu ca biểu lộ được sắc thái và đặc tính của chúng. Có những cách phổ nhạc khác bao gồm cả những cách phổ nhạc trong giáo hội Anh có từ thời Cải cách.

Ngày nay, trên khắp thế giới, qua những cách cầu kinh đơn giản, người ta vẫn hát thánh vịnh bằng tiếng La Tinh trong cuốn *“Liber Usualis”* (Sách Thường Dùng). Đây là một trong những phối hợp tinh tế nhất xưa nay giữa nhạc và lời.

Giáo hội luôn thúc giục tín hữu dùng thánh vịnh trong đời sống cầu nguyện của bản thân và của cộng đoàn. Nhiều nhà thờ chính tòa, nhiều giáo xứ và cộng đoàn tu trì hiện đang mời các giáo dân tham gia

việc cử hành Các Giờ Kinh, như Kinh Sáng (Lauds), Kinh Trong Ngày (Giờ Ba, Giờ Sáu hay Giờ Chín) hay Kinh Chiều (Vespers). Kinh Tối (Compline) là lời cầu nguyện được hát trước khi đi ngủ.

Một số thánh vịnh rất dễ thuộc lòng, như Thánh vịnh 23 (22):

*“Chúa là mục tử chăn dắt tôi, tôi chẳng thiếu thốn gì.
Trong đồng cỏ xanh tươi, Người cho tôi nằm nghỉ.
Người đưa tôi tới dòng nước trong lành
và bổ sức cho tôi.
Người dẫn tôi trên đường ngay nẻo chính
vì danh dự của Người”.*

Xin để ý: dù bộ Thánh Kinh nào cũng có 150 thánh vịnh, nhưng cách đánh số không như nhau.

Có hai hệ thống đánh số, tùy theo việc dùng Qui Điển Hípri hay Qui Điển của Bản Phổ Thông. Tại chương 8, đã có nhắc tới hai qui điển hay hai bảng liệt kê các sách được thừa nhận.

Thánh vịnh 9 trong Qui Điển Công giáo là hai thánh vịnh trong Qui Điển Hípri, tức 9 và 10. Từ đó trở đi, số các Thánh vịnh không phù hợp nhau cho tới Thánh vịnh 113. Trong Qui Điển Phổ Thông, Thánh vịnh 113 trở thành các Thánh vịnh 114 và 115 trong Qui Điển Hípri. Rồi các Thánh vịnh 114 và 115 trong Qui Điển Phổ Thông tương ứng với Thánh vịnh 116 trong Qui Điển Hípri. Các thánh vịnh lại hợp với nhau khi các Thánh vịnh 146 và 147 của Qui Điển Phổ Thông hợp lại với nhau thành Thánh vịnh 147 của Qui Điển Hípri, làm thành đủ 150 thánh vịnh trong cả hai Qui Điển.

Bất chấp sự bất tiện này, nhiều bộ Thánh Kinh ngày nay ghi cả hai lối đánh số, nhưng qui điển họ thích vẫn được đề lên đầu.

Phần chú giải này được kết thúc cách riêng với lời Thánh Piô X như sau: “Bộ thánh vịnh tìm thấy trong Sách Thánh, được trước tác dưới sự linh hứng của Thiên Chúa, từ buổi khởi đầu của Giáo hội, đã cho thấy một sức mạnh kỳ diệu trong việc cổ vũ lòng sùng đạo của Kitô hữu..”⁽¹⁰⁾

2. Thánh Ca

Các thánh ca cũng như các thánh vịnh đều là những sáng tác thi ca, được viết ra để ca hát giống như các thánh vịnh. Chúng nói lên niềm vui, nỗi sầu, lòng cảm tạ và tin tưởng nơi Thiên Chúa.

Trong thư gửi tín hữu Êphêsô, thánh Phaolô khuyên dân của ngài đừng say sưa rượu chè nhưng hãy để Chúa Thánh Thần tràn ngập lòng họ và cùng nhau đối đáp bằng “những bài thánh vịnh, thánh thi và thánh ca do Thần Khí linh hứng”. (Ep 5:18-19)

Trong Thánh Kinh, nhiều bài thánh ca đã góp phần trong các giờ cầu kinh và nghi lễ của cả Do Thái giáo lẫn Kitô giáo.

Môsê đã mừng kỷ niệm Chúa chiến thắng quân đội Ai Cập khi Người tiêu diệt họ dưới lòng Biển Đỏ như sau:

*"Tôi xin hát mừng Chúa, Đấng cao cả uy hùng:
Kỵ binh cùng chiến mã, Người xô xuống đại dương.
Chúa là sức mạnh tôi, là Đấng tôi ca ngợi,
chính Người cứu độ tôi.
Người là Chúa tôi thờ, xin dâng lời vinh chúc,
Người là Chúa tổ tiên, xin mừng câu tán tụng". (Xh 15:1-2)
Vua Đavít hát bài ca ngợi Thiên Chúa, Đấng đã giải thoát ông khỏi các địch thù:
"Lạy Đức Chúa là núi đá, là thành lũy, là Đấng giải thoát con;
Lạy Thiên Chúa con thờ, là núi đá cho con trú ẩn". (2Sm 22:1-3)*

Ông Tôbít cảm tạ Thiên Chúa vì lòng xót thương của Người đối với dân đang bị lưu đày và tiên đoán ngày vinh quang của Giêrusalem:

*"Chúc tụng Thiên Chúa, Đấng muôn đời hằng sống,
chúc tụng vương triều Người.
Chính Người đánh phạt rồi lại xót thương,
đẩy xuống tận âm ty trong lòng đất sâu thẳm,
rồi kéo ra khỏi đại họa tiêu vong,
chẳng có chi thoát khỏi tay Người...
vì Người sẽ xây dựng lại thành Giêrusalem
bằng ngọc xanh, ngọc biếc,
mọi bức tường, toàn đá quý xây lên.
Người ta sẽ dùng vàng để xây tường thành Giêrusalem,
lấy vàng ròng đắp nên thành lũy.
Đường phố Giêrusalem sẽ lát đá Ôphia và hồng ngọc.
Các cửa thành Giêrusalem vang tiếng ca hoan hỷ,
mọi nhà sẽ cùng hát: "Ha-lê-lui-a!
Chúc tụng Thiên Chúa là Đấng Israel tôn thờ!
Và những ai được Chúa Trời giáng phúc
sẽ chúc tụng Thánh Danh đến muôn thuở muôn đời".
(Tb 13: 1-2, 16-18)*

Sát-rác, Mê-sác và Av-ét Nô-gô ở trong đồng lửa phùng phục đã thưa:

*"Lạy Chúa là Thiên Chúa tổ tiên chúng con,
xin chúc tụng và ca ngợi Chúa,
cùng tôn vinh Danh Thánh mãi muôn đời..".
Hãy tạ ơn Chúa vì Chúa nhân từ,
muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương".
(Đn 3: 26, 89).*

Người ta cho rằng Diễm Ca là của vua Salômôn. Đây là một bài tình ca sống động giữa một người nam và bạn đời của chàng, một môi tình biểu tượng cho bản chất đắm đuối của tình yêu giữa Thiên Chúa và dân của Người.

*Ước gì chàng hôn ta những nụ hôn chính môi miệng chàng!
Án ái của anh còn ngọt ngào hơn rượu.
Mùi hương anh thơm ngát,
tên anh là dầu thơm man mác toả lan,
thảo nào các thiếu nữ mê say mộ mến !
Em là đoá thủy tiên của Sarôn đồng bằng,
là bông huệ thắm hồng trong thung lũng.
Bạn tình tôi giữa đoàn thiếu nữ
có khác gì cánh huệ giữa bụi gai.
(Đc 1:1-3, 2:1-2)*

Trong Cựu Ước có tất cả 13 thánh ca như trên. Tân Ước thì có ba thánh ca:

Bài Chúc tụng Chúa của Dacaria
Bài Ngợi Khen của Đức Mẹ (Magnificat) và
Bài Bảy Giờ Xin Đẻ Con Đi (Nunc Dimittis) của Simêôn

Sau đây chúng tôi cho trình bày trọn vẹn cả ba thánh ca ấy, vì vẻ đẹp và nội dung của chúng và vì chúng liên tiếp được phụng vụ cũng như Thần vụ của Giáo hội sử dụng, và chúng ta nên thường xuyên ca hát chúng.

Bài Chúc tụng Chúa của Dacaria:

Dacaria, thân phụ thánh Gioan Tẩy Giả và là chồng bà Êlisabét, được tràn ngập Chúa Thánh Thần, đã ca lên:

*"Chúc tụng Đức Chúa là Thiên Chúa Israel
đã viếng thăm cứu chuộc dân Người.
Từ dòng dõi trung thân Đavít,
Người đã cho xuất hiện
Vị Cứu Tinh quyền thế để giúp ta,
như Người đã dùng miệng các vị thánh ngôn sứ
mà phán hứa tự ngàn xưa:
sẽ cứu ta thoát khỏi địch thù,
thoát tay mọi kẻ hằng ghen ghét;
sẽ trọn bề nhân nghĩa với tổ tiên
và nhớ lại lời xưa giao ước;
Chúa đã thề với tổ phụ Ápraham
rằng sẽ giải phóng ta khỏi tay địch thù,
và cho ta chẳng còn sợ hãi,
để ta sống thánh thiện công chính trước nhan Người,
mà phụng thờ Người suốt cả đời ta.
Hài Nhi hỡi, con sẽ mang tước hiệu
là ngôn sứ của Đấng Tối Cao:
con sẽ đi trước Chúa, mở lối cho Người,
bảo cho dân Chúa biết: Người sẽ cứu độ*

*là tha cho họ hết mọi tội khiên.
Thiên Chúa ta đầy lòng trắc ẩn,
cho Vàng Đông tự chôn cao vời viếng thăm ta,
soi sáng những ai ngồi nơi tăm tối
và trong bóng tử thần,
dẫn ta bước vào đường nẻo bình an". (Lc 1:68-79)*

Kinh Ngợi Khen của Đức Mẹ:

Khi được bà Êlisabét chào kính, Đức Mẹ đã đáp rằng:

*"Linh hồn tôi ngợi khen Đức Chúa,
thần trí tôi hớn hở vui mừng
vì Thiên Chúa, Đấng cứu độ tôi.
Phận nữ tỳ hèn mọn,
Người đoái thương nhìn tới;
từ nay, hết mọi đời
sẽ khen tôi diễm phúc.
Đấng Toàn Năng đã làm cho tôi
biết bao điều cao cả,
danh Người thật chí thánh chí tôn!
Đời nọ tới đời kia,
Chúa hằng thương xót những ai kính sợ Người.
Chúa giơ tay biểu dương sức mạnh,
đẹp tan phường lòng trí kiêu căng.
Chúa hạ bệ những ai quyền thế,
Người nâng cao mọi kẻ khiêm nhường.
Kẻ đói nghèo, Chúa ban của đầy dư,
người giàu có, lại đuổi về tay trắng.
Chúa độ trì Ít-ra-en, tôi tớ của Người,
như đã hứa cùng cha ông chúng ta,
vì Người nhớ lại lòng thương xót
dành cho tổ phụ Ápraham
và cho con cháu đến muôn đời". (Lc 1:46-56)*

Bây Giờ, Xin Để Con Đi của Simêôn:

Lúc Chúa Giêsu được dâng hiến trong đền thờ, ông Simêôn đã ẵm con trẻ vào lòng và hát rằng:

*"Muôn lạy Chúa, giờ đây
theo lời Ngài đã hứa,
xin để tôi tớ này được an bình ra đi.
Vì chính mắt con được thấy ơn cứu độ
Chúa đã dành sẵn cho muôn dân:
Đó là ánh sáng soi đường cho dân ngoại,
là vinh quang của Ítraen Dân Ngài". (Lc 2:29-32)*

Phụ Chương I: ĐỀN THỜ GIÊRUSALEM

Thời Chúa Giêsu, Đền Thờ trông rất tuyệt diệu. Đứng oai phong và tao nhã, ngôi đền thờ màu trắng trơn tru và không lò bằng đá ấy lóng lánh dưới ánh mặt trời. Với những đường nét phẳng phiu sắc cạnh, nếu còn đến ngày nay hẳn trông nó phải hết sức tân tiến. Đó là ngôi đền thờ thứ hai ở cùng trên một địa điểm. Ngôi đền thờ thứ nhất do Vua Đavít đặt kế hoạch, nhưng được Vua Salômôn xây vào khoảng năm 960 TCG và bị Nabucôđônôso của Babilon hủy diệt vào năm 587 TCG. Đền Thờ này đã đứng vững gần 400 năm.

Đền Thờ được xây trên Núi Môrigia, nơi Ápraham nhận được lệnh sát tế con trai mình là Ixaác, nhưng vào phút chót Chúa đã ngăn ông lại. Một truyền thuyết lâu đời cho rằng Ápraham tuyên bố sẽ lập một cung thánh tại Núi Môrigia.

Khi trở về vào năm 537 sau thời gian bị cầm giữ bên Babilon, dân Do Thái bắt đầu tái thiết Đền Thờ, lúc ấy đã điêu tàn. Việc ấy cần nhiều năm trời mới hoàn tất. Trong thời Xêlêucô đền thánh bị mạo phạm, nhưng sau đó vào năm 164 TCG, dưới thời Macabê, Đền Thờ đã được tái thánh hiến. Từ đó phát sinh ngày lễ mới là Lễ Cung Hiến Đền Thờ hay lễ Hanukkah.

Đền Thờ thứ hai do Hêrôđê Đại vương hoàn thành vào khoảng năm thứ 9 trước Chúa Giêsu. Vì Hêrôđê không phải là người Do Thái, nên ông đã cho xây thêm vào khu vực Đền Thờ một sân nhỏ rộng mở cho bất cứ ai. Các tòa nhà của đền thờ cung cấp cơ sở cho Thượng Hội Đồng và tòa án cấp thấp, cũng có các phòng khác sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau như phòng chuẩn bị hy lễ hoặc phòng cứu xét các lời chứng khỏi bệnh của những người cùi. Phía bên trong Đền Thờ là cung thánh, nơi các tư tế dâng hy lễ hàng ngày. Phía trong cùng của Đền Thờ là Nơi Cực Thánh, nơi để Hòm Bia Giao Ước với các bảng Lê Luật mà Thiên Chúa đã trao cho Môsê trên Núi Xinaï. Cũng có lời nói rằng trong đó còn giữ cả cây gậy trở bông của Aharon và một chiếc bình đựng man-na nữa. Vào thời Chúa Giêsu, Nơi Cực Thánh là một phòng tối chứa bàn hương, bàn 12 chiếc bánh (bánh tiến) và chân nến bảy ngọn. Chỉ một mình Thầy Cả Thượng Phẩm mới được vào Nơi Cực Thánh mỗi năm một lần vào Ngày Lễ Xá Tội Yom Kippur.

Người ta cho rằng 150 thánh vịnh là của Vua Đavít nhưng thực ra do nhiều thi sĩ sáng tác, và họ đã dùng chúng cho việc phụng tự trong Đền Thờ. Cung thánh nguyên thủy chứa Hòm Bia Giao Ước và nhà tạm (lều) đã được làm thời Môsê tại Núi Xinaï, nó có thể di chuyển được để cùng đồng hành với dân trong cuộc hành trình xuyên sa mạc của họ, như một biểu tượng cho sự hiện diện của Thiên Chúa. Khi Salômôn xây Đền Thờ, thì Đền Thờ này chứa cả cung thánh mới lẫn Nơi Cực Thánh. Hòm Bia Giao Ước dường như đã bị thất lạc sau khi người Babilon phá hủy Đền Thờ vào năm 537.

Chúa Giêsu hay lui tới Đền thờ. Người được cắt bì tại đó, và trà trộn giữa các luật sĩ và học giả lúc mới lên 12 tuổi. Người cầu nguyện tại đó và tuân giữ các ngày lễ lớn. Người thanh tẩy Đền Thờ bằng cách xua đuổi những người đòi tiền bắt lương ra khỏi đó. Người tiên đoán nó sẽ bị phá hủy và điều này đã xảy ra thật vào năm 70 bởi tay binh lính của Đoàn Quân La Mã.

Đền Thờ bị phá hủy có nghĩa là các hy lễ hàng ngày cũng như chức vụ tư tế bị chấm dứt.

Người ta chỉ có thể tưởng tượng được nỗi đau buồn của người Do Thái khi ngôi đền thờ yêu quý của họ bị phá hủy, đây vốn là trung tâm thờ phượng Thiên Chúa, và là tượng trưng cho việc Thiên Chúa chọn họ làm dân riêng của Người.

Ngày nay, người Do Thái cầu nguyện và khóc thương cho việc mất Đền Thờ tại Bức Tường Phía Tây, mà mọi người gọi là Bức Tường Than Khóc.

Vì hai tòa nhà Hội giáo nằm ngay trên nền Đền Thờ (Mái Vòm Đá Tảng và Đền Thờ El Aqsa được xây cách nay 1300 năm) nên việc tái thiết Đền Thờ khó lòng xây ra được.

Pháo đài Antonia

Hàng cột nơi các thầy
Rabbis dạy dỗ các môn đệ



Phụ Chương II: LƯỢC SỬ GIÊRUSALEM

Trước năm 2000 TCG

Con người đã định cư tại khu vực mà nay được gọi là Giêrusalem.

Năm 2000 - 1000 TCG

Thời các Tổ Phụ Ápraham, Ixaác và Giacóp. Ápraham rời Lưỡng Hà theo lệnh Thiên Chúa và tới Canaan, tới Núi Môrigia ở Giêrusalem. Chính tại nơi đó, Thiên Chúa đã chỉ thị cho Ápraham sát tế con trai mình là Ixaác, nhưng vào phút cuối, chỉ thị ấy đã được hủy bỏ. Núi Môrigia là địa điểm sau cùng của Đền thờ. Vào lúc ấy, có lẽ Giêrusalem có tên là Salem, dưới thời Menkixêđê.

Môsê lãnh đạo dân Do Thái ra khỏi Ai Cập vào khoảng năm 1250 TCG. Sau khi Môsê chết, họ tiến qua Giêricô và tới được Đất Hứa dưới quyền chỉ huy của Giôsuê.

Năm 1000 - 587 TCG

Vào khoảng năm 1000 TCG, Đavít chiếm được Giêrusalem, lúc ấy là một thành của Canaan, Xion chính là ngọn đồi phòng thủ kiên cố bên ngoài Giêrusalem đã rơi vào tay Đavít. Từ đó người ta gọi đó là thành Đavít, mặc dù ông vốn sinh tại Bêlem. Đavít trở thành vua của nước Israel thống nhất (gồm Giuđa và Israel).

Năm 587 - 350 TCG

Vua Babilon đánh bại Giuđa và chiếm đóng Giêrusalem. Đền Thờ bị phá hủy và dân bị bắt đi đày tại Babilon. Đó là thời các tiên tri Isaia, Giêrêmia, Êdêkien và Đanien.

Khi Ba Tư đánh bại Babilon, lãnh tụ của họ là Kyrô cho phép người Do Thái hồi hương vào năm 537 TCG và họ bắt đầu tái thiết Đền Thờ.

Năm 331 - 167 TCG

Đây là thời Hy Lạp khi Palestine trở thành một phần trong đế quốc của Alécxăng Đại Đế.

Năm 167 - 63 TCG

Nhà Macabê và nhà Hátmônê cai trị Palestine.

Năm 63 - 9 TCG

Tướng La Mã là Pompey chiếm Giêrusalem năm 63 TCG. La Mã cử nhiệm các tổng trấn để cai trị Palestine.

Hêrôđê Đại Vương hoàn tất và trang hoàng lộng lẫy các khu vực chung quanh Đền thờ, dưới thời ông trị vì trong tư cách tổng quyền Giuđêa do Julius Caesar chỉ định năm 47 TCG.

Người La Mã cho phép ông sử dụng tước “vua”. Ông không phải là người Do Thái và rất nhanh nhẹn loại trừ bất cứ điều gì gây đe dọa cho ngai vàng của ông. Chính ông là người mưu toan sát hại trẻ thơ Giêsu.

Một Hêrôđê khác là Hêrôđê Antipa Tiểu vương, người chịu trách nhiệm cho việc chém đầu Gioan Tẩy Giả.

Năm 9TCG - 70

Chúa Giêsu chết và sống lại từ cõi chết vào thời này. Người sinh tại Bêlem, giảng dạy khắp Israel, nhất là tại vùng Galilê và Giêrusalem. Người năng tới viếng Đền Thờ lúc ấy rất sầm uất, để tham dự các ngày lễ Do Thái và giảng dạy dưới Cổng Vòm Salômôn, trong lãnh thổ của khu vực Đền thờ. Người chết trên Thánh Giá tại Gôngôtha, bên ngoài cổng kinh thành.

Năm 70, vì một cuộc nổi loạn, Đoàn Quân La Mã đã từ Núi Scopus kéo xuống phá hủy Đền Thờ và cả Giêrusalem nữa.

Năm 70 - 313

Thời kỳ bất ổn và chiến đấu cam go giữa người Do Thái và người La Mã cho tới tận thời Hoàng đế Constantino.

Năm 313 - 637

Thời Byzantine dưới quyền Constantino. Ông cho dời thủ đô của Đế Quốc từ La Mã qua Byzantium (mà ông đổi tên thành Constantinople). Nhà Thờ Mộ Thánh được xây vào năm 335. Dưới thời các hoàng đế Byzantine, hơn 200 nhà thờ và đan viện được xây tại Palestine.

Năm 637 - 1000

Người Ba Tư, dưới quyền Omar, chiếm Giêrusalem, biến nó thành Thành thánh của Hồi giáo. Môhamét qua đời năm 632. Sau Mecca và Medina, Giêrusalem trở nên thành phố cực thánh thứ ba của họ. Mái Vòm Đá Tàng và Đền Thờ El Aqsa được xây vào thời này ngay trên địa điểm của Đền Thờ.

Năm 1099 -1187

Thập Tự Quân đã chiến đấu để đem Đất Thánh trở lại quyền kiểm soát của Kitô giáo. Sau một số lần viễn chinh, họ đã chiến thắng và cai trị Giêrusalem gần một trăm năm cho tới khi Saladin đánh bại Chế Độ La Tinh vào năm 1187 và đem Đất Thánh trở lại quyền kiểm soát của người Hồi giáo.

Năm 1187 - 1517

Người Mamluk Hồi giáo cai trị Palestine tới tận năm 1517 khi họ bị người Ottomans đánh bại.

Năm 1517 - 1917

Palestine bị Đế Quốc Ottoman của Thổ Nhĩ Kỳ cai trị bốn trăm năm. Suleiman Kỳ Diệu đã tái thiết các tường thành Giêrusalem, hiện vẫn còn cho đến ngày nay. Nó bao gồm một khu vực còn lớn hơn các tường thành nguyên thủy của Giêrusalem.

Năm 1798, Napôlêon mở chiến dịch tại Palestine. Đức Giáo Hoàng Piô IX thiết lập Tòa Thượng Phụ Latinh tại Giêrusalem vào năm 1847 và phục hưng tổ chức Kỳ Sĩ Mộ Thánh để trợ giúp tài chánh cho Thượng Phụ ở những nơi có rất ít Kitô hữu theo Nghi Lễ La Tinh.

Năm 1917 - 1948

Các binh lính Úc và Anh đã vất vả lắm mới lấy lại Palestine từ tay người Ottoman. Tướng Allenby, nhân danh Chính phủ Anh, đã tiến qua Cổng Đamát vào chiếm Giêrusalem năm 1917.

Năm 1922, Hội Quốc Liên trao cho Anh quyền trên Palestine. Trong Bản Tuyên Ngôn Balfour năm 1917 Anh ủng hộ việc thiết lập một Quê Hương Do Thái trên phần đất của Palestine.

Năm 1948, do Liên Hiệp Quốc đề nghị phân chia Palestine cho người Ả Rập và người Do Thái mà Quốc Gia Israel ra đời. Người Ả Rập không bao giờ chấp nhận giải pháp ấy nên chiến tranh giữa Israel và các lân bang đã bùng nổ. Từ đó đã xảy ra những cuộc chiến khác và cho đến nay bạo lực vẫn tiếp diễn. Năm 1967, thành Giêrusalem trước đây bị phân chia đã hoàn toàn lọt vào quyền kiểm soát của Israel trong “cuộc chiến sáu ngày”. Sau Cuộc Chiến tranh Yom Kippur năm 1973, họ đã ký hòa ước với Ai Cập năm

1979. Năm 1994, chính quyền Palestine được thiết lập và một hoà ước đã được ký kết giữa Israel và Jordan.

THƯ MỤC

1. Alexander, D & P (Phần 1, 2, 3) *Bible Handook and A-Z Biblical Encyclopedia* (Thủ Bản Thánh Kinh và Bách Khoa Thánh Kinh từ A đến Z), Shady Lane Books, Oxford, England, 1990, tr.141.
 2. Pixiner, Bergil, OSB, *With Jesus in Jerusalem* (Với Chúa Giêsu tại Giêrusalem), Corazin Publishing, Israel, 1996, tr.88.tkn
 3. Đức Gioan Phaolô II, Ngày Giới Trẻ Thế Giới lần thứ XII, Castel Gondolfo, 15 Tháng Tám, 1996.
 4. Hickey, BJ, (*Preparing Couples for Marriage* [Chuẩn Bị Các Cặp Để Kết Hôn]), Desbooks, 1983, tr. 23.
 5. Kodell, Jerome OSB, *The Eucharist in the New Testament in Zacchaeus Studies* (Phép Thánh Thể trong Tân Ước trong Các Nghiên Cứu Zacchaeus), The Liturgical Press, Coolegeville, Minnesota, USA, 1991, tr.30.
 6. Pixiner, Bergil OSB, *trích dẫn* tr.76.
 7. Ratzinger, Joseph. *God is Near Us* (Thiên Chúa Ở Gần Chúng Ta), Ignatius Press, San Francisco, 2001, tr. 42.
 8. Mazza, Enrico, *La Celebrazione Eucharistica* (Cử Hành Thánh Thể), Grafiche Deftioniana, Bologna,, Italy, 2003, tr.22
 9. Bouyer, Louis, *Life and Liturgy* (Đời Sống Và Phụng Vụ), Sheed and Ward, London, England, 1956, tr.127.
 10. Đức Giáo Hoàng Piô X, *Apostolic Constitution Divino Afflatu* (Tông Hiến Linh Hứng Thiên Chúa), 1911.
-

“Còn cách nào tốt hơn là hướng về Lời Chúa để thấy việc Chúa Giêsu làm và nghe điều Người nói. Người có nhiều điều để nói với chúng ta ngày nay”.

“Tôi hy vọng rằng qua những trang giấy của cuốn sách nhỏ này, khuôn mặt Chúa Giêsu sẽ hiện lên rõ ràng và mạnh mẽ trong tư cách Đấng Được Xức Dầu và Đấng Cứu Thế. Cuốn sách này tìm lại dấu vết của nhiều thế kỷ dài với những biến cố tiên đoán trước khi Người đến. Nhìn lại, ta thấy Thiên Chúa đã chuẩn bị cho Con của Người hạ sinh qua Ápraham và các Tổ Phụ, qua Môsê và Giao Ước Vĩ Đại tại Xinai, qua câu truyện Vua Đavít, qua việc thờ phượng tại Đền Thờ của Salômôn, qua các ngày lễ và các Hy Lễ Do Thái và qua các Tiên Tri, kết